

DANH SÁCH CÁC THỬA ĐẤT ĐÃ BAN HÀNH THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT
DỰ ÁN: KHU ĐÔ THỊ HIỆP HÒA TẠI PHƯỜNG TRẦN BIÊN, THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

Đính kèm thông báo số: 62/TB-TTPTQĐ-CNBH 05/05/2026

| STT | Số tờ cũ | Số thửa | Số thông báo THĐ | Họ và tên | Địa chỉ cư trú | Phường mới | Số tờ mới | Diện tích trong dự án | Bản vẽ |
|-----|----------|---------|----------------------------|--------------------------------|--|--------------------------------------|-----------|-----------------------|----------|
| 1 | 14 | 23 | 245/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Tường Nhi | 96/29, Tổ 9, Khu phố 10, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 232 | 20.9 | 968-2025 |
| 2 | 15 | 1 | 246/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đỗ Thị Thanh Phương | 10/123A, Khu phố 3, phường Tam Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 233 | 37.0 | 968-2025 |
| 3 | 15 | 2 | 247/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đỗ Thị Thanh Phương | 10/123A, Khu phố 3, phường Tam Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 233 | 729.8 | 968-2025 |
| 4 | 15 | 3 | 248/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đỗ Thị Thanh Phương | 10/123A, Khu phố 3, phường Tam Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 233 | 149.6 | 968-2025 |
| 5 | 15 | 6 | 249/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Văn Quý | 4/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 233 | 91.4 | 968-2025 |
| 6 | 15 | 7 | 250/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Ân và Tô Ánh Nguyệt | 2/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 233 | 162.5 | 968-2025 |

| | | | | | | | | | |
|----|----|----|-------------------------------|--|--|--|-----|---------|----------|
| 7 | 15 | 8 | 251/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Thị Ánh | 9/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 233 | 384.3 | 968-2025 |
| 8 | 15 | 9 | 252/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đào Sỹ Phương và Võ Thị Thu Hồng | 13A/1, Tổ 6, Khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 233 | 1.7 | 968-2025 |
| 9 | 15 | 14 | 253/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Hoàng Minh | 101C/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 233 | 1,382.8 | 968-2025 |
| 10 | 15 | 15 | 254/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Ân và Tô Ánh Nguyệt | 2/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 233 | 3,322.8 | 968-2025 |
| 11 | 15 | 16 | 255/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Tấn Dũng | 151, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 233 | 126.6 | 968-2025 |
| 12 | 15 | 17 | 256/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hồ Quế Hậu và Nguyễn Thị Lệ Hồng | 1/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 233 | 162.4 | 968-2025 |
| 13 | 15 | 18 | 257/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hồ Quế Hậu và Nguyễn Thị Lệ Hồng | H4/5, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 233 | 975.0 | 968-2025 |
| 14 | 15 | 20 | 258/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phan Minh Trung và Đào Thị Mộng Thu | 13/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 233 | 277.1 | 968-2025 |

| | | | | | | | | | |
|----|----|----|-------------------------------|---|--|--|-----|---------|----------|
| 15 | 15 | 21 | 259/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đào Thanh Tùng và Nguyễn Thị Mỹ Dung | 201/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 233 | 239.7 | 968-2025 |
| 16 | 15 | 22 | 260/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Mít và Đào Thị Mít | 13/1, Tổ 6, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 233 | 72.0 | 968-2025 |
| 17 | 15 | 23 | 261/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Lệ Nhung | 305A/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 233 | 35.5 | 968-2025 |
| 18 | 15 | 25 | 262/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Tấn Dũng | 151, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 233 | 84.6 | 968-2025 |
| 19 | 15 | 27 | 263/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Tấn Dũng | 151, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 233 | 1,618.2 | 968-2025 |
| 20 | 15 | 28 | 264/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Trung Hậu | 248, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 233 | 577.6 | 968-2025 |
| 21 | 15 | 29 | 265/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Ngọc Thảo | Tổ 4, Ấp 3, xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai | xã Phú Lý, thành phố Đồng Nai | 233 | 513.0 | 968-2025 |
| 22 | 15 | 30 | 266/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Đông | 13/1, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 233 | 809.1 | 968-2025 |
| 23 | 15 | 31 | 267/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Mít và Đào Thị Mít | 13/1, Tổ 6, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 233 | 142.9 | 968-2025 |

| | | | | | | | | | |
|----|----|----|-------------------------------|---|---|--|-----|-------|----------|
| 24 | 15 | 32 | 268/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Mít và Đào Thị Mít | 13/1, Tổ 6, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 233 | 55.1 | 968-2025 |
| 25 | 15 | 33 | 269/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Mít và Đào Thị Mít | 13/1, Tổ 6, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 233 | 145.2 | 968-2025 |
| 26 | 15 | 34 | 270/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Mít và Đào Thị Mít | 13/1, Tổ 6, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 233 | 542.9 | 968-2025 |
| 27 | 15 | 35 | 271/TB-UBND ngày 15/4/2026 | chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 233 | 71.2 | 968-2025 |
| 28 | 15 | 36 | 272/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Mít và Đào Thị Mít | 13/1, Tổ 6, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 233 | 154.7 | 968-2025 |
| 29 | 15 | 37 | 273/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Mít và Đào Thị Mít | 13/1, Tổ 6, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 233 | 920.3 | 968-2025 |
| 30 | 15 | 38 | 274/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Mít và Đào Thị Mít | 13/1, Tổ 6, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 233 | 350.2 | 968-2025 |
| 31 | 15 | 39 | 275/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Mít và Đào Thị Mít | 13/1, Tổ 6, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 233 | 158.5 | 968-2025 |
| 32 | 15 | 40 | 276/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Mít và Đào Thị Mít | 13/1, Tổ 6, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 233 | 63.3 | 968-2025 |
| 33 | 15 | 41 | 277/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đào Thị Mít | 13/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 233 | 138.1 | 968-2025 |

| | | | | | | | | | |
|----|----|----|-------------------------------|--|--|---|-----|---------|----------|
| 34 | 15 | 42 | 278/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hiếu Thành và Nguyễn Thị Trúc Oanh | A3/162A, Khu phố 3, phường Tân Vạn, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai | 233 | 303.7 | 968-2025 |
| 35 | 15 | 43 | 279/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Hồng | 43, Khu phố 1, phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tân Triều, thành phố Đồng Nai | 233 | 3,709.3 | 968-2025 |
| 36 | 15 | 44 | 280/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Kim Ánh | 87/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 233 | 166.2 | 968-2025 |
| 37 | 15 | 45 | 281/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Độ và Nguyễn Thị Lắc | 77/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 233 | 376.2 | 968-2025 |
| 38 | 15 | 48 | 282/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Phương Anh | 13, Khu phố 2, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 233 | 1,289.0 | 968-2025 |
| 39 | 15 | 49 | 283/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Ngô Quốc Hậu | ấp 3, xã Phú Điền, tỉnh Đồng Nai | xã Phú Hòa, thành phố Đồng Nai | 233 | 42.6 | 968-2025 |
| 40 | 15 | 51 | 284/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Mít và Đào Thị Mít | 13/1, Tổ 6, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 233 | 40.4 | 968-2025 |
| 41 | 15 | 52 | 285/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Mít và Đào Thị Mít | 13/1, Tổ 6, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 233 | 726.5 | 968-2025 |
| 42 | 15 | 53 | 286/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Thanh Phương | 863B, Tổ 12, khu phố Bình Thung, phường Bình An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương | phường Đông Hòa, thành phố Hồ Chí Minh | 233 | 693.0 | 968-2025 |

| | | | | | | | | | |
|----|----|----|-------------------------------|----------------------------------|--|--|-----|---------|----------|
| 43 | 15 | 56 | 287/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Mít và Đào Thị Mít | 13/1, Tổ 6, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 233 | 3,141.8 | 968-2025 |
| 44 | 15 | 57 | 288/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Mít và Đào Thị Mít | 13/1, Tổ 6, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 233 | 95.5 | 968-2025 |
| 45 | 15 | 61 | 289/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Mít và Đào Thị Mít | 13/1, Tổ 6, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 233 | 1,894.4 | 968-2025 |
| 46 | 15 | 62 | 290/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Mít và Đào Thị Mít | 13/1, Tổ 6, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 233 | 989.9 | 968-2025 |
| 47 | 15 | 65 | 291/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Minh Anh | 13 UBKH, Khu phố 1, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 233 | 250.0 | 968-2025 |
| 48 | 15 | 66 | 292/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hoàng Duy Linh | Khu phố 5, thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai | xã Trảng Bom, thành phố Đồng Nai | 233 | 431.9 | 968-2025 |
| 49 | 15 | 67 | 293/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Vũ Văn Long | Tổ 8B, khu phố Đồng Nai, phường Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai | 233 | 790.5 | 968-2025 |
| 50 | 15 | 68 | 294/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thùy Dung | 41, Khu phố 2, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 233 | 318.3 | 968-2025 |
| 51 | 15 | 69 | 295/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thùy Dung | 41, Khu phố 2, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 233 | 200.0 | 968-2025 |

| | | | | | | | | | |
|----|----|----|-------------------------------|---|--|--|-----|---------|----------|
| 52 | 15 | 70 | 296/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thế Lực và Nguyễn Thị Hồng Hà | 71/1 Khóm Tân Giám, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 233 | 1,649.6 | 968-2025 |
| 53 | 15 | 71 | 297/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Chí Thiện | 71/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 233 | 502.0 | 968-2025 |
| 54 | 15 | 72 | 298/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Thùy Trang | 53 đường 30/4, Khu phố 3, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 233 | 504.0 | 968-2025 |
| 55 | 15 | 73 | 299/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Chí Nhân | 71/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 233 | 505.3 | 968-2025 |
| 56 | 15 | 74 | 300/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Châu Kim Tài và Đỗ Lê Diễm Quỳnh | Khu phố Thiên Bình, phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Phước, thành phố Đồng Nai | 233 | 504.2 | 968-2025 |
| 57 | 15 | 75 | 301/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Lê Khiêm | 11/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 233 | 1,016.7 | 968-2025 |
| 58 | 15 | 76 | 302/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Văn Châu và Lê Thị Nghiêm | 11/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 233 | 1,878.2 | 968-2025 |
| 59 | 15 | 77 | 303/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Lê Như Ý | 11/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 233 | 517.5 | 968-2025 |

| | | | | | | | | | |
|----|----|----|-------------------------------|---|--|--|-----|---------|----------|
| 60 | 15 | 78 | 304/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thụy Ngọc Thu | 73/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 233 | 575.1 | 968-2025 |
| 61 | 15 | 79 | 305/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Tánh Linh và Trần Thanh Vân | 73C/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 233 | 82.0 | 968-2025 |
| 62 | 15 | 80 | 306/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Mười | 4/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 233 | 578.8 | 968-2025 |
| 63 | 15 | 81 | 307/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Nguyễn Trúc Linh | Thôn Vĩnh Thái, xã Cam Hiệp Nam, Huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà | xã Cam Hiệp, tỉnh Khánh Hòa | 233 | 144.0 | 968-2025 |
| 64 | 15 | 86 | 308/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Bá Huê và Sỳ Nhị Mùi | 75/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 233 | 884.0 | 968-2025 |
| 65 | 15 | 87 | 309/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Hồng Diễm | 75/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 233 | 55.0 | 968-2025 |
| 66 | 15 | 89 | 310/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đình Tấn Đạt | 24/7/1, Khu phố 2, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 233 | 1,196.6 | 968-2025 |
| 67 | 15 | 90 | 311/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đào Thanh Tùng và Nguyễn Thị Mỹ Dung | 201/1, khu phố Nhất Hoà, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 233 | 716.4 | 968-2025 |

| | | | | | | | | | |
|----|----|----|-------------------------------|---|--|---|-----|----------|----------|
| 68 | 15 | 95 | 312/TB-UBND ngày 15/4/2026 | chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 233 | 375.0 | 968-2025 |
| 69 | 15 | 96 | 313/TB-UBND ngày 15/4/2026 | chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 233 | 641.3 | 968-2025 |
| 70 | 15 | 97 | 314/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Chí Tâm và Phạm Thị Nhạn | 62/11 CMT8, Khu phố 3, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 233 | 49.6 | 968-2025 |
| 71 | 15 | 98 | 315/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Chí Tâm và Phạm Thị Nhạn | 62/11 CMT8, Khu phố 3, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 233 | 590.6 | 968-2025 |
| 72 | 16 | 1 | 316/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Thị Phương | 72/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 234 | 286.9 | 968-2025 |
| 73 | 16 | 2 | 317/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Bích | 72/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 234 | 1,634.5 | 968-2025 |
| 74 | 16 | 3 | 318/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thanh Trung | 72/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 234 | 143.8 | 968-2025 |
| 75 | 16 | 6 | 319/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đào Quốc Dũng | 475/24 Hai Bà Trưng, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh | phường Xuân Hòa, thành phố Hồ Chí Minh | 234 | 16,654.8 | 968-2025 |

| | | | | | | | | | |
|----|----|----|-------------------------------|--|---|--|-----|---------|----------|
| 76 | 16 | 8 | 320/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Dương Mộng Thường và Dương Trùng Dương | 2867/68/13 đường Quốc Lộ 1, Khu phố 6A, phường Đông Hưng Thuận, thành phố Hồ Chí Minh | phường Đông Hưng Thuận, thành phố Hồ Chí Minh | 234 | 916.5 | 968-2025 |
| 77 | 16 | 9 | 321/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Mai Hồng Châu và Lê Thị Hồng Phương | 11A Yersin, phường Phú Cường, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương | phường Thủ Dầu Một, thành phố Hồ Chí Minh | 234 | 458.5 | 968-2025 |
| 78 | 16 | 10 | 322/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Mai Hồng Châu và Lê Thị Hồng Phương | 11A Yersin, phường Phú Cường, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương | phường Thủ Dầu Một, thành phố Hồ Chí Minh | 234 | 779.5 | 968-2025 |
| 79 | 16 | 11 | 323/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hữu Sang và Phạm Thị Hà | 84/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 234 | 142.7 | 968-2025 |
| 80 | 16 | 12 | 324/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hồ Bá Minh và Phạm Thị Bạch Thuý | 63/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 234 | 161.7 | 968-2025 |
| 81 | 16 | 13 | 325/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Mai Hồng Châu và Lê Thị Hồng Phương | 11A Yersin, phường Phú Cường, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương | phường Thủ Dầu Một, thành phố Hồ Chí Minh | 234 | 452.1 | 968-2025 |
| 82 | 16 | 14 | 326/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Mai Hồng Châu và Lê Thị Hồng Phương | 11A Yersin, phường Phú Cường, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương | phường Thủ Dầu Một, thành phố Hồ Chí Minh | 234 | 144.6 | 968-2025 |
| 83 | 16 | 15 | 327/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Mai Hồng Châu và Lê Thị Hồng Phương | 11A Yersin, phường Phú Cường, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương | phường Thủ Dầu Một, thành phố Hồ Chí Minh | 234 | 1,459.6 | 968-2025 |

| | | | | | | | | | |
|----|----|----|-------------------------------|-------------------------------------|---|---|-----|---------|----------|
| 84 | 16 | 16 | 328/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Mai Hồng Châu và Lê Thị Hồng Phương | 11A Yersin, phường Phú Cường, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương | phường Thủ Dầu Một, thành phố Hồ Chí Minh | 234 | 227.6 | 968-2025 |
| 85 | 16 | 17 | 329/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Văn Chánh | 65/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 234 | 3,932.0 | 968-2025 |
| 86 | 16 | 18 | 330/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Văn Minh | 61/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 234 | 54.3 | 968-2025 |
| 87 | 16 | 19 | 331/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Vòng Ngọc Phí và Huỳnh Mai Phương | 41/1A, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 234 | 235.9 | 968-2025 |
| 88 | 16 | 21 | 332/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Quách Trần Ánh Nguyên | 83/3, Khu phố 3, phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Hồ Nai, thành phố Đồng Nai | 234 | 170.2 | 968-2025 |
| 89 | 16 | 24 | 333/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Quách Trần Ánh Nguyên | 83/3, Khu phố 3, phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Hồ Nai, thành phố Đồng Nai | 234 | 744.3 | 968-2025 |
| 90 | 16 | 26 | 334/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Vũ Hùng và Trương Thị Mộng Mơ | 53/17, Tổ 24, Khu phố 3, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 234 | 282.6 | 968-2025 |
| 91 | 16 | 27 | 335/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Minh Thái Hiền | 129A Đường số 9, phường 15, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh | phường An Hội Đông, thành phố Hồ Chí Minh | 234 | 557.7 | 968-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|----|-------------------------------|--------------------------------------|--|---|-----|-------|----------|
| 92 | 16 | 31 | 336/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Năm và Nguyễn Thị Năng | 44/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 234 | 89.2 | 968-2025 |
| 93 | 16 | 32 | 337/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Thanh Hòa và Phạm Lệ Hoa | 40/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 234 | 195.8 | 968-2025 |
| 94 | 16 | 33 | 338/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Lê Bảo Trâm | 104/5, Đường Nguyễn Thái Sơn, phường 03, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh | phường Hạnh Thông, thành phố Hồ Chí Minh | 234 | 228.7 | 968-2025 |
| 95 | 16 | 34 | 339/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Tổng Ngọc | 40/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 234 | 280.3 | 968-2025 |
| 96 | 16 | 35 | 340/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Tổng Ngọc | 40/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 234 | 60.7 | 968-2025 |
| 97 | 16 | 36 | 341/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Tổng Ngọc | 40/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 234 | 311.7 | 968-2025 |
| 98 | 16 | 79 | 342/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Tăng Duy Khương | 62/14, tổ 2, Khu phố Phước Lư, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai | | 234 | 60 | 968-2025 |
| 99 | 16 | 80 | 343/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lý Nguyễn Phương Trinh | A4/414C, Khu phố 4, phường Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | | 234 | 60 | 968-2025 |
| 100 | 16 | 81 | 344/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hoàng Minh Phước | B7, tổ 13, Khu phố 4, phường Tân Triều, tỉnh Đồng Nai | | 234 | 77.9 | 968-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|----|-------------------------------|---------------------------------------|---|--------------------------------------|-----|-------|----------|
| 101 | 16 | 82 | 345/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Ngọc Tú và Hà Thị Thanh Lược | 49/1, tổ 8, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 234 | 161.9 | 968-2025 |
| 102 | 16 | 83 | 346/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Ngọc Tài | 49/1, khu phố Nhất Hòa, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 234 | 115.2 | 968-2025 |
| 103 | 16 | 39 | 347/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Ngọc Lân và Nguyễn Thị Minh Nguyệt | 49D/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 234 | 135.7 | 968-2025 |
| 104 | 16 | 41 | 348/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Ngọc Long | 49/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 234 | 68.8 | 968-2025 |
| 105 | 16 | 42 | 349/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thị Phú | 59/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 234 | 197.6 | 968-2025 |
| 106 | 16 | 43 | 350/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hồ Cảnh Kiếm | 59/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 234 | 120.1 | 968-2025 |
| 107 | 16 | 44 | 351/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phan Văn Vinh và Nguyễn Thị Kim Phụng | 29 Hoàng Minh Chánh, khu phố Đồng Nai, phường Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai | 234 | 55.0 | 968-2025 |
| 108 | 16 | 45 | 352/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Quách Văn Đức và Trần Thị Mỹ Linh | 83/3, Khu phố 3, phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Hồ Nai, thành phố Đồng Nai | 234 | 217.3 | 968-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|----|-------------------------------|---|---|--|-----|-------|----------|
| 109 | 16 | 49 | 353/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Quách Văn Đức và Trần Thị Mỹ Linh | 83/3, Khu phố 3, phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Hồ Nai, thành phố Đồng Nai | 234 | 915.3 | 968-2025 |
| 110 | 16 | 50 | 354/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Văn Mẫn và Lê Thị Kim Huệ | 57A/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 234 | 438.8 | 968-2025 |
| 111 | 16 | 54 | 355/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Lệnh và Lê Thị Hồng Ánh | 1/8, Khóm 2, phường Hòa Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 234 | 86.8 | 968-2025 |
| 112 | 16 | 56 | 356/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đỗ Thị Hoàng Oanh | Khu phố Tân Lương, phường Thạnh Phước, Thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương | phường Tân Khánh, thành phố Hồ Chí Minh | 234 | 180.5 | 968-2025 |
| 113 | 16 | 57 | 357/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Ngô Trung Tài và Đương Thị Lan Hương | 57/1, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 234 | 374.9 | 968-2025 |
| 114 | 16 | 60 | 358/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lưu Thị Thanh Cúc | 54/2, khu phố Nhị Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 234 | 115.0 | 968-2025 |
| 115 | 16 | 61 | 359/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Võ Quốc Biên và Nguyễn Thụy Quỳnh Nhu | 271C/3, Tổ 15, khu phố Tam Hoà, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 234 | 123.1 | 968-2025 |
| 116 | 16 | 62 | 360/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Võ Thị Cẩm Tú | Ấp Thái An, xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai | xã Tân An, thành phố Đồng Nai | 234 | 151.4 | 968-2025 |
| 117 | 16 | 63 | 361/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Văn Tấn và Võ Thị Triết | 41/1A, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 234 | 333.0 | 968-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|----|-------------------------------|---------------------|---|---|-----|---------|----------|
| 118 | 16 | 64 | 362/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Thị Tuyết | 41/1A, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 234 | 358.7 | 968-2025 |
| 119 | 16 | 65 | 363/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Thị Mai Nương | 293/109 CMT8, phường Hòa Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 234 | 374.0 | 968-2025 |
| 120 | 16 | 66 | 364/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Hồng Sơn | 61/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 234 | 200.0 | 968-2025 |
| 121 | 16 | 67 | 365/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Hồng Sơn | 61/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 234 | 100.0 | 968-2025 |
| 122 | 16 | 68 | 366/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Hồng Sơn | 61/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 234 | 1,490.0 | 968-2025 |
| 123 | 16 | 72 | 367/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Mạc Bình Huy | 402/39 Hòa Hảo, phường 05, Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh | phường Diên Hồng, thành phố Hồ Chí Minh | 234 | 3,751.5 | 968-2025 |
| 124 | 16 | 73 | 368/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đinh Thúy Hoa | 451/18 Tô Hiến Thành, phường 14, Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh | phường Diên Hồng, thành phố Hồ Chí Minh | 234 | 1,746.7 | 968-2025 |
| 125 | 16 | 74 | 369/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Quốc Đại | 451/18 Tô Hiến Thành, phường 14, Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh | phường Diên Hồng, thành phố Hồ Chí Minh | 234 | 686.0 | 968-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|----|-------------------------------|-------------------------------|--|---|-----|---------|----------|
| 126 | 16 | 75 | 370/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Thị Thúy | 932, Khu phố 4, phường Phú Hữu, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh | phường Long Trường, thành phố Hồ Chí Minh | 234 | 82.8 | 968-2025 |
| 127 | 16 | 76 | 371/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Văn Minh và Nguyễn Kim Hoa | 61/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 234 | 112.5 | 968-2025 |
| 128 | 16 | 77 | 372/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Thành | 3/8C, Tổ 1A, Khu phố 1, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 234 | 600.0 | 968-2025 |
| 129 | 16 | 78 | 373/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Thị Mai Trinh | 54 Lý Thánh Tông, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh | phường Phú Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh | 234 | 550.5 | 968-2025 |
| 130 | 17 | 5 | 374/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Tuyết Thanh | An Trinh, xã Mỹ Hiệp, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định | xã Phù Mỹ Nam, tỉnh Gia Lai | 235 | 561.3 | 968-2025 |
| 131 | 17 | 6 | 375/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Tuyết Thanh | An Trinh, xã Mỹ Hiệp, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định | xã Phù Mỹ Nam, tỉnh Gia Lai | 235 | 1,090.0 | 968-2025 |
| 132 | 17 | 10 | 376/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Tuyết Thanh | An Trinh, xã Mỹ Hiệp, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định | xã Phù Mỹ Nam, tỉnh Gia Lai | 235 | 698.5 | 968-2025 |
| 133 | 17 | 11 | 377/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Tuyết Thanh | An Trinh, xã Mỹ Hiệp, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định | xã Phù Mỹ Nam, tỉnh Gia Lai | 235 | 165.8 | 968-2025 |
| 134 | 17 | 16 | 378/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trương Thị Hồng Thắm | 235A/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 235 | 2,706.9 | 968-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|----|-------------------------------|---|--|--|-----|-------|----------|
| 135 | 17 | 22 | 379/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Thu Huong | 81 Huỳnh Văn Lũy, phường Hòa Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 235 | 235.9 | 968-2025 |
| 136 | 17 | 30 | 380/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Thu Huong | 81 Huỳnh Văn Lũy, phường Hòa Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 235 | 127.5 | 968-2025 |
| 137 | 27 | 1 | 381/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Hậu và Nguyễn Thị Thủy Dung | 273H/3, khu phố Tam Hoà, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 724.3 | 968-2025 |
| 138 | 27 | 3 | 382/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hoàng Văn Chiến | 229/2, khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương | phường An Phú, thành phố Hồ Chí Minh | 245 | 120.1 | 968-2025 |
| 139 | 27 | 4 | 383/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Quách Văn Đức và Trần Thị Mỹ Linh | 83/3, Khu phố 3, phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Hồ Nai, thành phố Đồng Nai | 245 | 646.7 | 968-2025 |
| 140 | 27 | 7 | 384/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phan Thành Tâm và Trần Thị Phương Nga | 290/A2, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 183.0 | 968-2025 |
| 141 | 27 | 9 | 385/TB-UBND ngày 15/4/2026 | chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 113.6 | 968-2025 |
| 142 | 27 | 10 | 386/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Quách Văn Đức và Trần Thị Mỹ Linh | 83/3, Khu phố 3, phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Hồ Nai, thành phố Đồng Nai | 245 | 324.5 | 968-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|----|-------------------------------|--|---|--|-----|-------|----------|
| 143 | 27 | 11 | 387/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Quách Văn Đức và Trần Thị Mỹ Linh | 83/3, Khu phố 3, phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Hồ Nai, thành phố Đồng Nai | 245 | 202.5 | 968-2025 |
| 144 | 27 | 15 | 388/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Quách Văn Đức và Trần Thị Mỹ Linh | 83/3, Khu phố 3, phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Hồ Nai, thành phố Đồng Nai | 245 | 238.3 | 968-2025 |
| 145 | 27 | 23 | 389/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phan Văn Hùng và Huỳnh Thị Huệ | 60A/1, khu phố Nhất Hoà, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 42.2 | 968-2025 |
| 146 | 27 | 32 | 390/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đặng Thị Thu Trang | 894/39, Tổ 29, Khu phố 2A, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 245 | 16.4 | 968-2025 |
| 147 | 27 | 34 | 391/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Hồng Sơn và Đặng Thị Trang | 61/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 39.3 | 968-2025 |
| 148 | 27 | 39 | 392/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đặng Thị Thu Trang | 894/39, Tổ 29, Khu phố 2A, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 245 | 4.1 | 968-2025 |
| 149 | 27 | 44 | 393/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Mai Hồng Châu và Lê Thị Hồng Phương | 217/1 Yersin, Tổ 31, Khu 5, phường Phú Cường, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương | phường Thủ Dầu Một, thành phố Hồ Chí Minh | 245 | 26.3 | 968-2025 |
| 150 | 27 | 50 | 394/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Quách Văn Đức và Trần Thị Mỹ Linh | 83/3, Khu phố 3, phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Hồ Nai, thành phố Đồng Nai | 245 | 347.0 | 968-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|----|-------------------------------|----------------------------------|--|--------------------------------------|-----|-------|----------|
| 151 | 27 | 55 | 395/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Phương Thảo | 60/1C, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 4.0 | 968-2025 |
| 152 | 27 | 61 | 396/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Yến Thu | 16/2B, Khu phố 2, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 137.7 | 968-2025 |
| 153 | 27 | 65 | 397/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Văn Luận và Nguyễn Thị Ngân | 45/1, khu phố Nhất Hoà, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 194.7 | 968-2025 |
| 154 | 27 | 66 | 398/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thành Đạt | 60C/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 450.1 | 968-2025 |
| 155 | 27 | 71 | 399/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Mạnh Tuấn | 151/39A, Tổ 1, Khu phố 3, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 99.0 | 968-2025 |
| 156 | 27 | 72 | 400/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Tấn Long | 8/F1, khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 78.0 | 968-2025 |
| 157 | 27 | 73 | 401/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Ngọc Trâm | 151/39A, Khu phố 3, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 83.0 | 968-2025 |
| 158 | 27 | 74 | 402/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Vĩnh Phúc | 8F1, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 127.0 | 968-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|----|-------------------------------|--|--|--|-----|-------|----------|
| 159 | 27 | 75 | 403/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Vĩnh Phúc | 8F1, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 120.0 | 968-2025 |
| 160 | 27 | 76 | 404/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Vĩnh Phúc | 8F1, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 120.0 | 968-2025 |
| 161 | 27 | 77 | 405/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Vĩnh Phúc | 8F1, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 256.5 | 968-2025 |
| 162 | 27 | 78 | 406/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đoàn Ngọc Bảo Trân | 145, Tổ 18, Khu phố 2, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 269.4 | 968-2025 |
| 163 | 27 | 79 | 407/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đoàn Ngọc Bảo Trân | 145, Tổ 18, Khu phố 2, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 113.0 | 968-2025 |
| 164 | 27 | 80 | 408/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đoàn Ngọc Bảo Trân | 145, Tổ 18, Khu phố 2, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 115.0 | 968-2025 |
| 165 | 27 | 81 | 409/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Vĩnh Phúc | 8F1, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 197.0 | 968-2025 |
| 166 | 27 | 82 | 410/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phan Thành Tâm và Trần Thị Phương Nga | 290/A2, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 92.3 | 968-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-------------------------------|---|--|--|-----|-------|----------|
| 167 | 27 | 83 | 411/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Văn Luận và Nguyễn Thị Ngân | 45/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 343.1 | 968-2025 |
| 168 | 27 | 90 | 412/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đặng Văn Hạnh | 100, Khu phố 1, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 723.5 | 968-2025 |
| 169 | 27 | 91 | 413/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Cao Huỳnh Vũ và Phạm Thị Hà | 75, Hà Huy Giáp, Khu phố 3, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 76.2 | 968-2025 |
| 170 | 27 | 92 | 414/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Ngọc Đăng Khoa và Hà Bảo Trân | 128A, CMT8, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 46.2 | 968-2025 |
| 171 | 27 | 96 | 415/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Hồng Hạnh | 60 Nguyễn Trãi, Khu phố 1, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 542.1 | 968-2025 |
| 172 | 27 | 97 | 416/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Hồng Hạnh | 60 Nguyễn Trãi, Khu phố 1, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 457.9 | 968-2025 |
| 173 | 27 | 100 | 417/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Tấn Dũng | 76/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 232.8 | 968-2025 |
| 174 | 27 | 105 | 418/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lý Thành Phương và Lê Thị Quỳnh Thu | 109A/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 8.8 | 968-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-------------------------------|--|---|--|-----|-------|----------|
| 175 | 27 | 107 | 419/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Thị Hồng Hà | 11A, Khu phố 6, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 14.3 | 968-2025 |
| 176 | 27 | 120 | 420/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trương Ngọc Châu | Tổ 9, Ấp 1, xã Mã Đà, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai | xã Trị An, thành phố Đồng Nai | 245 | 1.1 | 968-2025 |
| 177 | 27 | 132 | 421/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đỗ Ngọc Mai | 189 CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 145.0 | 968-2025 |
| 178 | 27 | 135 | 422/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thụy Quỳnh Nhu | 271C/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 75.2 | 968-2025 |
| 179 | 27 | 136 | 423/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hồ Tuấn Kiệt | 193/2E/7 Đỗ Văn Thi, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 45.5 | 968-2025 |
| 180 | 27 | 137 | 424/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hồ Trung Quân | K2/1E, Tổ 1, Khu phố 1, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai | 245 | 15.9 | 968-2025 |
| 181 | 27 | 139 | 425/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Trọng Minh và Lê Thị Mai Hương | phường Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh | phường Nam Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh | 245 | 136.0 | 968-2025 |
| 182 | 27 | 140 | 426/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Kim Huệ | 163/49, Đường CMT8, phường Hòa Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 98.0 | 968-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-------------------------------|--|--|--|-----|-------|----------|
| 183 | 27 | 141 | 427/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Thị Hồng Phượng | R23, Khu phố 7, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 223.0 | 968-2025 |
| 184 | 27 | 142 | 428/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Bùi Việt Dũng và Nguyễn Võ Minh Thu | D3/5, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 125.0 | 968-2025 |
| 185 | 27 | 143 | 429/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Văn Thạch | 201/5, Tổ 2, Khu phố 9, phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Long Bình, thành phố Đồng Nai | 245 | 132.7 | 968-2025 |
| 186 | 27 | 144 | 430/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Tấn Dũng | 76/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 220.2 | 968-2025 |
| 187 | 27 | 145 | 431/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hoàng Minh và Võ Thị Xiêu | 19/14A, Tổ 1, Khu phố 6, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 195.4 | 968-2025 |
| 188 | 27 | 146 | 432/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Văn Luận và Nguyễn Thị Ngân | 45/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 5.2 | 968-2025 |
| 189 | 27 | 147 | 433/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Ngân | 60C/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 24.3 | 968-2025 |
| 190 | 27 | 155 | 434/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Minh Trân | 174/35, Tổ 3, Khu phố 3, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 71.2 | 968-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-------------------------------|---|---|--|-----|------|----------|
| 191 | 27 | 156 | 435/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Thạch Quốc Doanh và Lê Thị Hoài | thị trấn Vương, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên | xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên | 245 | 72.0 | 968-2025 |
| 192 | 27 | 157 | 436/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Thị Phương Linh | 296B/26 Nội Hóa 1, phường Bình An, Thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương | phường Đông Hòa, thành phố Hồ Chí Minh | 245 | 72.0 | 968-2025 |
| 193 | 27 | 158 | 437/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đặng Hoàn Quân | 187/27, Hòa Bình, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh | phường Phú Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh | 245 | 72.0 | 968-2025 |
| 194 | 27 | 159 | 438/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thị Thanh Thủy | Khu phố 1, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 72.6 | 968-2025 |
| 195 | 27 | 160 | 439/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Thị Miền | Ấp Long Thạnh A, xã Long Khánh A, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp | xã Long Khánh, tỉnh Đồng Tháp | 245 | 72.0 | 968-2025 |
| 196 | 27 | 163 | 440/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Xuân | 179, Ấp Tân Bình, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai | 245 | 72.0 | 968-2025 |
| 197 | 27 | 164 | 441/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Chu Văn Bình và Thiều Thị Minh Hương | 54, Tổ 1, Ấp 3, phường An Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Long Hưng, thành phố Đồng Nai | 245 | 72.0 | 968-2025 |
| 198 | 27 | 165 | 442/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Bùi Trọng Đức | 20A, tổ 13, khu phố 2, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Long Hưng, thành phố Đồng Nai | 245 | 72.0 | 968-2025 |
| 199 | 27 | 166 | 443/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Hoài Vũ và Hoàng Thị Mỹ Hạnh | 368B/23, khu phố Nội Hóa 1, phường Bình An, Thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương | phường Đông Hòa, thành phố Hồ Chí Minh | 245 | 72.0 | 968-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-------------------------------|---|--|--|-----|------|----------|
| 200 | 27 | 167 | 444/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Thị Mỹ Dung | Tổ 2, ấp Bãi Giếng, xã Bình An, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang | xã Kiên Lương, tỉnh An Giang | 245 | 80.7 | 968-2025 |
| 201 | 27 | 169 | 445/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Phạm Bảo Chi | Khu phố Bình Hóa, phường Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai | 245 | 79.8 | 968-2025 |
| 202 | 27 | 170 | 446/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Ngọc Quang và Hà Thị Hương Lan | 441/3, Khu phố 4, phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 245 | 85.5 | 968-2025 |
| 203 | 27 | 171 | 447/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Bá Phước Hòa và Lâm Thị Hồng Ngọc | 17/2A, Khu phố 3, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 85.5 | 968-2025 |
| 204 | 27 | 172 | 448/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trương Minh Chánh và Nguyễn Thị Thúy Hà | Lương Lễ, xã Tân Hợp, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị | xã Khe Sanh, tỉnh Quảng Trị | 245 | 92.1 | 968-2025 |
| 205 | 27 | 175 | 449/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Minh Hậu | 4/6, khu phố Bình Minh 1, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương | phường Dĩ An, thành phố Hồ Chí Minh | 245 | 66.8 | 968-2025 |
| 206 | 27 | 176 | 450/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đặng Thanh Phương | 193/14/2/4 Đỗ Văn Thi, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 66.7 | 968-2025 |
| 207 | 27 | 177 | 451/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Võ Ngọc Phương Hằng | 114, ấp Bắc, phường 4, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang | phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp | 245 | 66.6 | 968-2025 |
| 208 | 27 | 178 | 452/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Thị Thanh Vui | Tổ 16, Ấp 1, xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai | xã Tân An, thành phố Đồng Nai | 245 | 66.5 | 968-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-------------------------------|---|---|--|-----|------|----------|
| 209 | 27 | 180 | 453/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Tư và Trịnh Thu Nga | F27, Khu phố 2, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 58.0 | 968-2025 |
| 210 | 27 | 181 | 454/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Tấn Đức | 442, Tổ 7A, Khu phố 3, phường An Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Long Hưng, thành phố Đồng Nai | 245 | 56.4 | 968-2025 |
| 211 | 27 | 182 | 455/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Nhung | 92C/38 Đặng Đại Độ, khu phố Nhị Hoà, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 56.1 | 968-2025 |
| 212 | 27 | 183 | 456/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thanh Hiền và Nguyễn Thị Thùy Nga | 47/5, Khu phố 1, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 55.0 | 968-2025 |
| 213 | 27 | 184 | 457/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Phi Hải | K1/8F, Khu phố 2, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai | 245 | 61.1 | 968-2025 |
| 214 | 27 | 185 | 458/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Huy Hoàng | 62/11/28A, Đường 30/4, Tổ 11, Khu phố 4, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 64.8 | 968-2025 |
| 215 | 27 | 186 | 459/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Thị Tin | 1/18, Khu phố 2, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 58.1 | 968-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-------------------------------|--|--|--|-----|------|----------|
| 216 | 27 | 188 | 460/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Trọng Vĩnh | Số 50, Tổ 5, Khu phố 2, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 57.6 | 968-2025 |
| 217 | 27 | 189 | 461/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hoàng Trọng Thái Sơn | 66/146/39, Tổ 20, Khu phố 2, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 245 | 57.6 | 968-2025 |
| 218 | 27 | 190 | 462/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Ngọc Sỹ và Phạm Hà Ngọc Thúy | 119, Khu phố 3, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 57.9 | 968-2025 |
| 219 | 27 | 191 | 463/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Văn Đức và Đoàn Vũ Minh Thúy | Thôn Bò Điền, xã Phong An, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế | phường Phong Thái, thành phố Huế | 245 | 56.3 | 968-2025 |
| 220 | 27 | 195 | 464/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Nam Giang và Vũ Thị Thanh Thủy | 193/14/2K/7 Đỗ Văn Thị, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 59.2 | 968-2025 |
| 221 | 27 | 196 | 465/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Kim Tuyền | 18L, Khu phố 4, phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tân Triều, thành phố Đồng Nai | 245 | 60.6 | 968-2025 |
| 222 | 27 | 197 | 466/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Hải và Võ Thị Hồng | Xóm 1, Xuân Hòa, xã Thái Thọ, huyện Thái Bình, tỉnh Thái Bình | xã Nam Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên | 245 | 58.8 | 968-2025 |
| 223 | 27 | 198 | 467/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Tấn Hậu | 7/7, Võ Thị Sáu, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 57.0 | 968-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-------------------------------|--|---|--|-----|-------|----------|
| 224 | 27 | 200 | 468/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Tấn Dũng | 76/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 375.4 | 968-2025 |
| 225 | 27 | 201 | 469/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Thanh | Nam Hoà, ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai | xã Bình Minh, thành phố Đồng Nai | 245 | 64.5 | 968-2025 |
| 226 | 27 | 202 | 470/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Hồng Nhung | 223/26/17C, Khu phố 2, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 62.2 | 968-2025 |
| 227 | 27 | 203 | 471/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Võ Thị Kim Hoa | Tổ 8, Khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 60.8 | 968-2025 |
| 228 | 27 | 204 | 472/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Trí Dũng | 400B/2, khu phố Nhị Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 61.8 | 968-2025 |
| 229 | 27 | 205 | 473/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phan Thị Thùy Linh | 176/5, Khu phố 7, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 63.4 | 968-2025 |
| 230 | 27 | 206 | 474/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phan Thế Hậu | N74, Khu phố 7, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 62.1 | 968-2025 |
| 231 | 27 | 207 | 475/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Đức Thông và Huỳnh Thị Mỹ Hạnh | 809B, cư xá Thanh Bình, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 61.2 | 968-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-------------------------------|---|---|---|-----|-------|----------|
| 232 | 27 | 208 | 476/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Lập và Trần Thị Diệu Hiền | 193/14/2K/14 Đỗ Văn Thi, Khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 61.2 | 968-2025 |
| 233 | 27 | 209 | 477/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đoàn Thị Ly | xã Đức Bình, huyện Tân Linh, tỉnh Bình Thuận | xã Đồng Kho, tỉnh Lâm Đồng | 245 | 65.0 | 968-2025 |
| 234 | 27 | 210 | 478/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Trọng Sang | 63/7 Ngô Chí Quốc, Tổ 1, Khu phố 5, phường Tam Bình, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh | phường Tam Bình, thành phố Hồ Chí Minh | 245 | 64.5 | 968-2025 |
| 235 | 27 | 211 | 479/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thị Hương Giang | 130, Khu phố 11, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 73.6 | 968-2025 |
| 236 | 27 | 212 | 480/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Tấn An | 317G/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 364.4 | 968-2025 |
| 237 | 27 | 213 | 481/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Tấn An | 317G/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 294.3 | 968-2025 |
| 238 | 27 | 214 | 482/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hoàng Anh | 868/61C, Khu phố 2, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 245 | 248.1 | 968-2025 |
| 239 | 27 | 215 | 483/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Yên | 6/1, khu phố Đồng Nai, phường Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai | 245 | 58.9 | 968-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-------------------------------|--|--|--|-----|-------|----------|
| 240 | 27 | 216 | 484/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Như Ngọc | 202/9, Khu phố 5, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 55.1 | 968-2025 |
| 241 | 27 | 217 | 485/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trang Mộng Ngọc | 41 Huỳnh Văn Lũy, phường Hòa Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 55.4 | 968-2025 |
| 242 | 27 | 218 | 486/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Tài | Khu phố Phú Mỹ, phường Xuân Lập, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai | phường Xuân Lập, thành phố Đồng Nai | 245 | 63.1 | 968-2025 |
| 243 | 27 | 220 | 487/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Mai Văn Vinh | 193/14/2/24 Đường Đỗ Văn Thi, khu phố Hiệp Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 75.2 | 968-2025 |
| 244 | 27 | 221 | 488/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Kim Nam | 46/7/13A, Khu phố 2, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 228.8 | 968-2025 |
| 245 | 27 | 229 | 489/TB-UBND ngày 15/4/2026 | chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 245 | 33.6 | 968-2025 |
| 246 | 28 | 97 | 490/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Mai Trang, Lê Mai Trúc, Lê Minh Tùng, Lê Minh Tấn (cùng sử dụng) | 56A/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 246 | 76.1 | 968-2025 |
| 247 | 28 | 98 | 491/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Mai Thị Huệ | 56a/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 246 | 64.9 | 968-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-------------------------------|-----------------------------------|--|---|-----|---------|----------|
| 248 | 28 | 99 | 492/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Minh Tấn | 56A/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 246 | 46.2 | 968-2025 |
| 249 | 28 | 101 | 493/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Mai Thị Huệ | 56A/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 246 | 54.2 | 968-2025 |
| 250 | 12 | 24 | 494/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Ngọc Trân | 037 Lô 8, Cư xá Thanh Đa, phường 27, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh | Phường Bình Quới, Thành phố Hồ Chí Minh | 230 | 19.9 | 969-2025 |
| 251 | 12 | 25 | 495/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Thị Nương | 89C/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 230 | 131.3 | 969-2025 |
| 252 | 12 | 37 | 496/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Thị Châu Hiền | 204B/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 230 | 1,142.2 | 969-2025 |
| 253 | 12 | 38 | 497/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Quý Tiên và Châu Thị Tuyết Nga | 204/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 230 | 614.4 | 969-2025 |
| 254 | 12 | 49 | 498/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Trọng Tâm | 271, Khu phố 4, phường Hòa Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 230 | 172.0 | 969-2025 |
| 255 | 12 | 65 | 499/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Cao Thị Hồng Thanh | 88/1 khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 230 | 663.0 | 969-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|----|-------------------------------|----------------------|--|--------------------------------------|-----|-------|----------|
| 256 | 12 | 66 | 500/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Cao Hồng Thái | 88A/1 khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 230 | 100.0 | 969-2025 |
| 257 | 12 | 71 | 501/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trương Thiện Thông | Áp 2, thị trấn Nàng Mau, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang | Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ | 230 | 86.0 | 969-2025 |
| 258 | 12 | 72 | 502/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trương Võ Minh Phước | 195/1 khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 230 | 652.2 | 969-2025 |
| 259 | 12 | 73 | 503/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Mai Thị Mỹ Hạnh | 87/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 230 | 180.4 | 969-2025 |
| 260 | 12 | 74 | 504/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Mai Thanh Tân | 87/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 230 | 144.0 | 969-2025 |
| 261 | 12 | 75 | 505/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Mai Anh Huy | 31, khu phố 2, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 230 | 141.2 | 969-2025 |
| 262 | 12 | 76 | 506/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Mai Thanh Tuấn | 87/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 230 | 148.6 | 969-2025 |
| 263 | 12 | 77 | 507/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Mai Thanh Vân | 87/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 230 | 812.8 | 969-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-------------------------------|------------------------------------|--|---|-----|---------|----------|
| 264 | 12 | 90 | 508/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Tâm | 226B/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 230 | 135.0 | 969-2025 |
| 265 | 12 | 91 | 509/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Phúc | 226A/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 230 | 135.0 | 969-2025 |
| 266 | 20 | 2 | 510/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Giang Thị Xiêu | 192/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 238 | 2,038.6 | 969-2025 |
| 267 | 20 | 10 | 511/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Tấn Tài và Cao Thị Kim Bình | Tổ 10, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 238 | 1,013.3 | 969-2025 |
| 268 | 20 | 75 | 512/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Giang Thị Xiêu | 192/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 238 | 381.9 | 969-2025 |
| 269 | 20 | 105 | 513/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Quang Thòa và Lê Thị Ngọc Anh | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 238 | 44.0 | 969-2025 |
| 270 | 20 | 106 | 514/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Duy Tài | Số 40/8/30B, đường Nguyễn Khoái, phường 02, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh | Phường Khánh Hội, Thành phố Hồ Chí Minh | 238 | 32.2 | 969-2025 |
| 271 | 20 | 107 | 515/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Mạnh | 190/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 238 | 122.1 | 969-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-------------------------------|---|--|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 272 | 20 | 108 | 516/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Trung Tâm | 98 Võ Thị Sáu, Khu phố 1, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 238 | 72.0 | 969-2025 |
| 273 | 20 | 109 | 517/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Mạnh và Nguyễn Thị Kim Thanh | 190/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 238 | 167.2 | 969-2025 |
| 274 | 20 | 110 | 518/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Ngọc Lâm và Đặng Thị Nga | Số 280, Quốc lộ 1, phường Trung Dũng (mã cũ), tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 238 | 94.9 | 969-2025 |
| 275 | 20 | 162 | 519/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Hiệp | 260, ấp Hưng Nhơn, xã Hưng Lộc, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai | xã Dầu Giây, thành phố Đồng Nai | 238 | 45.2 | 969-2025 |
| 276 | 21 | 5 | 520/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Thị Em | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 239 | 535.3 | 969-2025 |
| 277 | 21 | 10 | 521/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Võ Quốc Biên | 271C/3, Tổ 15, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 239 | 184.9 | 969-2025 |
| 278 | 21 | 12 | 522/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lý Quốc Thanh | 33/36, thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai | Xã Trảng Bom, Đồng Nai | 239 | 1,039.7 | 969-2025 |
| 279 | 21 | 13 | 523/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Ngọc Đá | 169/1, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 239 | 1,175.3 | 969-2025 |
| 280 | 21 | 14 | 524/TB-UBND ngày 15/4/2026 | chưa xác định được ngư | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 239 | 105.0 | 969-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|----|-------------------------------|--|--|--|-----|---------|----------|
| 281 | 21 | 17 | 525/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Bùi Văn Long và Nguyễn Thị Kim Loan | 167/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 239 | 356.8 | 969-2025 |
| 282 | 21 | 18 | 526/TB-UBND ngày 15/4/2026 | chưa xác định được ngư | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 239 | 232.6 | 969-2025 |
| 283 | 21 | 23 | 527/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Ngọc Dung | 150C/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 239 | 455.0 | 969-2025 |
| 284 | 21 | 24 | 528/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đình Bình Tự quản lý | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 239 | 1,312.8 | 969-2025 |
| 285 | 21 | 25 | 529/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trang Ánh Linh | 215/14 Đỗ Văn Thi, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 239 | 123.9 | 969-2025 |
| 286 | 21 | 26 | 530/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Bùi Văn Hào và Huỳnh Thị Được | 167/1, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 239 | 167.9 | 969-2025 |
| 287 | 21 | 29 | 531/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Tuyết Loan | Tổ 15, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 239 | 6.0 | 969-2025 |
| 288 | 21 | 37 | 532/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Ngọc Anh | 197/58 Đỗ Văn Thi, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 239 | 102.5 | 969-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|----|-------------------------------|---------------------------------------|---|--|-----|---------|----------|
| 289 | 21 | 38 | 533/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đình Bình Tự quản lý | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 239 | 1,540.5 | 969-2025 |
| 290 | 21 | 48 | 534/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Minh Vân và Nguyễn Ánh Nguyệt | 198/5A Phan Đình Phùng, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 239 | 400.0 | 969-2025 |
| 291 | 21 | 49 | 535/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Bùi Thị Sang Giàu | 166/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 239 | 122.5 | 969-2025 |
| 292 | 21 | 51 | 536/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thành Trung và Đinh Thanh Trúc | 336B/A2, khu phố Nhị Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 239 | 491.4 | 969-2025 |
| 293 | 21 | 52 | 537/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Võ Quốc Biên | 271C/3 Tổ 15, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 239 | 162.0 | 969-2025 |
| 294 | 21 | 53 | 538/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Võ Quốc Biên | 271C/3 Tổ 15, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 239 | 187.6 | 969-2025 |
| 295 | 21 | 60 | 539/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Phương Hưng | Tổ 5, ấp Phước Tân 1, xã Tân Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu | Phường Long Hương, Thành phố Hồ Chí Minh | 239 | 150.0 | 969-2025 |
| 296 | 21 | 63 | 540/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lưu Phúc Hải và Võ Ngọc Thu | Tổ 4, Khu phố 7, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 239 | 210.0 | 969-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|----|-------------------------------|---|---|--|-----|-------|----------|
| 297 | 21 | 66 | 541/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Thị Bạch Yến | K3/160, Khu phố 5, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai | 239 | 21.2 | 969-2025 |
| 298 | 21 | 68 | 542/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Thị Nguyên Phi | 1/2B, Khu phố 6, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 239 | 19.0 | 969-2025 |
| 299 | 21 | 69 | 543/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Đường và Đào Thị Kim Oanh | 175A/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 239 | 60.0 | 969-2025 |
| 300 | 21 | 70 | 544/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Út và Đào Thị Thanh | 175/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 239 | 568.0 | 969-2025 |
| 301 | 21 | 71 | 545/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Thị Trúc Phương | 40/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 239 | 18.8 | 969-2025 |
| 302 | 21 | 72 | 546/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Thị Ánh | 237C/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 239 | 18.2 | 969-2025 |
| 303 | 21 | 73 | 547/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Thị Minh Huệ | 205C/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 239 | 83.2 | 969-2025 |
| 304 | 21 | 74 | 548/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Trúc Thiện | P307 Chung Cư 5 Tầng Cũ, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 239 | 0.6 | 969-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|----|-------------------------------|--|---|--|-----|-------|----------|
| 305 | 21 | 75 | 549/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Trúc Thiện | P307 Chung Cư 5 Tầng Cũ, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 239 | 115.3 | 969-2025 |
| 306 | 21 | 76 | 550/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Mộng Giao | Khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 239 | 313.0 | 969-2025 |
| 307 | 21 | 77 | 551/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Bá Quốc Dũng | Khu phố Bình Hóa, phường Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai | 239 | 96.7 | 969-2025 |
| 308 | 21 | 80 | 552/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phan Trúc Viên | 53/16/19B đường 30/4, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | xã Bàu Hàm, thành phố Đồng Nai | 239 | 100.0 | 969-2025 |
| 309 | 21 | 81 | 553/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Bùi Ngọc Lang và Trần Thị Bé | 2/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 239 | 678.1 | 969-2025 |
| 310 | 21 | 85 | 554/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Hải và Lê Thị Xem | 176/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 239 | 860.4 | 969-2025 |
| 311 | 21 | 86 | 555/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thuận và Nguyễn Thị Thúy Phượng | Khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 239 | 80.0 | 969-2025 |
| 312 | 21 | 87 | 556/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Sơn Cao và Hò Ngọc Thảo | 176A/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 239 | 55.0 | 969-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-------------------------------|---------------------------------------|---|--|-----|-------|----------|
| 313 | 21 | 99 | 557/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đỗ Hoàng Giang và Trần Thị Hồng Hà | 07-05 Tòa nhà Ambercourt, Khu phố 7, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 239 | 47.2 | 969-2025 |
| 314 | 21 | 106 | 558/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Bùi Chí Lợi | 166/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 239 | 62.4 | 969-2025 |
| 315 | 21 | 107 | 559/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Bùi Thị Kim Danh | 166/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 239 | 62.4 | 969-2025 |
| 316 | 21 | 108 | 560/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Bùi Thị Sang Giàu | 166/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 239 | 165.8 | 969-2025 |
| 317 | 24 | 8 | 561/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Lầy và Nguyễn Thị Thông | 161/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 242 | 100.2 | 969-2025 |
| 318 | 24 | 14 | 562/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hồng Thị Ngọc | 157/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 242 | 628.3 | 969-2025 |
| 319 | 24 | 138 | 563/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Văn Phước | 55/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 242 | 252.0 | 969-2025 |
| 320 | 24 | 139 | 564/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Thị Minh Huệ | 205C/3, khu phố Tam Hoà, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 242 | 83.8 | 969-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-------------------------------|--|--|---|-----|---------|----------|
| 321 | 53 | 398 | 565/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Tổng Công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai | 833A, Xa lộ Hà Nội, Khu phố 1, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai | phường Long Hưng, thành phố Đồng Nai | 271 | 192.2 | 970-2025 |
| 322 | 53 | 399 | 566/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Văn Hải và Ngô Thị Khuê | 70/3B, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 254.3 | 970-2025 |
| 323 | 53 | 400 | 567/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Văn Hải và Ngô Thị Khuê | 120/A2, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 278.0 | 970-2025 |
| 324 | 53 | 401 | 568/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,099.0 | 970-2025 |
| 325 | 53 | 426 | 569/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Ngọc Đức và Nguyễn Thị Ngọc Xuyến | 131/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 501.0 | 970-2025 |
| 326 | 53 | 427 | 570/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Hồng Hương (chung quyền sử dụng với đất với Đoàn Thị Ngọc Vân) | 50, Thích Quảng Đức, KP2, phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai. 112B2, tổ 8, Kp10, phường Tân Phong, tỉnh Đồng Nai. | phường Long Khánh, thành phố Đồng Nai | 271 | 762.0 | 970-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-------------------------------|--|---|--|-----|-------|----------|
| 327 | 53 | 427 | 570/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Hồng Hương (chung quyền sử dụng với đất với Đoàn Thị Ngọc Vân) | 50, Thích Quảng Đức, KP2, phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.112B2, tổ 8, Kp10, phường Tân Phong, tỉnh Đồng Nai. | phường Tân Triều, thành phố Đồng Nai | 271 | 762.0 | 970-2025 |
| 328 | 53 | 428 | 571/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Văn Hải và Ngô Thị Khuê | 70/3B, Khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 291.0 | 970-2025 |
| 329 | 53 | 429 | 572/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Văn Hải và Ngô Thị Khuê | 70/3B, Khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 319.3 | 970-2025 |
| 330 | 53 | 430 | 573/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hữu Văn | 25/2, Khu phố 7, phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Hồ Nai, thành phố Đồng Nai | 271 | 54.5 | 970-2025 |
| 331 | 53 | 431 | 574/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hữu Văn | 25/2, Khu phố 7, phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Hồ Nai, thành phố Đồng Nai | 271 | 82.5 | 970-2025 |
| 332 | 53 | 447 | 575/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Cường | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 362.4 | 970-2025 |
| 333 | 53 | 448 | 576/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Cường và Đặng Thị Kim Anh | 286 Bà Hom, phường 13, Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh | phường Phú Lâm, thành phố Hồ Chí Minh | 271 | 695.0 | 970-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-------------------------------|--------------------------------------|---|---------------------------------------|-----|---------|----------|
| 334 | 53 | 449 | 577/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hữu Văn | 25/2, Khu phố 7, phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Hồ Nai, thành phố Đồng Nai | 271 | 847.0 | 970-2025 |
| 335 | 53 | 450 | 578/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hữu Văn | 25/2, Khu phố 7, phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Hồ Nai, thành phố Đồng Nai | 271 | 2,739.0 | 970-2025 |
| 336 | 53 | 473 | 579/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 192.0 | 970-2025 |
| 337 | 53 | 474 | 580/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Cường và Đặng Thị Kim Anh | 286 Bà Hom, phường 13, Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh | phường Phú Lâm, thành phố Hồ Chí Minh | 271 | 1,400.0 | 970-2025 |
| 338 | 53 | 475 | 581/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Cường và Đặng Thị Kim Anh | 286 Bà Hom, phường 13, Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh | phường Phú Lâm, thành phố Hồ Chí Minh | 271 | 401.0 | 970-2025 |
| 339 | 53 | 476 | 582/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lương Thanh Vung | 12/17, Khu phố 3, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 704.1 | 970-2025 |
| 340 | 53 | 492 | 583/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phan Văn Bé | 12/17, Khu phố 3, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,434.0 | 970-2025 |
| 341 | 53 | 493 | 584/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lương Thanh Vung | 12/17, Khu phố 3, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,595.3 | 970-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-------------------------------|---|--|--|-----|---------|----------|
| 342 | 53 | 494 | 585/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Cường và Đặng Thị Kim Anh | 286 Bà Hom, phường 13, Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh | phường Phú Lâm, thành phố Hồ Chí Minh | 271 | 927.0 | 970-2025 |
| 343 | 53 | 495 | 586/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Cường và Đặng Thị Kim Anh | 286 Bà Hom, phường 13, Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh | phường Phú Lâm, thành phố Hồ Chí Minh | 271 | 2,440.0 | 970-2025 |
| 344 | 53 | 503 | 587/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lương Thanh Vung | 12/17, Khu phố 3, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,750.1 | 970-2025 |
| 345 | 53 | 576 | 588/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Tường Vĩnh | 327A/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 560.0 | 970-2025 |
| 346 | 53 | 577 | 589/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Xuân | 327/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 944.5 | 970-2025 |
| 347 | 53 | 578 | 590/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Nghiệp | 327B/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 560.0 | 970-2025 |
| 348 | 53 | 579 | 591/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Xuân | 327/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 500.0 | 970-2025 |
| 349 | 53 | 580 | 592/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Bích | 46/2, khu phố Nhị Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 500.0 | 970-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-------------------------------|--|---|--|-----|---------|----------|
| 350 | 63 | 62 | 593/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Ông Phan Quang Dũng, bà Nguyễn Thị Hương, bà Mai Thị Thu Thảo | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 281 | 972.1 | 970-2025 |
| 351 | 63 | 101 | 594/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Do và Huỳnh Thị Hồng | 182A/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 281 | 1,171.1 | 970-2025 |
| 352 | 63 | 102 | 595/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Do và Huỳnh Thị Hồng | 182A/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 281 | 683.8 | 970-2025 |
| 353 | 63 | 106 | 596/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Vy Thị Cát | 500/19, Tổ 14, khu phố Nhị Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 281 | 508.0 | 970-2025 |
| 354 | 63 | 107 | 597/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Thị Thu Dung | 158/48/29 K3, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 281 | 1,781.9 | 970-2025 |
| 355 | 63 | 111 | 598/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Thành và Nguyễn Thị Gái | 212C/A2, khu phố Nhị Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 281 | 361.3 | 970-2025 |
| 356 | 63 | 112 | 599/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Thành và Nguyễn Thị Gái | 212C/A2, khu phố Nhị Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 281 | 26.0 | 970-2025 |
| 357 | 63 | 113 | 600/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Lên | 212/A2, khu phố Nhị Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 281 | 470.3 | 970-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-------------------------------|-----------------------------------|--|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 358 | 63 | 136 | 601/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đặng Thị Thu Trang | 221, Khu phố 2, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 281 | 111.7 | 970-2025 |
| 359 | 63 | 137 | 602/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đặng Thị Thu Trang | 221, Khu phố 2, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 281 | 277.8 | 970-2025 |
| 360 | 63 | 139 | 603/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đặng Thị Thu Trang | 894/39, Tổ 29, Khu phố 2A, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 281 | 359.8 | 970-2025 |
| 361 | 63 | 143 | 604/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Tô Thành Liêm và Nguyễn Thị Ánh | 218/2, khu phố Nhị Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 281 | 11.3 | 970-2025 |
| 362 | 63 | 144 | 605/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Tự và Hồ Thị Hoa | 219A/2, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 281 | 5.2 | 970-2025 |
| 363 | 63 | 145 | 606/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đặng Thị Thu Trang | 221, Khu phố 2, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 281 | 1,583.8 | 970-2025 |
| 364 | 63 | 146 | 607/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đặng Thị Thu Trang | 894/39, Tổ 29, Khu phố 2A, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 281 | 1,094.0 | 970-2025 |
| 365 | 63 | 147 | 608/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Văn Vượng và Lê Thị Thu Hằng | 28B/88, Khu phố 13, phường Hố Nai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Long Bình, thành phố Đồng Nai | 281 | 272.4 | 970-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-------------------------------|---|--|--|-----|---------|----------|
| 366 | 63 | 150 | 609/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hà Duy Khôi | 41/12, Tổ 2, Khu phố 1, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 281 | 53.6 | 970-2025 |
| 367 | 63 | 151 | 610/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Văn Mắm và Võ Thị Hết | Số 86/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 281 | 86.7 | 970-2025 |
| 368 | 63 | 153 | 611/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Lê Thiên Hương | 21/4, phường Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai | 281 | 984.5 | 970-2025 |
| 369 | 63 | 159 | 612/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đặng Kim Nhung | 9/5, Khu phố 5, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 281 | 792.3 | 970-2025 |
| 370 | 63 | 160 | 613/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Lê Thiên Hương | 21/4, phường Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai | 281 | 1,383.3 | 970-2025 |
| 371 | 63 | 161 | 614/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đặng Kim Nhung | 9/5, Khu phố 5, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 281 | 560.8 | 970-2025 |
| 372 | 63 | 162 | 615/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Bùi Văn Nghĩa và Nguyễn Thanh Nghiêm | Phước Lộc, xã Phước Vinh, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh | xã Phước Vinh, tỉnh Tây Ninh | 281 | 166.1 | 970-2025 |
| 373 | 63 | 163 | 616/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hà Duy Kỳ Nam | 189/12, Khu phố 2, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 281 | 360.5 | 970-2025 |
| 374 | 63 | 164 | 617/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hà Duy Kỳ Nam | 189/12, Khu phố 2, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 281 | 266.2 | 970-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-------------------------------|--|---|--|-----|-------|----------|
| 375 | 63 | 165 | 618/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hà Duy Khôi | 41/12, Tổ 2, Khu phố 1, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 281 | 193.2 | 970-2025 |
| 376 | 63 | 166 | 619/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hà Duy Khôi | 41/12, Tổ 2, Khu phố 1, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 281 | 246.2 | 970-2025 |
| 377 | 63 | 169 | 620/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hà Duy Khôi | 41/12, Tổ 2, Khu phố 1, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 281 | 286.1 | 970-2025 |
| 378 | 63 | 178 | 621/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trụ điện Đa Nhiệm | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 281 | 188.0 | 970-2025 |
| 379 | 63 | 208 | 622/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đặng Thanh Bình và Dương Thị Âu | 87A/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 281 | 7.6 | 970-2025 |
| 380 | 63 | 209 | 623/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Văn Vượng và Lê Thị Thu Hằng | 28B/88, Khu phố 13, phường Hồ Nai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Long Bình, thành phố Đồng Nai | 281 | 49.1 | 970-2025 |
| 381 | 63 | 232 | 624/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Đình Hùng và Đoàn Thị Kim Sang | 58 Phan Chu Trinh, Khu phố 1, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 281 | 663.2 | 970-2025 |
| 382 | 63 | 235 | 625/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Trọng Hiếu và Lâm Ngọc Thu | 59/67/4/5, Khu phố 5, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 281 | 680.0 | 970-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-------------------------------|----------------------|---|--|-----|---------|----------|
| 383 | 63 | 236 | 626/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hà Duy Thiện | Ấp Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 281 | 681.7 | 970-2025 |
| 384 | 66 | 1 | 627/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Văn Kim Chi | 83/3, KP3, phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Hồ Nai, thành phố Đồng Nai | 284 | 70.4 | 970-2025 |
| 385 | 66 | 2 | 628/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Văn Kim Chi | 83/3, KP3, phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Hồ Nai, thành phố Đồng Nai | 284 | 222.6 | 970-2025 |
| 386 | 66 | 4 | 629/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Lê Thiên Hương | 21/4, phường Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai | 284 | 565.5 | 970-2025 |
| 387 | 66 | 5 | 630/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hà Duy Khôi | 41/12, Tổ 2, Khu phố 1, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 284 | 734.0 | 970-2025 |
| 388 | 66 | 6 | 631/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Vương Ngọc Sơn | 33/7 Ngãi Thắng, phường Bình Thắng, Thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương | phường Đông Hòa, thành phố Hồ Chí Minh | 284 | 1,911.9 | 970-2025 |
| 389 | 66 | 8 | 632/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Vương Ngọc Sơn | 33/7 Ngãi Thắng, phường Bình Thắng, Thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương | phường Đông Hòa, thành phố Hồ Chí Minh | 284 | 379.3 | 970-2025 |
| 390 | 66 | 9 | 633/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Vương Ngọc Sơn | 33/7, Ngãi Thắng, phường Bình Thắng, Thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương | phường Đông Hòa, thành phố Hồ Chí Minh | 284 | 190.1 | 970-2025 |
| 391 | 66 | 11 | 634/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hà Duy Thiện | Khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 284 | 77.6 | 970-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|----|-------------------------------|------------------------------------|--|--|-----|-------|----------|
| 392 | 66 | 12 | 635/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hà Duy Thiện | Khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 284 | 93.8 | 970-2025 |
| 393 | 66 | 13 | 636/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hà Duy Thiện | Khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 284 | 305.4 | 970-2025 |
| 394 | 66 | 14 | 637/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hà Duy Khôi | 41/12, Tổ 2, Khu phố 1, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 284 | 395.4 | 970-2025 |
| 395 | 66 | 18 | 638/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Văn Thọ và Huỳnh Võ Mộng Vân | 391/1, Tổ 13, Khu phố 2, phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 284 | 258.7 | 970-2025 |
| 396 | 66 | 19 | 639/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Văn Cân | 81/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 284 | 271.3 | 970-2025 |
| 397 | 66 | 20 | 640/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Lan Hương | 74/7, Khu phố 4, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 284 | 170.3 | 970-2025 |
| 398 | 66 | 21 | 641/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Văn Thọ và Huỳnh Võ Mộng Vân | 391/1, Khu phố 2, phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 284 | 311.2 | 970-2025 |
| 399 | 66 | 22 | 642/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Văn Thọ và Huỳnh Võ Mộng Vân | 391/1, Khu phố 2, phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 284 | 246.5 | 970-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|----|-------------------------------|------------------------------------|--|--|-----|---------|----------|
| 400 | 66 | 23 | 643/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Văn Thọ và Huỳnh Võ Mộng Vân | 391/1, Khu phố 2, phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 284 | 242.5 | 970-2025 |
| 401 | 66 | 25 | 644/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Văn Thọ và Huỳnh Võ Mộng Vân | 391/1, Khu phố 2, phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 284 | 546.1 | 970-2025 |
| 402 | 66 | 26 | 645/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Lan Hương | 74/7, KP4, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 284 | 340.1 | 970-2025 |
| 403 | 66 | 27 | 646/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Văn Cân | 81/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 284 | 211.2 | 970-2025 |
| 404 | 66 | 28 | 647/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Văn Cân | 81/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 284 | 120.9 | 970-2025 |
| 405 | 66 | 29 | 648/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Văn Cân | 81/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 284 | 288.3 | 970-2025 |
| 406 | 66 | 30 | 649/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Văn Cân | 81/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 284 | 262.9 | 970-2025 |
| 407 | 66 | 31 | 650/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Văn Thọ | 391/1, Khu phố 2, phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 284 | 2,233.2 | 970-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|----|-------------------------------|--|--|--|-----|---------|----------|
| 408 | 66 | 32 | 651/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thị Trung và Phạm Văn Dũng và Phạm Văn Cường và Phạm Thị Tuyết và Phạm Văn Nhung và Phạm Thị Trung | 81/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, tỉnh Đồng Nai. 81A/3B, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, tỉnh Đồng Nai. | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 284 | 1,891.4 | 970-2025 |
| 409 | 66 | 54 | 652/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Văn Kim Chi | 83/3, Khu phố 3, phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Hồ Nai, thành phố Đồng Nai | 284 | 4,420.7 | 970-2025 |
| 410 | 66 | 55 | 653/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Văn Kim Chi | 83/3, Khu phố 3, phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Hồ Nai, thành phố Đồng Nai | 284 | 317.7 | 970-2025 |
| 411 | 66 | 56 | 654/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Văn Kim Chi | 83/3, Khu phố 3, phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Hồ Nai, thành phố Đồng Nai | 284 | 1,339.0 | 970-2025 |
| 412 | 66 | 57 | 655/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Văn Kim Chi | 83/3, Khu phố 3, phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Hồ Nai, thành phố Đồng Nai | 284 | 709.7 | 970-2025 |
| 413 | 66 | 60 | 656/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hồ Thị Tuyết Trinh | 134/7 Đặng Đại Độ, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 284 | 9.1 | 970-2025 |
| 414 | 66 | 61 | 657/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hoài Phong | 84/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 284 | 29.3 | 970-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|----|-------------------------------|--------------------------------------|---|---------------------------------------|-----|---------|----------|
| 415 | 67 | 1 | 658/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Thị Ngọc Anh | Tổ 1, Khu phố 3, thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai | xã Trảng Bom, thành phố Đồng Nai | 285 | 112.9 | 970-2025 |
| 416 | 67 | 2 | 659/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Bé | 76A/3, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 285 | 22.2 | 970-2025 |
| 417 | 67 | 16 | 660/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Cường và Đặng Thị Kim Anh | 286 Bà Hom, phường 13, Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh | phường Phú Lâm, thành phố Hồ Chí Minh | 285 | 2,729.0 | 970-2025 |
| 418 | 67 | 17 | 661/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hồ Văn Rồng và Diệp Thị Hạnh | 75/3, khu phố Tam Hoà, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 285 | 1,854.0 | 970-2025 |
| 419 | 67 | 18 | 662/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lương Thanh Vung | 12/17, Khu phố 3, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 285 | 1,009.0 | 970-2025 |
| 420 | 67 | 42 | 663/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Cường và Đặng Thị Kim Anh | 286 Bà Hom, phường 13, Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh | phường Phú Lâm, thành phố Hồ Chí Minh | 285 | 2,679.0 | 970-2025 |
| 421 | 67 | 43 | 664/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Cường và Đặng Thị Kim Anh | 286 Bà Hom, phường 13, Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh | phường Phú Lâm, thành phố Hồ Chí Minh | 285 | 4,661.0 | 970-2025 |
| 422 | 67 | 52 | 665/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Bia Liệt sỹ Bình Quan | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 285 | 79.7 | 970-2025 |
| 423 | 67 | 55 | 666/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Văn Thọ | 70A/3, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 285 | 1,683.0 | 970-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|----|-------------------------------|--|---|--|-----|---------|----------|
| 424 | 67 | 58 | 667/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hồng Hà và Nguyễn Thị Thanh Tuyền | 69A/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 285 | 573.8 | 970-2025 |
| 425 | 67 | 59 | 668/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hà Ngọc Ninh | P204 Chung cư Thanh Bình Plaza, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | xã Bàu Hàm, thành phố Đồng Nai | 285 | 934.0 | 970-2025 |
| 426 | 67 | 61 | 669/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Trọng Nhân | A2/232, phường Tân Vạn, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai | 285 | 1,988.8 | 970-2025 |
| 427 | 67 | 63 | 670/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Cường và Đặng Thị Kim Anh | 286 Bà Hom, phường 13, Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh | phường Phú Lâm, thành phố Hồ Chí Minh | 285 | 2,325.0 | 970-2025 |
| 428 | 67 | 87 | 671/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Thanh Xuân | 36 Nguyễn Ái Quốc, Tổ 2, Khu phố 6, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 285 | 37.1 | 970-2025 |
| 429 | 67 | 88 | 672/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Phú Kiệt | 74/22/2, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 285 | 642.0 | 970-2025 |
| 430 | 67 | 89 | 673/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Phú Kiệt | 74/22/2, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 285 | 271.0 | 970-2025 |
| 431 | 67 | 90 | 674/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Phú Kiệt | 154/22 Hưng Đạo Vương, Khu phố 1, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 285 | 513.0 | 970-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|----|-------------------------------|---|--|---|-----|---------|----------|
| 432 | 67 | 91 | 675/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thị Tuyết Hồng và Phạm Văn Hùng và Phạm Văn Nghĩa và Phạm Thị Tuyết Thanh và Từ Phạm Thanh Trúc và Từ Phạm Trúc Linh | 69/3, khu phố Tam Hoà, phường Hiệp Hòa, tỉnh Đồng Nai. 81A/3, khu phố Tam Hoà, phường Hiệp Hòa, tỉnh Đồng Nai. 509/A2, tổ 18, khu phố Nhị Hoà, phường Hiệp Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 285 | 2,899.0 | 970-2025 |
| 433 | 67 | 92 | 676/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hà Ngọc Ninh | P204 Chung cư Thanh Bình Plaza, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | xã Bàu Hàm, thành phố Đồng Nai | 285 | 839.0 | 970-2025 |
| 434 | 67 | 93 | 677/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Bắc Huy | 12 đường 20, KP2, phường An Khánh, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh | phường An Khánh, thành phố Hồ Chí Minh | 285 | 5,142.7 | 970-2025 |
| 435 | 67 | 95 | 678/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hà Ngọc Ninh | P204 Chung cư Thanh Bình Plaza, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | xã Bàu Hàm, thành phố Đồng Nai | 285 | 1,596.0 | 970-2025 |
| 436 | 67 | 96 | 679/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thị Tuyết Hồng và Phạm Văn Hùng và Phạm Văn Nghĩa và Phạm Thị Tuyết Thanh và Từ Phạm Thanh Trúc và Từ Phạm Trúc Linh | 69/3, khu phố Tam Hoà, phường Hiệp Hòa, tỉnh Đồng Nai. 81A/3, khu phố Tam Hoà, phường Hiệp Hòa, tỉnh Đồng Nai. 509/A2, tổ 18, Nhị Hoà, phường Hiệp Hòa, tỉnh Đồng Nai. | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 285 | 921.0 | 970-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-------------------------------|---|---|--|-----|---------|----------|
| 437 | 67 | 97 | 680/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thị Tuyết Hồng và Phạm Văn Hùng và Phạm Văn Nghĩa và Phạm Thị Tuyết Thanh và Từ Phạm Thanh Trúc và Từ Phạm Trúc Linh | 69/3, khu phố Tam Hoà, phường Hiệp Hòa, tỉnh Đồng Nai. 81A/3, khu phố Tam Hoà, phường Hiệp Hòa, tỉnh Đồng Nai. 509/A2, tổ 18, khu phố Nhị Hoà, phường Hiệp Hòa, tỉnh Đồng Nai. | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 285 | 928.9 | 970-2025 |
| 438 | 67 | 98 | 681/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thị Tuyết Hồng và Phạm Văn Hùng và Phạm Văn Nghĩa và Phạm Thị Tuyết Thanh và Từ Phạm Thanh Trúc và Từ Phạm Trúc Linh | 69/3, khu phố Tam Hoà, phường Hiệp Hòa, tỉnh Đồng Nai. 81A/3, khu phố Tam Hoà, phường Hiệp Hòa, tỉnh Đồng Nai. 509/A2, tổ 18, khu phố Nhị Hoà, phường Hiệp Hòa, tỉnh Đồng Nai. | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 285 | 1,541.4 | 970-2025 |
| 439 | 67 | 99 | 682/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Thu và Nguyễn Văn Thiện | 74/22/2, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 285 | 1,101.0 | 970-2025 |
| 440 | 67 | 100 | 683/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Thu và Nguyễn Văn Thiện | 74/22/2, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 285 | 2,753.0 | 970-2025 |
| 441 | 67 | 101 | 684/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Thanh Xuân | 36 Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 285 | 1,316.1 | 970-2025 |
| 442 | 67 | 102 | 685/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Thanh Xuân | 36 Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 285 | 972.0 | 970-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-------------------------------|---------------------------------------|--|--|-----|---------|----------|
| 443 | 67 | 135 | 686/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Thanh Xuân | 36 Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 285 | 2,291.6 | 970-2025 |
| 444 | 67 | 136 | 687/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Thanh Xuân | 36 Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 285 | 1,228.0 | 970-2025 |
| 445 | 67 | 137 | 688/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Thanh Xuân | 36 Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 285 | 588.0 | 970-2025 |
| 446 | 67 | 138 | 689/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Thanh Xuân | 36 Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 285 | 904.0 | 970-2025 |
| 447 | 67 | 139 | 690/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Thanh Xuân | 36 Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 285 | 422.0 | 970-2025 |
| 448 | 67 | 140 | 691/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Thanh Xuân | 36 Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 285 | 463.0 | 970-2025 |
| 449 | 67 | 141 | 692/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Thu và Nguyễn Văn Thiện | 74/22/2, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 285 | 339.0 | 970-2025 |
| 450 | 67 | 142 | 693/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Thu và Nguyễn Văn Thiện | 74/22/2, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 285 | 480.2 | 970-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-------------------------------|---|--|---|-----|---------|----------|
| 451 | 67 | 143 | 694/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Thanh Xuân | 36 Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 285 | 2,055.0 | 970-2025 |
| 452 | 67 | 144 | 695/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đình Hòa Quới quản lý | Khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 285 | 486.8 | 970-2025 |
| 453 | 67 | 210 | 696/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Bắc Huy | 12 Đường 20, Khu phố 2, phường An Khánh, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh | phường An Khánh, thành phố Hồ Chí Minh | 285 | 185.5 | 970-2025 |
| 454 | 67 | 268 | 697/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn An Đông và Nguyễn Thị Minh Trâm | 79/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 285 | 120.9 | 970-2025 |
| 455 | 67 | 274 | 698/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lưu Vĩnh Trường và Nguyễn Bảo Hương | 195/17, CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 285 | 599.9 | 970-2025 |
| 456 | 67 | 275 | 699/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Thanh Bình và Đỗ Thị Cao Sang | 250, khu phố 2, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 285 | 610.9 | 970-2025 |
| 457 | 67 | 276 | 700/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lưu Vĩnh Trường và Nguyễn Bảo Hương | 195/17 CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 285 | 91.6 | 970-2025 |
| 458 | 67 | 277 | 701/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Thanh Bình và Đỗ Thị Cao Sang | 250, Khu phố 2, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 285 | 199.2 | 970-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-------------------------------|---|---|--|-----|---------|----------|
| 459 | 67 | 278 | 702/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Bùi Việt Xuân Yến và Bùi Việt Quang Huy | 70/3D, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, tỉnh Đồng Nai. 70/3C, Tổ 5, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 285 | 541.0 | 970-2025 |
| 460 | 67 | 279 | 703/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Bùi Việt Trung và Hà Thị Hoanh | 70D/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 285 | 500.0 | 970-2025 |
| 461 | 67 | 280 | 704/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Bùi Thị Việt Xuân và Bùi Việt Cang | 70/3B, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, tỉnh Đồng Nai. 70C/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 285 | 522.8 | 970-2025 |
| 462 | 67 | 281 | 705/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Bùi Việt Ánh Hồng và Bùi Việt Ánh Loan | 70/3, phường Hiệp Hòa, tỉnh Đồng Nai. 141/114B, kp2, phường Tân Phong, tỉnh Đồng Nai | phường Tân Triều, thành phố Đồng Nai | 285 | 537.0 | 970-2025 |
| 463 | 67 | 283 | 706/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Trọng Nhân và Huỳnh Thị Thanh Thảo | A2/232, Khu phố 2, phường Tân Vạn, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai | 285 | 7,354.9 | 970-2025 |
| 464 | 67 | 284 | 707/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Quý | Hưng Long, xã Hưng Thịnh, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai | xã Hưng Thịnh, thành phố Đồng Nai | 285 | 8,584.6 | 970-2025 |
| 465 | 67 | 285 | 708/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn An Đông và Nguyễn Thị Minh Trâm | 79/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 285 | 4,797.3 | 970-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-------------------------------|-------------------------------------|---|--|-----|---------|----------|
| 466 | 67 | 303 | 709/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Văn Nhi và Nguyễn Thị Vàng | 68/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 285 | 368.6 | 970-2025 |
| 467 | 67 | 304 | 710/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Quý | Hung Long, xã Hưng Thịnh, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai | xã Hưng Thịnh, thành phố Đồng Nai | 285 | 1,128.0 | 970-2025 |
| 468 | 67 | 11 | 713/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Văn Nhi và Nguyễn Thị Vàng | 400/6 Đại Lộ Tân Phú, khu phố Mỹ Gia 2 - S5, phường Tân Mỹ, tp Hồ Chí Minh | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 285 | 4.0 | 971/2025 |
| 469 | 55 | 134 | 714/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trịnh Thị Minh Thanh | 90/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 273 | 3.5 | 971/2025 |
| 470 | 55 | 135 | 715/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Ôn Quang và Lâm Thị Ngọc My | K2/117B, Tân Bình, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai | 273 | 1,901.5 | 971/2025 |
| 471 | 55 | 136 | 716/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Cường | 202/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 273 | 168.1 | 971/2025 |
| 472 | 55 | 141 | 717/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Ngọc Thanh | 23/1A Cách Mạng Tháng 8, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 273 | 878.8 | 971/2025 |
| 473 | 53 | 194 | 718/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thị Hồng Nhung | 98E/3, Tổ 6, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 33.9 | 971/2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-------------------------------|---------------------------------------|---|--|-----|---------|----------|
| 474 | 55 | 194 | 719/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hồng Điệp và Trịnh Văn Tư | 220/44 K2, phường Tân Mai, tỉnh Đồng Nai, 116, khu 3, Hưng Long, xã Hưng Thịnh, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 273 | 564.1 | 971/2025 |
| 475 | 53 | 195 | 720/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Tấn Sáng và Phạm Thị Tâm | 332/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 304.1 | 971/2025 |
| 476 | 53 | 197 | 721/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Võ Văn Nghĩa | Cư xá Cty Xây lắp 1, Khu phố 6, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,652.4 | 971/2025 |
| 477 | 67 | 229 | 722/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Văn Miến và Nguyễn Thị Đò | 67/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 285 | 9.9 | 971/2025 |
| 478 | 53 | 236 | 723/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Văn Hưng và Nguyễn Thị Kim An | 98/3A, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 37.1 | 971/2025 |
| 479 | 53 | 237 | 724/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phan Ngọc Thảo | A24/3, Khu phố 1, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh | xã Bình Hưng, thành phố Hồ Chí Minh | 271 | 2,647.3 | 971/2025 |
| 480 | 53 | 238 | 725/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phan Ngọc Thảo | A24/3, Khu phố 1, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh | xã Bình Hưng, thành phố Hồ Chí Minh | 271 | 1,358.9 | 971/2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-------------------------------|---|---|--|-----|---------|----------|
| 481 | 53 | 239 | 726/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thị Kim Thảo và Đặng Trần Chương | K3/63A Tân Bản, phường Bửu Hòa, tỉnh Đồng Nai, 24/B2 Quốc lộ 1, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai | phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,167.4 | 971/2025 |
| 482 | 53 | 241 | 728/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hữu Trường và Phạm Thị Kim Trang | 77/2, Khu phố 2, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 178.0 | 971/2025 |
| 483 | 53 | 242 | 729/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Dương Thị Lan Hương | 57/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 61.9 | 971/2025 |
| 484 | 53 | 243 | 730/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Thanh Hồng | 98E/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 72.1 | 971/2025 |
| 485 | 53 | 245 | 731/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Văn Đi và Lê Thanh Hồng | 167/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 441.7 | 971/2025 |
| 486 | 53 | 246 | 732/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thị Vàng | 167/A3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 215.3 | 971/2025 |
| 487 | 53 | 247 | 733/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thị Kim Thu | 11E KP2, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 207.0 | 971/2025 |
| 488 | 53 | 248 | 734/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thị Hương | 167B/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 358.0 | 971/2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-------------------------------|------------------------------------|---|--------------------------------------|-----|-------|----------|
| 489 | 53 | 249 | 735/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Thanh Dung | 318A/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 116.0 | 971/2025 |
| 490 | 53 | 250 | 736/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thị Kim Thu | 11E KP2, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 324.0 | 971/2025 |
| 491 | 53 | 251 | 737/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Kim Hồng | Số nhà 46/61/4 Nguyễn Xiển, phường Bình Thẳng, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương | phường ĐHòa, thành phố Hồ Chí Minh | 271 | 106.0 | 971/2025 |
| 492 | 53 | 252 | 738/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Quản Thị Thanh Ngân | 202C/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 106.0 | 971/2025 |
| 493 | 53 | 253 | 739/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Văn Hưng và Nguyễn Thị Kim An | 98/3A, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 310.0 | 971/2025 |
| 494 | 53 | 254 | 740/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Văn Hưng và Nguyễn Thị Kim An | 98/3A, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 510.0 | 971/2025 |
| 495 | 53 | 255 | 741/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Văn Hưng và Nguyễn Thị Kim An | 98/3A, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 156.0 | 971/2025 |
| 496 | 53 | 256 | 742/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Văn Hưng và Nguyễn Thị Kim An | 98/3A, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 277.0 | 971/2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-------------------------------|---------------------------------------|--|--|-----|---------|----------|
| 497 | 53 | 257 | 743/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Văn Hưng và Nguyễn Thị Kim An | 98/3A, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 463.0 | 971/2025 |
| 498 | 53 | 258 | 744/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Văn Hưng và Nguyễn Thị Kim An | 98/3A, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 523.0 | 971/2025 |
| 499 | 53 | 259 | 745/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Văn Hưng và Nguyễn Thị Kim An | 98/3A, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 2,039.0 | 971/2025 |
| 500 | 53 | 260 | 746/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Văn Hưng và Nguyễn Thị Kim An | 98/3A, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 108.0 | 971/2025 |
| 501 | 53 | 291 | 748/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Tạ Hữu Hạnh | 196/A3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 326.6 | 971/2025 |
| 502 | 53 | 292 | 749/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Ngọc Sơn và Ngô Bích Thủy | 10E, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 410.5 | 971/2025 |
| 503 | 53 | 293 | 750/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Ngọc Sơn và Ngô Bích Thủy | 10E, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 981.0 | 971/2025 |
| 504 | 53 | 294 | 751/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Ngọc Sơn và Ngô Bích Thủy | 10E, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 232.0 | 971/2025 |
| 505 | 53 | 296 | 753/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Ngọc Sơn và Ngô Bích Thủy | 10E, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 914.0 | 971/2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-------------------------------|--|---|--|-----|---------|----------|
| 506 | 53 | 297 | 754/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Ngọc Sơn và Ngô Bích Thủy | 10E, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 439.0 | 971/2025 |
| 507 | 53 | 298 | 755/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Văn Hưng và Nguyễn Thị Kim An | 98/3A, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 452.0 | 971/2025 |
| 508 | 53 | 301 | 757/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Bùi Kim Diu và Võ Thủy Hồng | 2/30, Khóm 5, phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tân Triều, thành phố Đồng Nai | 271 | 2,377.1 | 971/2025 |
| 509 | 53 | 302 | 758/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Bùi Kim Diu và Võ Thủy Hồng | 2/30, Khóm 5, phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tân Triều, thành phố Đồng Nai | 271 | 403.2 | 971/2025 |
| 510 | 53 | 304 | 759/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Triệu và Nguyễn Thị Kim Dung | 311/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 2,585.4 | 971/2025 |
| 511 | 53 | 305 | 760/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Triệu và Nguyễn Thị Kim Dung | 311/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 471.2 | 971/2025 |
| 512 | 53 | 306 | 761/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trịnh Văn Ngay và Trần Lệ Dung | 83A/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 208.8 | 971/2025 |
| 513 | 53 | 307 | 762/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trịnh Văn Ngay và Trần Lệ Dung | 83A/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 409.0 | 971/2025 |
| 514 | 53 | 310 | 765/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Ngọc Sơn và Ngô Bích Thủy | 10E, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 750.0 | 971/2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-------------------------------|--------------------------------|---|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 515 | 53 | 311 | 766/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Lý | 483/A2, khu phố Nhị Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 2,138.0 | 971/2025 |
| 516 | 53 | 312 | 767/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Tư và Nguyễn Thị Lý | 483/A2, khu phố Nhị Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 38.8 | 971/2025 |
| 517 | 53 | 355 | 768/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Trọng Nguyên | 172/3, khu phố 3, phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 271 | 996.6 | 971/2025 |
| 518 | 53 | 356 | 769/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Trọng Nguyên | 172/3, khu phố 3, phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 271 | 268.0 | 971/2025 |
| 519 | 53 | 357 | 770/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Lý | 483/A2, khu phố Nhị Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,475.9 | 971/2025 |
| 520 | 53 | 358 | 771/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Hoàng Sơn | 372/36, Khu phố 2, phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 271 | 8,582.0 | 971/2025 |
| 521 | 53 | 359 | 772/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Thị Tho | 92/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 716.0 | 971/2025 |
| 522 | 53 | 360 | 773/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Thị Tho | 92/3 khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 982.0 | 971/2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-------------------------------|---------------------|---|--|-----|---------|----------|
| 523 | 53 | 361 | 774/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Thị Tho | 92/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 3,870.5 | 971/2025 |
| 524 | 53 | 362 | 775/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Cư | 311/3 khu phố Tam Hoà, phường Hiệp Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,998.5 | 971/2025 |
| 525 | 53 | 363 | 776/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Cư | 311/3 khu phố Tam Hoà, phường Hiệp Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 271 | 865.0 | 971/2025 |
| 526 | 53 | 364 | 777/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thị Hạnh | 8A/4 Trần Văn Ôn, Khu phố 5, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,569.0 | 971/2025 |
| 527 | 53 | 365 | 778/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Quý | Hung Long, xã Hưng Thịnh, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai | xã Hưng Thịnh, thành phố Đồng Nai | 271 | 385.0 | 971/2025 |
| 528 | 53 | 366 | 779/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Quý | Hung Long, xã Hưng Thịnh, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai | xã Hưng Thịnh, thành phố Đồng Nai | 271 | 424.0 | 971/2025 |
| 529 | 53 | 367 | 780/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Quý | Hung Long, xã Hưng Thịnh, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai | xã Hưng Thịnh, thành phố Đồng Nai | 271 | 505.0 | 971/2025 |
| 530 | 53 | 368 | 781/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Trọng Nguyên | 172/3, Khu phố 3, phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,140.0 | 971/2025 |
| 531 | 53 | 369 | 782/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Trọng Nguyên | 172/3, Khu phố 3, phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 271 | 782.0 | 971/2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-------------------------------|-----------------|---|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 532 | 53 | 370 | 783/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Lý | 483/A2, khu phố Nhị Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 2,561.2 | 971/2025 |
| 533 | 53 | 402 | 785/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Bùi Thị Hải Hòa | 15/1B, khu phố 3, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 420.0 | 971/2025 |
| 534 | 53 | 403 | 786/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Bùi Thị Hải Hòa | 15/1B, khu phố 3, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 835.0 | 971/2025 |
| 535 | 53 | 404 | 787/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Phúc Hưng | Khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 532.0 | 971/2025 |
| 536 | 53 | 405 | 788/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Bùi Thị Hải Hòa | 15/1B, Khu phố 3, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,234.0 | 971/2025 |
| 537 | 53 | 406 | 789/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Thị Tho | 92/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 414.7 | 971/2025 |
| 538 | 53 | 407 | 790/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Võ Văn Sơn | 94/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 368.0 | 971/2025 |
| 539 | 53 | 408 | 791/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Thị Tho | 92/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 79.0 | 971/2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-------------------------------|----------------------------------|---|--|-----|---------|----------|
| 540 | 53 | 409 | 792/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Thị Tho | 92/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 668.0 | 971/2025 |
| 541 | 53 | 410 | 793/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Thị Tho | 92/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 844.0 | 971/2025 |
| 542 | 53 | 411 | 794/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Thị Tho | 92/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,118.0 | 971/2025 |
| 543 | 53 | 413 | 795/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Võ Văn Thảo và Lê Thị Thu Cúc | 326/3, Tổ 6, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 2,934.9 | 971/2025 |
| 544 | 53 | 414 | 796/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Quý | Hung Long, xã Hung Thịnh, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai | xã Hung Thịnh, thành phố Đồng Nai | 271 | 931.0 | 971/2025 |
| 545 | 53 | 415 | 797/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Võ Văn Thảo và Lê Thị Thu Cúc | 326/3, Tổ 6, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 2,472.9 | 971/2025 |
| 546 | 53 | 416 | 798/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Võ Văn Thảo và Lê Thị Thu Cúc | 326/3, Tổ 6, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,489.0 | 971/2025 |
| 547 | 53 | 417 | 799/TB-UBND ngày 15/4/2026 | chưa đăng ký | 95/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 204.0 | 971/2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-------------------------------|-----------------------------------|---|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 548 | 53 | 419 | 801/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Dương Thị Loan Anh | A4, Cư xá Tỉnh Ủy, Khu phố 1, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 624.0 | 971/2025 |
| 549 | 53 | 420 | 802/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Dương Thị Loan Anh | A4, Cư xá Tỉnh Ủy, Khu phố 1, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 422.7 | 971/2025 |
| 550 | 53 | 421 | 803/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Dương Thị Loan Anh | A4, Cư xá Tỉnh Ủy, Khu phố 1, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 2,245.2 | 971/2025 |
| 551 | 53 | 423 | 804/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Bùi Trường Tuấn và Võ Thị Diệu | 94/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 26.1 | 971/2025 |
| 552 | 53 | 424 | 805/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đặng Thị Ba | 401/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,120.8 | 971/2025 |
| 553 | 53 | 457 | 806/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đỗ Văn Quân | K3/263C, Tân Bình, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai | 271 | 506.4 | 971/2025 |
| 554 | 53 | 459 | 807/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Phi Hùng | Khu phố 6, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,809.5 | 971/2025 |
| 555 | 53 | 460 | 808/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thanh Vũ | 91/3B, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 189.9 | 971/2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-------------------------------|--------------------------------|---|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 556 | 53 | 461 | 809/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Thanh Hà | 412 B/A2, khu phố Nhị Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 200.0 | 971/2025 |
| 557 | 53 | 462 | 810/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Thanh Hà | 412 B/A2, khu phố Nhị Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 732.0 | 971/2025 |
| 558 | 53 | 463 | 811/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Thanh Hà | 412 B/A2, khu phố Nhị Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 382.0 | 971/2025 |
| 559 | 53 | 464 | 812/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Võ Văn Thảo và Lê Thị Thu Cúc | 326/3, Tổ 6, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 235.0 | 971/2025 |
| 560 | 53 | 465 | 813/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Võ Văn Thảo và Lê Thị Thu Cúc | 326/3, Tổ 6, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 747.1 | 971/2025 |
| 561 | 53 | 466 | 814/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Mai Nhật Long và Mai Nhật Long | 284/30 Lê Văn Sỹ, phường 14, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh, số 51, tổ 6, khu phố 6, phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai | phường Long Bình, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,016.8 | 971/2025 |
| 562 | 53 | 467 | 815/TB-UBND ngày 15/4/2026 | chưa đăng ký | 54/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 6.0 | 971/2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-------------------------------|---------------------------------------|---|--|-----|-------|----------|
| 563 | 53 | 468 | 816/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Võ Văn Thảo và Lê Thị Thu Cúc | 326/3, Tổ 6, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 512.7 | 971/2025 |
| 564 | 53 | 469 | 817/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Bùi Thị Lan | 2/12B, Khu phố 6, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 280.3 | 971/2025 |
| 565 | 53 | 498 | 818/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hồ Văn Bình và Trần Thị Phương | 77A/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 40.9 | 971/2025 |
| 566 | 53 | 502 | 819/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Thị Ngọc Hiền | 100/25/3, Khu phố 1, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 46.6 | 971/2025 |
| 567 | 53 | 516 | 821/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Võ Văn Một và Phan Thị Kim Ngân | 9B Phan Chu Trinh, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 73.9 | 971/2025 |
| 568 | 53 | 528 | 822/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Văn Hưng và Nguyễn Thị Kim An | 98/3A, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 614.5 | 971/2025 |
| 569 | 53 | 531 | 823/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Quang Quốc và Lư Thị Mỹ Trang | 124, Khu phố 1, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 22.2 | 971/2025 |
| 570 | 53 | 538 | 824/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Thu Lan | 191A/A2, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 45.5 | 971/2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-------------------------------|---------------------------------------|---|--------------------------------------|-----|-------|----------|
| 571 | 53 | 539 | 825/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Huỳnh Hoa | 1/6, Khu Phố 2, phường Tân Mai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 271 | 152.9 | 971/2025 |
| 572 | 53 | 540 | 826/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Tô Nguyễn | 91/3B, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 184.3 | 971/2025 |
| 573 | 53 | 547 | 827/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Ngọc Châu và Huỳnh Thị Quan | 64A/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 44.8 | 971/2025 |
| 574 | 53 | 550 | 828/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thông Minh và Nguyễn Văn Triệu | 311/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 32.2 | 971/2025 |
| 575 | 53 | 551 | 829/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Phúc và Nguyễn Thanh Phong | 311A/3 Tổ 6, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, tỉnh Đồng Nai, 4/22B, Khu Phố 4, phường Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 3.2 | 971/2025 |
| 576 | 53 | 552 | 830/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Lợi | 311/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 13.8 | 971/2025 |
| 577 | 53 | 555 | 831/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Bá Nghĩa | Khu phố Cây ThTrong, xã Cửa Dương, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang | đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang | 271 | 510.0 | 971/2025 |
| 578 | 53 | 556 | 832/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Bùi Phước Cường | 06, Lô S4, KDC An Hoà 2, Khu phố 12, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 912.0 | 971/2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-------------------------------|---|--|---|-----|---------|----------|
| 579 | 53 | 557 | 833/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Bá Nghĩa | Khu phố Cây ThTrong, xã Cửa Dương, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang | đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang | 271 | 982.0 | 971/2025 |
| 580 | 53 | 564 | 834/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Văn Quý và Lê Thị Ngọc Sương | 86C/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 322.4 | 971/2025 |
| 581 | 53 | 585 | 835/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phùng Việt Châu và Khu Thị Nghệ | 96/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 636.8 | 971/2025 |
| 582 | 53 | 586 | 836/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Hoài An | 44A, Khu phố 6, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 271 | 100.0 | 971/2025 |
| 583 | 53 | 622 | 837/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thúy Điệp và Vũ Văn Chử và Huỳnh Quang Thịnh | 35/7 Hà Huy Giáp, Khu Phố 2, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, 328/7, Khu phố 1, phường Trung Dũng(mã cũ), tỉnh Đồng Nai, 23/1A, CMT8, phường Quang Vinh, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 7,019.8 | 971/2025 |
| 584 | 53 | 692 | 839/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Bùi Thị Phương Dung | 134/1/28 Cách Mạng Tháng 8, phường 10, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh | phường Nhiêu Lộc, thành phố Hồ Chí Minh | 271 | 111.6 | 971/2025 |
| 585 | 53 | 693 | 840/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Bùi Thị Phương Lan | 2/30, Khu phố 5, phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tân Triều, thành phố Đồng Nai | 271 | 136.9 | 971/2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-------------------------------|--|---|--|-----|-------|----------|
| 586 | 53 | 694 | 841/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Bùi Kim Diệu và Võ Thủy Hồng | 2/30, Khóm 5, phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tân Triều, thành phố Đồng Nai | 271 | 63.4 | 971/2025 |
| 587 | 67 | 6 | 711/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hồ Văn Rồng và Diệp Thị Hạnh | 75/3, khu phố Tam Hoà, phường Hiệp Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 285 | 20.8 | 971/2025 |
| 588 | 67 | 7 | 712/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Mai Thanh Thu | C4/5, khu phố 1, phường Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 285 | 5.2 | 971/2025 |
| 589 | 53 | 240 | 727/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thị Kim Thu | 11E khu phố 2, phường An Bình, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 308.0 | 971/2025 |
| 590 | 53 | 261 | 747/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lý Ánh Nguyệt | 91B/3 Tổ 4, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 264.2 | 971/2025 |
| 591 | 53 | 295 | 752/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Ông Nguyễn Ngọc Sơn và Bà Ngô Bích Thủy | 10E, phường Quang Vinh, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 202.0 | 971/2025 |
| 592 | 53 | 308 | 763/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Ông Trịnh Văn Ngay và Bà Trần Lệ Dung | 83A/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 404.0 | 971/2025 |
| 593 | 53 | 309 | 764/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Ông Trịnh Văn Ngay và Bà Trần Lệ Dung | 83A/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 285.0 | 971/2025 |
| 594 | 53 | 418 | 800/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Thị Tho | 92/3 khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 921.0 | 971/2025 |
| 595 | 53 | 299 | 756/TB-UBND ngày 15/4/2026 | chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 283.0 | 971/2025 |
| 596 | 53 | 371 | 784/TB-UBND ngày 15/4/2026 | chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 215.9 | 971/2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-------------------------------|---|--|--|-----|---------|----------|
| 597 | 53 | 511 | 820/TB-UBND ngày 15/4/2026 | chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 380.0 | 971/2025 |
| 598 | 53 | 623 | 838/TB-UBND ngày 15/4/2026 | chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 21.9 | 971/2025 |
| 599 | 53 | 697 | 842/TB-UBND ngày 15/4/2026 | chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 176.5 | 971/2025 |
| 600 | 53 | 1 | 843/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Ngọc | 400/6 Đại Lộ Tân Phú, khu phố Mỹ Gia 2 - S5, phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh | phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh | 271 | 423.8 | 972-2025 |
| 601 | 53 | 2 | 844/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thị Lựu | 6G, Khu phố 1, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 271 | 256.0 | 972-2025 |
| 602 | 53 | 3 | 845/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Thùy Trang (Chung quyền sử dụng đất với Phạm Thị Lựu) | C3/1, khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 250.0 | 972-2025 |
| 603 | 53 | 5 | 846/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thị Lựu | 6G, Khu phố 1, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,888.0 | 972-2025 |
| 604 | 53 | 6 | 847/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Thùy Trang (Chung quyền sử dụng đất với Phạm Thị Lựu) | C3/1, khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 341.0 | 972-2025 |
| 605 | 53 | 9 | 848/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Thùy Trang (Chung quyền sử dụng đất với Phạm Thị Lựu) | C3/1, khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 425.0 | 972-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|----|-------------------------------|--|--|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 606 | 53 | 10 | 849/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Thùy Trang (Chung quyền sử dụng đất với Phạm Thị Lựu) | C3/1, khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 862.0 | 972-2025 |
| 607 | 53 | 11 | 850/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Thùy Trang (Chung quyền sử dụng đất với Phạm Thị Lựu) | C3/1, khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 389.0 | 972-2025 |
| 608 | 53 | 12 | 851/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Thùy Trang (Chung quyền sử dụng đất với Phạm Thị Lựu) | C3/1, khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 263.0 | 972-2025 |
| 609 | 53 | 13 | 852/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Long Hương | 179A/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 685.0 | 972-2025 |
| 610 | 53 | 14 | 853/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Thùy Trang (Chung quyền sử dụng đất với Phạm Thị Lựu) | C3/1, khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 931.0 | 972-2025 |
| 611 | 53 | 15 | 854/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Thùy Trang (Chung quyền sử dụng đất với Phạm Thị Lựu) | C3/1, khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 296.0 | 972-2025 |
| 612 | 53 | 16 | 855/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Thùy Trang (Chung quyền sử dụng đất với Phạm Thị Lựu) | C3/1, khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 3,303.4 | 972-2025 |
| 613 | 53 | 17 | 856/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Ngọc | 400/6 Đại Lộ Tân Phú, khu phố Mỹ Gia 2 - S5, phường Tân Phú, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh | xã Tân Phú, thành phố Đồng Nai | 271 | 216.5 | 972-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|----|-------------------------------|---|---|--|-----|---------|----------|
| 614 | 53 | 18 | 857/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Ngọc | 400/6 Đại Lộ Tân Phú, khu phố Mỹ Gia 2 - S5, phường Tân Phú, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh | xã Tân Phú, thành phố Đồng Nai | 271 | 285.0 | 972-2025 |
| 615 | 53 | 21 | 858/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Ngọc | 400/6 Đại Lộ Tân Phú, khu phố Mỹ Gia 2 - S5, phường Tân Phú, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh | xã Tân Phú, thành phố Đồng Nai | 271 | 58.8 | 972-2025 |
| 616 | 53 | 22 | 859/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Thùy Trang (Chung quyền sử dụng đất với Phạm Thị Lựu) | C3/1, khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 2,987.0 | 972-2025 |
| 617 | 53 | 23 | 860/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Thùy Trang (Chung quyền sử dụng đất với Phạm Thị Lựu) | C3/1, khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,202.0 | 972-2025 |
| 618 | 53 | 24 | 861/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Thùy Trang (Chung quyền sử dụng đất với Phạm Thị Lựu) | C3/1, khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 195.0 | 972-2025 |
| 619 | 53 | 25 | 862/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Thùy Trang (Chung quyền sử dụng đất với Phạm Thị Lựu) | C3/1, khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,689.0 | 972-2025 |
| 620 | 53 | 26 | 863/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Thùy Trang (Chung quyền sử dụng đất với Phạm Thị Lựu) | C3/1, khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 2,788.0 | 972-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|----|-------------------------------|--|--|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 621 | 53 | 27 | 864/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Thùy Trang (Chung quyền sử dụng đất với Phạm Thị Lựu) | C3/1, khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trăn Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 341.0 | 972-2025 |
| 622 | 53 | 29 | 865/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Thùy Trang (Chung quyền sử dụng đất với Phạm Thị Lựu) | C3/1, khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trăn Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 89.0 | 972-2025 |
| 623 | 53 | 28 | 866/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Thùy Trang (Chung quyền sử dụng đất với Phạm Thị Lựu) | C3/1, khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trăn Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,384.0 | 972-2025 |
| 624 | 53 | 36 | 868/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Thùy Trang (Chung quyền sử dụng đất với Phạm Thị Lựu) | C3/1, khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trăn Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,152.0 | 972-2025 |
| 625 | 53 | 37 | 869/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Thùy Trang (Chung quyền sử dụng đất với Phạm Thị Lựu) | C3/1, khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trăn Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 2,743.0 | 972-2025 |
| 626 | 53 | 38 | 870/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Thùy Trang (Chung quyền sử dụng đất với Phạm Thị Lựu) | C3/1, khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trăn Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,090.8 | 972-2025 |
| 627 | 53 | 50 | 871/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Ngọc | 400/6 Đại Lộ Tân Phú, khu phố Mỹ Gia 2 - S5, phường Tân Phú, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh | xã Tân Phú, thành phố Đồng Nai | 271 | 31.1 | 972-2025 |
| 628 | 53 | 51 | 872/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Thùy Trang (Chung quyền sử dụng đất với Phạm Thị Lựu) | C3/1, khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trăn Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 2,107.1 | 972-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|----|-------------------------------|--|--|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 629 | 53 | 52 | 873/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Văn Lợi và Tiêu Thị Công | 277/3 khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 2,928.0 | 972-2025 |
| 630 | 53 | 53 | 874/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Văn Lợi và Tiêu Thị Công | 277/3 khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,351.4 | 972-2025 |
| 631 | 53 | 54 | 875/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Văn Lợi và Tiêu Thị Công | 277/3 khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 343.4 | 972-2025 |
| 632 | 53 | 64 | 876/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Văn Lợi và Tiêu Thị Công | 277/3 khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 942.4 | 972-2025 |
| 633 | 53 | 66 | 877/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Ngọc Ân và Nguyễn Thị Ngọc Hương | 131C/3 khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 5,118.7 | 972-2025 |
| 634 | 53 | 67 | 878/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thanh Tùng | C3/1, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 3,688.0 | 972-2025 |
| 635 | 53 | 68 | 879/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thanh Tùng và Nguyễn Thị Thùy Trang | C3/1, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 212.0 | 972-2025 |
| 636 | 53 | 69 | 880/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thanh Tùng và Nguyễn Thị Thùy Trang | C3/1, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 890.0 | 972-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|----|-------------------------------|--|---|--|-----|---------|----------|
| 637 | 53 | 70 | 881/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thanh Tùng và Nguyễn Thị Thùy Trang | C3/1, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 300.0 | 972-2025 |
| 638 | 53 | 85 | 882/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Ngọc | 400/6 Đại Lộ Tân Phú, khu phố Mỹ Gia 2 - S5, phường Tân Phú, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh | xã Tân Phú, thành phố Đồng Nai | 271 | 115.7 | 972-2025 |
| 639 | 53 | 88 | 883/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thanh Tùng và Nguyễn Thị Thùy Trang | C3/1, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 927.4 | 972-2025 |
| 640 | 53 | 89 | 884/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thanh Tùng | H1/4, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 237.9 | 972-2025 |
| 641 | 53 | 90 | 885/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thanh Tùng | H1/4, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,122.0 | 972-2025 |
| 642 | 53 | 91 | 886/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thanh Tùng | C3/1, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 228.0 | 972-2025 |
| 643 | 53 | 92 | 887/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thanh Tùng | H1/4, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 2,814.0 | 972-2025 |
| 644 | 53 | 93 | 888/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thanh Tùng | C3/1, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 291.0 | 972-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-------------------------------|--|---|--|-----|-------|----------|
| 645 | 53 | 94 | 889/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hồng Thái và Nguyễn Thị Thu Hương | 11, Khu phố 2, phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tân Triều, thành phố Đồng Nai | 271 | 442.3 | 972-2025 |
| 646 | 53 | 95 | 890/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hồng Thái và Nguyễn Thị Thu Hương | 11, Khu phố 2, phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tân Triều, thành phố Đồng Nai | 271 | 143.3 | 972-2025 |
| 647 | 53 | 104 | 892/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hoàng Văn Thụ | 1/17A, Tổ 11, Khu phố 2, phường Tân Mai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 271 | 853.0 | 972-2025 |
| 648 | 53 | 105 | 893/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hoàng Thị Sơn | Tổ 19A, Khu phố 4, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 271 | 490.3 | 972-2025 |
| 649 | 53 | 106 | 894/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hoàng Thị Sơn | Tổ 19A, Khu phố 4, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 271 | 703.2 | 972-2025 |
| 650 | 53 | 107 | 895/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hoàng Văn Thụ | 1/17A, Tổ 11, Khu phố 2, phường Tân Mai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 271 | 325.0 | 972-2025 |
| 651 | 53 | 108 | 896/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Đông | A2/335, phường Tân Vạn, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai | 271 | 742.1 | 972-2025 |
| 652 | 53 | 109 | 897/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Lê Anh và Trịnh Thị Lan Anh | 314/34A, Khu phố 2, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 121.0 | 972-2025 |
| 653 | 53 | 110 | 898/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Lê Anh và Trịnh Thị Lan Anh | 314/34A, Khu phố 2, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 749.0 | 972-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-------------------------------|--|---|--|-----|---------|----------|
| 654 | 53 | 112 | 899/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Phước An và Phạm Ngọc Hải | 149/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 2,815.6 | 972-2025 |
| 655 | 53 | 113 | 900/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Phước An và Phạm Ngọc Hải | 149/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 2,015.7 | 972-2025 |
| 656 | 53 | 134 | 901/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hồng Thái và Nguyễn Thị Thu Hương | 11, Khu phố 2, phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tân Triều, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,695.1 | 972-2025 |
| 657 | 53 | 135 | 902/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hồng Thái và Nguyễn Thị Thu Hương | 11, Khu phố 2, phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tân Triều, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,481.6 | 972-2025 |
| 658 | 53 | 136 | 903/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Phước An và Phạm Ngọc Hải | 149/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 2,674.5 | 972-2025 |
| 659 | 53 | 137 | 904/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Lê Anh và Trịnh Thị Lan Anh | 314/34A, Khu phố 2, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 2,612.0 | 972-2025 |
| 660 | 53 | 138 | 905/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hoàng Văn Thụ | 1/17A, Tổ 11, Khu phố 2, phường Tân Mai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,158.0 | 972-2025 |
| 661 | 53 | 139 | 906/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trương Thị Kim Phượng | E2, Khu phố 6, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 271 | 2,298.0 | 972-2025 |
| 662 | 53 | 140 | 907/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Ngô Văn Mười Sáu và Trần Thị Như Ý | 3/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 2,407.4 | 972-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-------------------------------|--|--|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 663 | 53 | 145 | 908/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Tuấn Anh và Ngô Thị Mười Bốn | 3/3, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 73.9 | 972-2025 |
| 664 | 53 | 147 | 909/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Ngô Văn Mười Sáu và Trần Thị Như Ý | 3/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,066.5 | 972-2025 |
| 665 | 53 | 148 | 910/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đỗ Văn Thắng | 30 Đường 1A, Tổ dân phố 9, Khu phố 2, phường Phú Hữu, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh | xã Đại Phước, thành phố Đồng Nai | 271 | 2,551.0 | 972-2025 |
| 666 | 53 | 149 | 911/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đoàn Văn Thịnh và Hách Thị Thanh Nga | 44/46, Khu phố 11, phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tân Triều, thành phố Đồng Nai | 271 | 4,124.0 | 972-2025 |
| 667 | 53 | 151 | 912/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hồng Thái và Nguyễn Thị Thu Hương | 11 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 2, phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tân Triều, thành phố Đồng Nai | 271 | 244.0 | 972-2025 |
| 668 | 53 | 152 | 913/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Thị Nhân | 62B/B1 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 4,976.1 | 972-2025 |
| 669 | 53 | 153 | 914/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Ngọc | 400/6 Đại Lộ Tân Phú, khu phố Mỹ Gia 2 - S5, phường Tân Phú, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh | xã Tân Phú, thành phố Đồng Nai | 271 | 145.5 | 972-2025 |
| 670 | 53 | 160 | 915/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thanh Tùng và Nguyễn Thị Thùy Trang | C3/1, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,580.0 | 972-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-------------------------------|---------------------------------------|---|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 671 | 53 | 161 | 916/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Bùi Đình Bình | Khu phố 4, phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,661.0 | 972-2025 |
| 672 | 53 | 162 | 917/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hữu Tuyên | Khu phố 6, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 777.0 | 972-2025 |
| 673 | 53 | 164 | 918/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Bùi Nghiệp Thông | H6B, Tổ 10, Khu phố 2, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 271 | 2,255.0 | 972-2025 |
| 674 | 53 | 165 | 919/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Việt Hùng và Trần Thị Tuệ Anh | 39 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 2,275.3 | 972-2025 |
| 675 | 53 | 166 | 920/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trương Đình Phúc và Phạm Thị Lành | 189/84A, Khu phố 2, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,865.3 | 972-2025 |
| 676 | 53 | 167 | 921/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Ngô Văn Mười Sáu và Trần Thị Như Ý | 3/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 131.0 | 972-2025 |
| 677 | 53 | 168 | 922/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Ngô Văn Mười Sáu và Trần Thị Như Ý | 3/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,538.4 | 972-2025 |
| 678 | 53 | 169 | 923/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Văn Vượng và Lê Thị Thu Hằng | 28B/88, Khu phố 13, phường Hồ Nai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Long Bình, thành phố Đồng Nai | 271 | 2,732.9 | 972-2025 |
| 679 | 53 | 176 | 924/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Vũ Minh Châu và Nguyễn Thị Hạnh Phước | Khu phố 5, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,912.0 | 972-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-------------------------------|--|---|--|-----|---------|----------|
| 680 | 53 | 177 | 925/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Vũ Minh Châu và Nguyễn Thị Hạnh Phước | Khu phố 5, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,995.0 | 972-2025 |
| 681 | 53 | 178 | 926/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đoàn Văn Thịnh và Hách Thị Thanh Nga | 44/46, Khu phố 11, phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tân Triều, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,861.0 | 972-2025 |
| 682 | 53 | 181 | 928/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hữu Tuyên | Khu phố 6, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 592.0 | 972-2025 |
| 683 | 53 | 182 | 929/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hữu Tuyên | Khu phố 6, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,530.0 | 972-2025 |
| 684 | 53 | 183 | 930/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hữu Tuyên | Khu phố 6, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 365.0 | 972-2025 |
| 685 | 53 | 184 | 931/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Bùi Đình Bình | Khu phố 4, phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 271 | 995.0 | 972-2025 |
| 686 | 53 | 186 | 932/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thanh Tùng và Nguyễn Thị Thùy Trang | C3/1, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 2,284.8 | 972-2025 |
| 687 | 53 | 187 | 933/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hồng Thái và Nguyễn Thị Thu Hương | 11, Khu phố 2, phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tân Triều, thành phố Đồng Nai | 271 | 823.0 | 972-2025 |
| 688 | 53 | 188 | 934/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thanh Tùng và Nguyễn Thị Thùy Trang | C3/1, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,562.9 | 972-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-------------------------------|--|--|--|-----|---------|----------|
| 689 | 53 | 198 | 935/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Tiến Phát và Lại Thị Minh Châu | C28-29, Khu phố 6, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 271 | 345.3 | 972-2025 |
| 690 | 53 | 199 | 936/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lý Xuân Hoà và Phạm Thị Ngọc Dung | K3/63D, khu phố Tân Bình, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai | 271 | 283.8 | 972-2025 |
| 691 | 53 | 200 | 937/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lý Xuân Hoà và Phạm Thị Ngọc Dung | K3/63D, khu phố Tân Bình, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,067.0 | 972-2025 |
| 692 | 53 | 201 | 938/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Long Bình | 179A/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,083.0 | 972-2025 |
| 693 | 53 | 202 | 939/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Ngọc Lý | 179A/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 385.0 | 972-2025 |
| 694 | 53 | 203 | 940/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Ngọc Lý | 179A/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,023.0 | 972-2025 |
| 695 | 53 | 204 | 941/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Dương Thị TỰ | 104/3, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 417.0 | 972-2025 |
| 696 | 53 | 205 | 942/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Dương Thị TỰ | 104/3, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 320.0 | 972-2025 |
| 697 | 53 | 206 | 943/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Dương Thị TỰ | 104/3, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 343.0 | 972-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-------------------------------|--|--|--|-----|---------|----------|
| 698 | 53 | 207 | 944/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hồ Thị Kim Trang | B5/074, Lạc Sơn, xã Quang Trung, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai | xã Gia Kiệm, thành phố Đồng Nai | 271 | 323.0 | 972-2025 |
| 699 | 53 | 208 | 945/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hữu Tuyên | Khu phố 6, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 957.6 | 972-2025 |
| 700 | 53 | 209 | 946/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hữu Tuyên | Khu phố 6, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 373.0 | 972-2025 |
| 701 | 53 | 210 | 947/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hữu Tuyên | Khu phố 6, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,402.6 | 972-2025 |
| 702 | 53 | 211 | 948/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hữu Tuyên | Khu phố 6, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,983.0 | 972-2025 |
| 703 | 53 | 212 | 949/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Thị Thu Dung (Chung quyền sử dụng với Lê Thị Thu Nga) | 248, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hoà, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 2,620.0 | 972-2025 |
| 704 | 53 | 212 | 949/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Thị Thu Nga (Chung quyền sử dụng với Lê Thị Thu Dung) | 18, khu phố 5, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 2,620.0 | 972-2025 |
| 705 | 53 | 213 | 950/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Dương Thị Loan Anh | A4, Khu Phố 1, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 4,112.0 | 972-2025 |
| 706 | 53 | 214 | 951/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Ngô Thị Mười Bốn | 3B/3, Tổ 1, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hoà, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 2,354.0 | 972-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-------------------------------|------------------|---|--|-----|---------|----------|
| 707 | 53 | 222 | 952/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Bùi Trọng Phú | 209/3, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 271 | 3,957.0 | 972-2025 |
| 708 | 53 | 223 | 953/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Dương Thị Tụ | 104/3, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 4,048.0 | 972-2025 |
| 709 | 53 | 224 | 954/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Dương Thị Tụ | 104/3, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 4,963.0 | 972-2025 |
| 710 | 53 | 225 | 955/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hữu Tuyên | Khu phố 6, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 186.0 | 972-2025 |
| 711 | 53 | 226 | 956/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hồ Thị Kim Trang | B5/074, Lạc Sơn, xã Quang Trung, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai | xã Gia Kiệm, thành phố Đồng Nai | 271 | 119.0 | 972-2025 |
| 712 | 53 | 227 | 957/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Dương Thị Tụ | 104/3, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 196.0 | 972-2025 |
| 713 | 53 | 228 | 958/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Dương Thị Tụ | 104/3, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 221.0 | 972-2025 |
| 714 | 53 | 229 | 959/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Dương Thị Tụ | 104/3, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 990.0 | 972-2025 |
| 715 | 53 | 230 | 960/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Đông | A2/335, phường Tân Vạn, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai | 271 | 287.4 | 972-2025 |
| 716 | 53 | 231 | 961/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Đông | A2/335, phường Tân Vạn, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai | 271 | 579.0 | 972-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-------------------------------|-----------------------------------|---|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 717 | 53 | 232 | 962/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Đông | A2/335, phường Tân Vạn, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai | 271 | 505.6 | 972-2025 |
| 718 | 53 | 233 | 963/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Tạ Quang Viên | 192/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 795.0 | 972-2025 |
| 719 | 53 | 234 | 964/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lý Xuân Hoà và Phạm Thị Ngọc Dung | K3/63D, khu phố Tân Bình, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai | 271 | 733.5 | 972-2025 |
| 720 | 53 | 262 | 965/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Tạ Quang Viên | 192/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,224.1 | 972-2025 |
| 721 | 53 | 263 | 966/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Tạ Quang Viên | 192/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 312.0 | 972-2025 |
| 722 | 53 | 264 | 967/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Tạ Quang Viên | 192/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 329.0 | 972-2025 |
| 723 | 53 | 265 | 968/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Dương Thị Tự | 104/3, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,040.0 | 972-2025 |
| 724 | 53 | 266 | 969/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Dương Thị Tự | 104/3, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 213.0 | 972-2025 |
| 725 | 53 | 267 | 970/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Dương Thị Tự | 104/3, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 492.0 | 972-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-------------------------------|--|---|--|-----|---------|----------|
| 726 | 53 | 268 | 971/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Dương Thị Tụ | 104/3, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 2,863.0 | 972-2025 |
| 727 | 53 | 269 | 972/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Minh Ân và Hoàng Thị Oanh | 45/8Đ, Khu phố 1, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 271 | 4,973.0 | 972-2025 |
| 728 | 53 | 280 | 973/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đình Xuân Cường và Bùi Thị Hồng | Ấp 2, xã Bàu Cạn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai | xã Long Phước, thành phố Đồng Nai | 271 | 569.0 | 972-2025 |
| 729 | 53 | 281 | 974/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Minh Chương (Chung quyền sử dụng với Đỗ Hoài Thu) | 18/21, tổ 5, khu phố 6, phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 271 | 2,689.0 | 972-2025 |
| 730 | 53 | 281 | 974/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đỗ Hoài Thu (Chung quyền sử dụng với Lê Minh Chương) | khu phố 6, phường Tân Mai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 271 | 2,689.0 | 972-2025 |
| 731 | 53 | 282 | 975/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Dương Thị Loan Anh | A4, Khu Phố 1, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 732.0 | 972-2025 |
| 732 | 53 | 283 | 976/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Dương Thị Tụ | 104/3, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 4,898.0 | 972-2025 |
| 733 | 53 | 284 | 977/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Dương Thị Tụ | 104/3, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 482.0 | 972-2025 |
| 734 | 53 | 285 | 978/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Ngọc Vân và Nguyễn Thị Nhon Khanh | 107/31 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 2,807.0 | 972-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-------------------------------|-------------------|---|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 735 | 53 | 286 | 979/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hoàng Văn Đoán | Bảo Vinh B, phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai | phường Bảo Vinh, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,324.0 | 972-2025 |
| 736 | 53 | 287 | 980/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hoàng Văn Đoán | Bảo Vinh B, phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai | phường Bảo Vinh, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,510.0 | 972-2025 |
| 737 | 53 | 288 | 981/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Mạnh Hùng | 77/4 Khu 2, ấp Thanh Hóa, xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai | phường Hố Nai, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,796.0 | 972-2025 |
| 738 | 53 | 289 | 982/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Võ Thị Ngọc Trang | 134/1, khu phố Nhất Hoà, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 671.0 | 972-2025 |
| 739 | 53 | 290 | 983/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Tạ Hữu Hạnh | 196/A3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,156.4 | 972-2025 |
| 740 | 53 | 315 | 984/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Võ Hồng Tân | 99A/3, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 342.2 | 972-2025 |
| 741 | 53 | 316 | 985/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thị Hồng Cúc | 99A/3, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 871.1 | 972-2025 |
| 742 | 53 | 317 | 986/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Võ Thị Ngọc Thảo | 99A/3, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 117.3 | 972-2025 |
| 743 | 53 | 318 | 987/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hoàng Văn Đoán | Bảo Vinh B, phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai | phường Bảo Vinh, thành phố Đồng Nai | 271 | 972.0 | 972-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-------------------------------|--|--|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 744 | 53 | 319 | 988/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hoàng Văn Đoán | Bảo Vinh B, phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai | phường Bảo Vinh, thành phố Đồng Nai | 271 | 321.0 | 972-2025 |
| 745 | 53 | 320 | 989/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hoàng Văn Đoán | Bảo Vinh B, phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai | phường Bảo Vinh, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,046.0 | 972-2025 |
| 746 | 53 | 321 | 990/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Ngọc Vân và Nguyễn Thị Nhơn Khanh | 107/31 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,300.0 | 972-2025 |
| 747 | 53 | 322 | 991/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Dương Thị Tự | 104/3, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 976.0 | 972-2025 |
| 748 | 53 | 324 | 993/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Dương Văn Tiến và Hoàng Thị Hương | 9/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 3,798.2 | 972-2025 |
| 749 | 53 | 325 | 994/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Dương Văn Tiến | 9/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,765.0 | 972-2025 |
| 750 | 53 | 326 | 995/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hồ Bạch Vân | 10c/3, khu phố Tam Hoà, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 495.0 | 972-2025 |
| 751 | 53 | 327 | 996/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Ngọc Thanh | 23/1A CMT8, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 365.0 | 972-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-----------------------------|-----------------------------------|--|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 752 | 53 | 335 | 997/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hồ Bạch Vân | 10c/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 578.0 | 972-2025 |
| 753 | 53 | 336 | 998/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hồ Bạch Vân | 10c/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 378.0 | 972-2025 |
| 754 | 53 | 337 | 999/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hồ Bạch Vân | 10c/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 426.0 | 972-2025 |
| 755 | 53 | 338 | 1000/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hồ Bạch Vân | 10c/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 313.0 | 972-2025 |
| 756 | 53 | 339 | 1001/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hồ Bạch Vân | 10c/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,195.0 | 972-2025 |
| 757 | 53 | 340 | 1002/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hồ Bạch Vân | 10c/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,653.0 | 972-2025 |
| 758 | 53 | 341 | 1003/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Dương Văn Tiền | 9/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 432.0 | 972-2025 |
| 759 | 53 | 342 | 1004/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Dương Văn Tiền và Hoàng Thị Hương | 9/3 khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 652.7 | 972-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-----------------------------|---|--|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 760 | 53 | 343 | 1005/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đỗ Tiến Thịnh và Trần Thị Phương kim | 300/8/3B, Khu phố 3, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trán Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 2,213.0 | 972-2025 |
| 761 | 53 | 344 | 1006/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Tổng Công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai | 833A Xa lộ Hà Nội, Khu phố 1, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai- | phường Long Hưng, thành phố Đồng Nai | 271 | 172.0 | 972-2025 |
| 762 | 53 | 345 | 1007/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Tổng Công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai | 833A Xa lộ Hà Nội, Khu phố 1, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai | phường Long Hưng, thành phố Đồng Nai | 271 | 788.0 | 972-2025 |
| 763 | 53 | 346 | 1008/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Tổng Công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai | 833A Xa lộ Hà Nội, Khu phố 1, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai | phường Long Hưng, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,528.0 | 972-2025 |
| 764 | 53 | 347 | 1009/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hoàng Văn Đoán | Bảo Vinh Bphường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai | phường Bảo Vinh, thành phố Đồng Nai | 271 | 348.0 | 972-2025 |
| 765 | 53 | 349 | 1011/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Tổng Công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai | 833A Xa lộ Hà Nội, Khu phố 1, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai | phường Long Hưng, thành phố Đồng Nai | 271 | 264.0 | 972-2025 |
| 766 | 53 | 350 | 1012/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Tổng Công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai | 833A Xa lộ Hà Nội, Khu phố 1, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai | phường Long Hưng, thành phố Đồng Nai | 271 | 582.1 | 972-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-----------------------------|---|---|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 767 | 53 | 351 | 1013/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Tổng Công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai | 833A Xa lộ Hà Nội, Khu phố 1, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai | phường Long Hưng, thành phố Đồng Nai | 271 | 168.0 | 972-2025 |
| 768 | 53 | 352 | 1014/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Tổng Công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai | 833A Xa lộ Hà Nội, Khu phố 1, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai | phường Long Hưng, thành phố Đồng Nai | 271 | 583.5 | 972-2025 |
| 769 | 53 | 372 | 1015/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Tổng Công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai | 833A Xa lộ Hà Nội, Khu phố 1, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai | phường Long Hưng, thành phố Đồng Nai | 271 | 520.8 | 972-2025 |
| 770 | 53 | 373 | 1016/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Tổng Công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai | 833A Xa lộ Hà Nội, Khu phố 1, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai | phường Long Hưng, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,090.0 | 972-2025 |
| 771 | 53 | 374 | 1017/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Tổng Công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai | 833A Xa lộ Hà Nội, Khu phố 1, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai | phường Long Hưng, thành phố Đồng Nai | 271 | 4,104.0 | 972-2025 |
| 772 | 53 | 375 | 1018/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Tổng Công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai | 833A Xa lộ Hà Nội, Khu phố 1, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai | phường Long Hưng, thành phố Đồng Nai | 271 | 4,373.0 | 972-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-----------------------------|---|---|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 773 | 53 | 376 | 1019/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đỗ Tiến Thịnh và Trần Thị Phương Kim | 300/8/3B, Khu phố 3, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trán Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 3,863.0 | 972-2025 |
| 774 | 53 | 377 | 1020/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Tổng Công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai | 833A Xa lộ Hà Nội, Khu phố 1, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai | phường Long Hưng, thành phố Đồng Nai | 271 | 2,903.8 | 972-2025 |
| 775 | 53 | 378 | 1021/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Minh Tùng và Đoàn Thanh Mỹ | A1/141, phường Tân Vạn, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai | 271 | 426.0 | 972-2025 |
| 776 | 53 | 379 | 1022/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Minh Tùng và Đoàn Thanh Mỹ | A1/141, phường Tân Vạn, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai | 271 | 264.0 | 972-2025 |
| 777 | 53 | 380 | 1023/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Minh Tùng và Đoàn Thanh Mỹ | A1/141, phường Tân Vạn, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai | 271 | 780.8 | 972-2025 |
| 778 | 53 | 381 | 1024/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hồ Bạch Vân | 10c/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trán Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 91.0 | 972-2025 |
| 779 | 53 | 382 | 1025/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hồ Bạch Vân | 10c/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trán Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 161.0 | 972-2025 |
| 780 | 53 | 393 | 1026/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Tổng Công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai | 833A Xa lộ Hà Nội, Khu phố 1, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai | phường Long Hưng, thành phố Đồng Nai | 271 | 3,160.0 | 972-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-----------------------------|---|---|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 781 | 53 | 394 | 1027/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Tổng Công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai | 833A Xa lộ Hà Nội, Khu phố 1, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai | phường Long Hưng, thành phố Đồng Nai | 271 | 2,638.0 | 972-2025 |
| 782 | 53 | 395 | 1028/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Tổng Công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai | 833A Xa lộ Hà Nội, Khu phố 1, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai | phường Long Hưng, thành phố Đồng Nai | 271 | 2,927.0 | 972-2025 |
| 783 | 53 | 396 | 1029/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Tổng Công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai | 833A Xa lộ Hà Nội, Khu phố 1, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai | phường Long Hưng, thành phố Đồng Nai | 271 | 2,267.2 | 972-2025 |
| 784 | 53 | 433 | 1030/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Thị Hòa | 11/9 Khu phố 2, phường Hồ Nai, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai | phường Long Bình, thành phố Đồng Nai | 271 | 4,284.0 | 972-2025 |
| 785 | 53 | 434 | 1031/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Tổng Công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai | 833A Xa lộ Hà Nội, Khu phố 1, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai | phường Long Hưng, thành phố Đồng Nai | 271 | 3,200.0 | 972-2025 |
| 786 | 53 | 446 | 1032/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Tổng Công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai | 833A Xa lộ Hà Nội, Khu phố 1, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai | phường Long Hưng, thành phố Đồng Nai | 271 | 963.9 | 972-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-----------------------------|---|--|---|-----|---------|----------|
| 787 | 53 | 477 | 1033/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Tổng Công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai | 833A Xa lộ Hà Nội, Khu phố 1, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai | phường Long Hưng, thành phố Đồng Nai | 271 | 3,496.8 | 972-2025 |
| 788 | 53 | 489 | 1034/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hồ Văn Năm | 34D đường CMT8, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 225.5 | 972-2025 |
| 789 | 53 | 490 | 1035/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lương Thanh Vung | 12/17, Khu phố 3, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 2,500.4 | 972-2025 |
| 790 | 53 | 529 | 1038/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Ngọc | 400/6 Đại Lộ Tân Phú, Khu phố Mỹ Gia 2 - S5, phường Tân Phú, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh | xã Tân Phú, thành phố Đồng Nai | 271 | 45.2 | 972-2025 |
| 791 | 53 | 534 | 1039/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hồng Vũ | 20/26A, Khu phố 3B, đường TL17, phường Thạnh Lộc, Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh | Phường An Phú Đông, Thành phố Hồ Chí Minh | 271 | 38.2 | 972-2025 |
| 792 | 53 | 535 | 1040/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Quốc Trị và Bùi Thị Liễu | 12Y Cư xá Phúc Hải, phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tân Triều, thành phố Đồng Nai | 271 | 316.5 | 972-2025 |
| 793 | 53 | 536 | 1041/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Tiến Phát và Lại Thị Minh Châu | C28-29, Khu phố 6, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 271 | 374.2 | 972-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-----------------------------|--|---|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 794 | 53 | 553 | 1042/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Võ Thị Ngọc Trang | 134/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trán Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 377.5 | 972-2025 |
| 795 | 53 | 554 | 1043/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thanh Tùng và Nguyễn Thị Thùy Trang | C3/1, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trán Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,804.0 | 972-2025 |
| 796 | 53 | 570 | 1044/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Ngô Đình Lương và Đặng Thị Thu Hiền | 8, Khu phố 3, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 271 | 3,000.0 | 972-2025 |
| 797 | 53 | 571 | 1045/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đoàn Văn Thịnh và Hách Thị Thanh Nga | 44/46, C9, Khu phố 11, phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tân Triều, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,000.0 | 972-2025 |
| 798 | 53 | 572 | 1046/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đỗ Huy Võ và Hoàng Ngọc Bích | C27A, Khu phố 5, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trán Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,000.0 | 972-2025 |
| 799 | 53 | 573 | 1047/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hồng Thái và Nguyễn Thị Thu Hương | 11 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 2, phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tân Triều, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,004.4 | 972-2025 |
| 800 | 53 | 581 | 1048/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hồng Thái và Nguyễn Thị Thu Hương | Số nhà 11, Khu phố 2, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tân Triều, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,000.0 | 972-2025 |
| 801 | 53 | 582 | 1049/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hoàng Sơn và Nguyễn Thị Thu Hằng | 15, K1, Khu phố 4, phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tân Triều, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,116.0 | 972-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-----------------------------|---|--|--------------------------------------|-----|----------|----------|
| 802 | 53 | 583 | 1050/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đỗ Hùng Cường | 87D/7, Khu phố 5, phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Long Bình, thành phố Đồng Nai | 271 | 2,000.0 | 972-2025 |
| 803 | 53 | 584 | 1051/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Cảnh Tuân và Nguyễn Thị Kim Niên | C2/46, Khu phố 10, phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tân Triều, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,000.0 | 972-2025 |
| 804 | 53 | 616 | 1052/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lương Thanh Vung | 12/17, Khu phố 3, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 500.0 | 972-2025 |
| 805 | 53 | 617 | 1053/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Ngọc Đào | Ấp Vĩnh Hiệp, xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai | phường Tân Triều, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,229.0 | 972-2025 |
| 806 | 53 | 621 | 1054/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Công ty Cổ phần T&Q | Số 101/10, hẻm 101, đường Đặng Văn Tron, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 29,232.4 | 972-2025 |
| 807 | 53 | 661 | 1055/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Gia Lâm | H1/4, tổ 11, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,262.8 | 972-2025 |
| 808 | 53 | 35 | 867/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 83.0 | 972-2025 |
| 809 | 53 | 97 | 891/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 99.5 | 972-2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-----------------------------|--------------------------------------|--|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 810 | 53 | 180 | 927/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 317.0 | 972-2025 |
| 811 | 53 | 323 | 992/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 799.5 | 972-2025 |
| 812 | 53 | 348 | 1010/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 705.3 | 972-2025 |
| 813 | 53 | 526 | 1036/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 440.0 | 972-2025 |
| 814 | 53 | 527 | 1037/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 358.0 | 972-2025 |
| 815 | 52 | 25 | 1056/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Ngô Văn Mười Hai | 3/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 2,300.0 | 973/2025 |
| 816 | 52 | 28 | 1057/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Ngô Văn Mười Hai | 3/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 295.0 | 973/2025 |
| 817 | 52 | 30 | 1058/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Dương Văn Tiền | 9/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 163.0 | 973/2025 |
| 818 | 52 | 31 | 1059/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Dương Văn Tiền | 9/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 2,392.5 | 973/2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|----|-----------------------------|------------------------------------|--|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 819 | 52 | 32 | 1060/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hồ Thị Gấm | 8, Khu phố 3, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 208.9 | 973/2025 |
| 820 | 52 | 33 | 1061/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đình Việt Hùng | 152/2, khu phố 2, phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Hồ Nai, thành phố Đồng Nai | 270 | 777.3 | 973/2025 |
| 821 | 52 | 35 | 1062/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trịnh Ngọc Uyên | 5/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 2,549.7 | 973/2025 |
| 822 | 52 | 36 | 1063/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Dương Thị Vệ | 5/3 Tam Hiệp, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 2,427.3 | 973/2025 |
| 823 | 52 | 37 | 1064/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trịnh Đình Chương và Phạm Kim Nhân | 2/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 308.0 | 973/2025 |
| 824 | 52 | 38 | 1065/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trịnh Đình Chương và Phạm Kim Nhân | 2/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 362.0 | 973/2025 |
| 825 | 52 | 39 | 1066/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trịnh Đình Chương và Phạm Kim Nhân | 2/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 875.0 | 973/2025 |
| 826 | 52 | 40 | 1067/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trịnh Đình Chương và Phạm Kim Nhân | 2/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 1,111.0 | 973/2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|----|-----------------------------|------------------------------------|---|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 827 | 52 | 41 | 1068/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trịnh Quang Đức và Đoàn Ngọc Yến | K2/14A, khu phố Tân Mỹ, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai | 270 | 2,576.0 | 973/2025 |
| 828 | 52 | 42 | 1069/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trịnh Ngọc Uyên | 5/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 2,241.9 | 973/2025 |
| 829 | 52 | 43 | 1070/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trịnh Quang Đức | K2/14A, khu phố Tân Mỹ, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai | 270 | 1,237.9 | 973/2025 |
| 830 | 52 | 44 | 1071/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trịnh Đình Lựu và Huỳnh Thị Hồng | 5A/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 1,245.9 | 973/2025 |
| 831 | 52 | 46 | 1072/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Đình Lựu và Huỳnh Thị Hồng | 5A/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 4,518.1 | 973/2025 |
| 832 | 52 | 47 | 1073/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trịnh Quang Đức và Đoàn Ngọc Yến | K2/14A, khu phố Tân Mỹ, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai | 270 | 5,243.0 | 973/2025 |
| 833 | 52 | 48 | 1074/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trịnh Đình Chương và Phạm Kim Nhân | 2/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 2,919.0 | 973/2025 |
| 834 | 52 | 49 | 1075/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trịnh Đình Chương và Phạm Kim Nhân | 2/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 2,717.0 | 973/2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|----|-----------------------------|--------------------------------------|---|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 835 | 52 | 50 | 1076/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trịnh Thị Quả | 5/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 6.1 | 973/2025 |
| 836 | 52 | 51 | 1077/TB-UBND ngày 15/4/2026 | chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 1,707.4 | 973/2025 |
| 837 | 52 | 52 | 1078/TB-UBND ngày 15/4/2026 | chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 142.0 | 973/2025 |
| 838 | 52 | 54 | 1079/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Dương Văn Chợ | 8/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 358.6 | 973/2025 |
| 839 | 52 | 56 | 1080/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trịnh Đình Chương và Phạm Kim Nhân | 2/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 2,400.0 | 973/2025 |
| 840 | 52 | 59 | 1081/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Bùi Thanh Huyền | 141/70, Khu phố 2, phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tân Triều, thành phố Đồng Nai | 270 | 812.8 | 973/2025 |
| 841 | 52 | 60 | 1082/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Dương Văn Chợ | 8/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 211.0 | 973/2025 |
| 842 | 52 | 66 | 1083/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Châu Nga | 11/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 258.7 | 973/2025 |
| 843 | 52 | 67 | 1084/TB-UBND ngày 15/4/2026 | chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 87.9 | 973/2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|----|-----------------------------|--|--|--|-----|---------|----------|
| 844 | 52 | 68 | 1085/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Ngọc Vân và Nguyễn Thị Nhơn Khanh | 107/31, Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 428.0 | 973/2025 |
| 845 | 52 | 69 | 1086/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Văn Thuyền | Tổ 3, ấp 5, xã Mã Đà, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai | xã Trị An, thành phố Đồng Nai | 270 | 1,061.0 | 973/2025 |
| 846 | 52 | 71 | 1087/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Tuyết | 48A/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 351.0 | 973/2025 |
| 847 | 52 | 72 | 1088/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Tuyết | 48A/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 621.0 | 973/2025 |
| 848 | 52 | 73 | 1089/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Võ Minh Triết và Nguyễn Hoàng Tố Linh | C2-0812, V.C.P 720A Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh | Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh | 270 | 908.0 | 973/2025 |
| 849 | 52 | 75 | 1090/TB-UBND ngày 15/4/2026 | chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 138.7 | 973/2025 |
| 850 | 52 | 76 | 1091/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Châu Nga | 11/3 khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 145.9 | 973/2025 |
| 851 | 52 | 80 | 1092/TB-UBND ngày 15/4/2026 | chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 2.0 | 973/2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|----|-----------------------------|-----------------------------------|--|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 852 | 52 | 81 | 1093/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Bê | 12/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 614.9 | 973/2025 |
| 853 | 52 | 84 | 1094/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Minh Tùng và Đoàn Thanh Mỹ | A1/141, khu phố 1, phường Tân Vạn, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai | 270 | 23.9 | 973/2025 |
| 854 | 52 | 85 | 1095/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Minh Tùng | A1/141, khu phố 1, phường Tân Vạn, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai | 270 | 9.7 | 973/2025 |
| 855 | 52 | 74 | 1096/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Đắc Long | 21/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 5,937.2 | 973/2025 |
| 856 | 52 | 87 | 1097/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Đắc Long | 21/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 111.0 | 973/2025 |
| 857 | 52 | 89 | 1098/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Thu Vân | 26A/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 455.0 | 973/2025 |
| 858 | 52 | 90 | 1099/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Minh Lý và Nguyễn Thị Xứng | 22/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 288.0 | 973/2025 |
| 859 | 52 | 91 | 1100/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Minh Lý và Nguyễn Thị Xứng | 22/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 1,124.0 | 973/2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-----------------------------|------------------------------------|---|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 860 | 52 | 93 | 1101/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Đình Minh Trí | C/Cur Hiyori, tổ 22, phường An Hải Đ, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng | Phường An Hải, Thành phố Đà Nẵng | 270 | 1,044.0 | 973/2025 |
| 861 | 52 | 94 | 1102/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Đình Nhã | 197A/5, Khu phố 2, phường Tân Mai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 270 | 2,814.4 | 973/2025 |
| 862 | 52 | 96 | 1103/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Minh Tùng và Đoàn Thanh Mỹ | A1/141, phường Tân Vạn, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai | 270 | 1,003.3 | 973/2025 |
| 863 | 52 | 110 | 1104/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Anh Tuấn và Bùi Thị Thu | 313A/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 8.0 | 973/2025 |
| 864 | 52 | 113 | 1105/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Thế và Nguyễn Thị Tuyết | 19/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 159.1 | 973/2025 |
| 865 | 52 | 114 | 1106/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Ngà | 327/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 430.0 | 973/2025 |
| 866 | 52 | 126 | 1107/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hồ Thị Tuyết | 28/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 755.0 | 973/2025 |
| 867 | 52 | 127 | 1108/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hồ Thị Tuyết | 28/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 77.0 | 973/2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-----------------------------|----------------------------------|---|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 868 | 52 | 136 | 1109/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hồ Thị Tuyết | 28/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 39.4 | 973/2025 |
| 869 | 52 | 137 | 1110/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hồ Thị Tuyết | 28/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 1,035.4 | 973/2025 |
| 870 | 52 | 138 | 1111/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trịnh Văn Yên và Nguyễn Thị Sạch | 20/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 177.4 | 973/2025 |
| 871 | 52 | 149 | 1112/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đỗ Hữu Tài | 74/7 Đường 30/4, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 717.9 | 973/2025 |
| 872 | 52 | 150 | 1113/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đỗ Hữu Tài | 74/7 Đường 30/4, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 317.0 | 973/2025 |
| 873 | 52 | 153 | 1114/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đỗ Hữu Tài | 74/7 Đường 30/4, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 195.3 | 973/2025 |
| 874 | 52 | 155 | 1115/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đỗ Hữu Tài | 74/7 Đường 30/4, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 164.9 | 973/2025 |
| 875 | 52 | 164 | 1116/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hồ Thị Gấm | 8, Khu phố 3, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 1,758.0 | 973/2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-----------------------------|---|--|--------------------------------------|-----|-------|----------|
| 876 | 52 | 168 | 1117/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trung tâm phát triển quỹ đất Chi nhánh Biên Hòa | 104 Hưng Đạo Vương, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | xã Bàu Hàm, thành phố Đồng Nai | 270 | 21.1 | 973/2025 |
| 877 | 52 | 172 | 1118/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trịnh Minh Quan | 20/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 667.4 | 973/2025 |
| 878 | 52 | 173 | 1119/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Hùng | 19/3 khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 51.5 | 973/2025 |
| 879 | 52 | 174 | 1120/TB-UBND ngày 15/4/2026 | chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 90.0 | 973/2025 |
| 880 | 52 | 175 | 1121/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Hiền | 19E/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 86.7 | 973/2025 |
| 881 | 52 | 176 | 1122/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Sơn Nhân | Khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 108.8 | 973/2025 |
| 882 | 52 | 177 | 1123/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Anh Đào | 19E/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 75.7 | 973/2025 |
| 883 | 52 | 178 | 1124/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Sơn C | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 90.0 | 973/2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-----------------------------|---------------------------------------|---|--------------------------------------|-----|-------|----------|
| 884 | 52 | 179 | 1125/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Thu Hương | 197B/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 129.1 | 973/2025 |
| 885 | 52 | 180 | 1126/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Tuyết Nhung | 49/11 K1, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 76.0 | 973/2025 |
| 886 | 52 | 181 | 1127/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Thế và Nguyễn Thị Tuyết | 19/3 khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 452.9 | 973/2025 |
| 887 | 52 | 183 | 1128/TB-UBND ngày 15/4/2026 | chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 816.5 | 973/2025 |
| 888 | 52 | 187 | 1129/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Dương Minh Quang và Nguyễn Thùy Quyên | 7/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 929.0 | 973/2025 |
| 889 | 52 | 188 | 1130/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Dương Thị Kim Liên | 7A/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 590.9 | 973/2025 |
| 890 | 52 | 192 | 1131/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Dương Minh Hoàng | 8/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 27.7 | 973/2025 |
| 891 | 52 | 193 | 1132/TB-UBND ngày 15/4/2026 | chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 143.2 | 973/2025 |
| 892 | 52 | 197 | 1133/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Thanh và Võ Thị Tứ | 26/3A, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 675.1 | 973/2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-----------------------------|--|--|--------------------------------------|-----|-------|----------|
| 893 | 52 | 198 | 1134/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Thu Thủy | 26B/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 39.6 | 973/2025 |
| 894 | 52 | 199 | 1135/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Vòng Nhứt Sáng và Nguyễn Thị Thu Hương | 26Đ/3, Tổ 1, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 1.8 | 973/2025 |
| 895 | 52 | 200 | 1136/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Tùng | 18/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 367.1 | 973/2025 |
| 896 | 52 | 201 | 1137/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Mai Thanh Dũng | 18B/3, Tổ 1, phường Tam Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 270 | 80.0 | 973/2025 |
| 897 | 52 | 202 | 1138/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Mai Thanh Hoàng | 18/3, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 80.0 | 973/2025 |
| 898 | 52 | 203 | 1139/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Mai Thanh Vân | 18A/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 80.0 | 973/2025 |
| 899 | 52 | 227 | 1140/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Thị Trúc Phương | 313A/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 85.0 | 973/2025 |
| 900 | 52 | 228 | 1141/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Bé | E379, Khu phố 5, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Long Bình, thành phố Đồng Nai | 270 | 246.8 | 973/2025 |
| 901 | 52 | 244 | 1142/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Minh Tùng và Đoàn Thanh Mỹ | A1/141, phường Tân Vạn, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai | 270 | 164.0 | 973/2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-----------------------------|----------------------------------|--|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 902 | 52 | 245 | 1143/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hồ Thị Bạch My | 21A/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 221.5 | 973/2025 |
| 903 | 52 | 246 | 1144/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phan Văn Rong và Đặng Diễm Trang | P17, cư xá 25, Khu phố 3, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 505.0 | 973/2025 |
| 904 | 52 | 247 | 1145/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn C Hồ | 508/A2, Nhị Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 945.0 | 973/2025 |
| 905 | 52 | 248 | 1146/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trịnh Quang Đức và Đoàn Ngọc Yến | K2/14A, khu phố Tân Mỹ, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai | 270 | 224.3 | 973/2025 |
| 906 | 52 | 252 | 1147/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Trung Trực | K3/13C, ấp Tân Bình, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai | 270 | 65.0 | 973/2025 |
| 907 | 52 | 253 | 1148/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phan Đoàn Hải | 101/22B Đặng Văn Tron, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 65.0 | 973/2025 |
| 908 | 52 | 254 | 1149/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Ngô Thị Bảy | 3/3A, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 670.1 | 973/2025 |
| 909 | 52 | 268 | 1150/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thành Đạt | 27/10, Tổ 8, Khu phố 6, phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 270 | 1,236.5 | 973/2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-----------------------------|--|--|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 910 | 52 | 269 | 1151/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Võ Thị Tư | 107/31 Hà Huy Giáp, Khu Phố 4, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 1,266.2 | 973/2025 |
| 911 | 52 | 270 | 1152/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Ngọc Vân và Nguyễn Thị Nhơn Khanh | 107/31, Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 1,308.3 | 973/2025 |
| 912 | 52 | 271 | 1153/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Thị Thu Thủy | 189, Khu phố 3, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 164.4 | 973/2025 |
| 913 | 52 | 272 | 1154/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Trang Phương Anh | 189, Khu phố 3, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 132.2 | 973/2025 |
| 914 | 52 | 273 | 1155/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hà Hoa Huệ | 3A1, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 135.3 | 973/2025 |
| 915 | 52 | 274 | 1156/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Thị Lan Anh | 12/4D, Tổ 10, Khu phố 1, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 270 | 136.5 | 973/2025 |
| 916 | 52 | 275 | 1157/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đỗ Thái Sơn | 12/4D, Tổ 10, Khu phố 1 phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 270 | 136.9 | 973/2025 |
| 917 | 52 | 276 | 1158/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Mạch Thanh Duy | 14/11A, Khu phố 3, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 270 | 136.1 | 973/2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-----------------------------|------------------------------------|--|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 918 | 52 | 277 | 1159/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Ngô Văn Thượng | Khu phố 6, phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 270 | 125.9 | 973/2025 |
| 919 | 52 | 286 | 1160/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Châu Đình Phi | 2/14, Khu phố 8, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 731.9 | 973/2025 |
| 920 | 52 | 287 | 1161/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Châu Đình Phi | 2/14, Khu phố 8, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 583.9 | 973/2025 |
| 921 | 52 | 288 | 1162/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Châu Đình Phi | 2/14, Khu phố 8, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 546.0 | 973/2025 |
| 922 | 52 | 289 | 1163/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Châu Đình Phi | 2/14, Khu phố 8, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 511.2 | 973/2025 |
| 923 | 52 | 290 | 1164/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Châu Đình Phi | 2/14, Khu phố 8, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 2,045.1 | 973/2025 |
| 924 | 52 | 291 | 1165/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Châu Đình Phi | 2/14, Khu phố 8, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 548.9 | 973/2025 |
| 925 | 52 | 55 | 1166/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trịnh Đình Chương và Phạm Kim Nhân | 2/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 3,602.0 | 973/2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-----------------------------|--------------------------------------|--|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 926 | 53 | 101 | 1167/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trịnh Đình Chương và Phạm Kim Nhân | 2/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 2,461.0 | 973/2025 |
| 927 | 53 | 141 | 1168/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Văn Bình | 137/3 Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 601.0 | 973/2025 |
| 928 | 53 | 142 | 1169/TB-UBND ngày 15/4/2026 | chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 507.0 | 973/2025 |
| 929 | 53 | 144 | 1170/TB-UBND ngày 15/4/2026 | chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 152.0 | 973/2025 |
| 930 | 53 | 172 | 1171/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Thị Xích Quang | 43/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 5,278.2 | 973/2025 |
| 931 | 53 | 175 | 1172/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Minh Triết | 41 Lô B khu QHNO, ngã ba Thành, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 981.0 | 973/2025 |
| 932 | 53 | 215 | 1173/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Phúc Thịnh | 15/1B, Khu phố 3, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 2,308.1 | 973/2025 |
| 933 | 53 | 217 | 1174/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Tuyết | 48A/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 3,910.0 | 973/2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-----------------------------|---|--|--|-----|---------|----------|
| 934 | 53 | 218 | 1175/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Võ Minh Triết và Nguyễn Hoàng Tố Linh | C2-0812, V.C.P 720A Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh | Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh | 271 | 614.0 | 973/2025 |
| 935 | 53 | 219 | 1176/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hoàng Thị Tuyết Nga | Khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 918.0 | 973/2025 |
| 936 | 53 | 220 | 1177/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hồng Thái và Nguyễn Thị Thu Hương | 11, Khu phố 2, phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tân Triều, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,231.0 | 973/2025 |
| 937 | 53 | 221 | 1178/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hồng Thái và Nguyễn Thị Thu Hương | 11, Khu phố 2, phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tân Triều, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,096.0 | 973/2025 |
| 938 | 53 | 270 | 1179/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hồng Thái và Nguyễn Thị Thu Hương | 11, Khu phố 2, phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tân Triều, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,815.9 | 973/2025 |
| 939 | 53 | 271 | 1180/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hồng Thái và Nguyễn Thị Thu Hương | 11, Khu phố 2, phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tân Triều, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,891.0 | 973/2025 |
| 940 | 53 | 272 | 1181/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hồng Thái và Nguyễn Thị Thu Hương | 11, Khu phố 2, phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tân Triều, thành phố Đồng Nai | 271 | 836.0 | 973/2025 |
| 941 | 53 | 273 | 1182/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Trọng Nhân và Huỳnh Thị Thanh Thảo | A2/232, phường Tân Vạn, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai | 271 | 802.0 | 973/2025 |
| 942 | 53 | 274 | 1183/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Trọng Nhân và Huỳnh Thị Thanh Thảo | A2/232, phường Tân Vạn, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai | 271 | 595.0 | 973/2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-----------------------------|---|---|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 943 | 53 | 275 | 1184/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hoàng Thị Tuyết Nga | Khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 147.0 | 973/2025 |
| 944 | 53 | 276 | 1185/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Thị Thu Thảo | 132 Phan Đình Phùng, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 567.0 | 973/2025 |
| 945 | 53 | 277 | 1186/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Trọng Nhân và Huỳnh Thị Thanh Thảo | A2/232, phường Tân Vạn, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai | 271 | 906.0 | 973/2025 |
| 946 | 53 | 278 | 1187/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Trọng Nhân và Huỳnh Thị Thanh Thảo | , A2/232phường Tân Vạn, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai | 271 | 2,917.0 | 973/2025 |
| 947 | 53 | 279 | 1188/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hồng Thái và Nguyễn Thị Thu Hương | 11, Khu phố 2, phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tân Triều, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,642.0 | 973/2025 |
| 948 | 53 | 328 | 1189/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Ngọc Thành | 23/1A, Khu phố 3, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 357.9 | 973/2025 |
| 949 | 53 | 329 | 1190/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Ngọc Thành | 23/1A, Khu phố 3, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,158.0 | 973/2025 |
| 950 | 53 | 330 | 1191/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Ngọc Thành | 23/1A, Khu phố 3, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 910.0 | 973/2025 |
| 951 | 53 | 331 | 1192/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Ngọc Thành | 23/1A, Khu phố 3, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 956.0 | 973/2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|-----|-----------------------------|-----------------------------------|---|---|-----|---------|----------|
| 952 | 53 | 334 | 1193/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Ngọc Thành | 23/1A, Khu phố 3, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 204.0 | 973/2025 |
| 953 | 53 | 568 | 1194/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đỗ Hoài Thu | 18/21, Tổ 5, Khu phố 6, phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 271 | 3,082.0 | 973/2025 |
| 954 | 53 | 569 | 1195/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Hoàng Xích Liên và Trần Thị Út | 1/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 738.0 | 973/2025 |
| 955 | 53 | 656 | 1196/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trương Hữu Thành | 14/23 Đường 68, Tổ 16, Khu phố 2, phường Hiệp Phú, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh | Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh | 271 | 1,260.0 | 973/2025 |
| 956 | 53 | 659 | 1197/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Châu Hoàng Diệu Trang | 40B1, Khu phố 11, phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tân Triều, thành phố Đồng Nai | 271 | 804.5 | 973/2025 |
| 957 | 53 | 660 | 1198/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Văn Minh | B143, Tổ 16, Khu phố 5, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,047.5 | 973/2025 |
| 958 | 53 | 665 | 1199/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Võ Đình Thủy và Lê Xuân Duyên | 18/A2, khu phố Nhị Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 3,311.0 | 973/2025 |
| 959 | 68 | 8 | 1200/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đỗ Hữu Tài | 74/7 Đường 30/4, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 286 | 864.3 | 973/2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|----|-----------------------------|----------------------------------|--|--------------------------------------|-----|-------|----------|
| 960 | 68 | 9 | 1201/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đỗ Hữu Tài | 74/7 Đường 30/4, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 286 | 534.6 | 973/2025 |
| 961 | 68 | 10 | 1202/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đỗ Hữu Tài | 74/7 Đường 30/4, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 286 | 455.1 | 973/2025 |
| 962 | 68 | 17 | 1203/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Tứ | 337/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 286 | 298.3 | 973/2025 |
| 963 | 68 | 18 | 1204/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Tứ | 337/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 286 | 132.2 | 973/2025 |
| 964 | 68 | 19 | 1205/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Tứ và Nguyễn Thị Nhàn | 337/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 286 | 729.0 | 973/2025 |
| 965 | 68 | 20 | 1206/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Văn Chia và Hồ Thị Gấm | 08, Khu phố 3, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 286 | 327.9 | 973/2025 |
| 966 | 68 | 26 | 1207/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Văn Chia và Hồ Thị Gấm | 08, Khu phố 3, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 286 | 31.7 | 973/2025 |
| 967 | 68 | 34 | 1208/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đồng Văn Huệ | 309/18, Kinh Dương Vương, Khu phố 6, phường An Lạc, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh | Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh | 286 | 382.6 | 973/2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|----|-----------------------------|--------------------------------|--|---------------------------------------|-----|---------|----------|
| 968 | 68 | 35 | 1209/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Thị Thái Minh | 549/21, Nguyễn Đình Chiểu, phường 02, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh | Phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh | 286 | 186.7 | 973/2025 |
| 969 | 68 | 36 | 1210/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Thị Bảy | 03, Tổ 06 đường Bác Ái, Khu phố 4, phường Bình Thọ, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh | Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh | 286 | 920.1 | 973/2025 |
| 970 | 68 | 37 | 1211/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Tấn Thanh | 57A/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 286 | 767.0 | 973/2025 |
| 971 | 68 | 38 | 1212/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Thị Thảo | 108/2 CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 286 | 55.3 | 973/2025 |
| 972 | 68 | 39 | 1213/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Hoà và Mai Thị Ngọc | 91 K1, phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tân Triều, thành phố Đồng Nai | 286 | 2.2 | 973/2025 |
| 973 | 68 | 40 | 1214/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Hoà và Mai Thị Ngọc | 91 K1, phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tân Triều, thành phố Đồng Nai | 286 | 178.4 | 973/2025 |
| 974 | 68 | 41 | 1215/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Hoà và Mai Thị Ngọc | 91 K1, phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tân Triều, thành phố Đồng Nai | 286 | 910.4 | 973/2025 |
| 975 | 68 | 42 | 1216/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Hoà và Mai Thị Ngọc | 91 K1, phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tân Triều, thành phố Đồng Nai | 286 | 258.0 | 973/2025 |
| 976 | 68 | 43 | 1217/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Thuyét | 113/4, Khu phố 6, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 286 | 1,084.0 | 973/2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|----|-----------------------------|--------------------------------------|--|---------------------------------------|-----|---------|-----------------|
| 977 | 68 | 44 | 1218/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Tấn Thọ và Nguyễn Thị Lộc | 57/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 286 | 1,183.7 | 973/2025 |
| 978 | 68 | 45 | 1219/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Thị Thái Minh | 549/21, Nguyễn Đình Chiểu, phường 02, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh | Phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh | 286 | 940.7 | 973/2025 |
| 979 | 68 | 46 | 1220/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Thị Bảy | 03, Tổ 06 đường Bác Ái, Khu phố 4, phường Bình Thọ, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh | Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh | 286 | 1,221.0 | 973/2025 |
| 980 | 68 | 47 | 1221/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Văn Tân và Nguyễn Thị Ánh | 1891E, Ấp 5, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai | phường Tân Triều, thành phố Đồng Nai | 286 | 123.9 | 973/2025 |
| 981 | 68 | 50 | 1222/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Văn Tân và Nguyễn Thị Ánh | 1891E, Ấp 5, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai | phường Tân Triều, thành phố Đồng Nai | 286 | 268.0 | 973/2025 |
| 982 | 68 | 76 | 1223/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đông Thị Tô Ngọc | 42/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 286 | 465.5 | 973/2025 |
| 983 | 68 | 81 | 1224/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Văn Chia và Hồ Thị Gấm | 08, Khu phố 3, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 286 | 153.2 | 973/2025 |
| 984 | 68 | 87 | 1225/TB-UBND ngày 15/4/2026 | chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 286 | 2,966.7 | 973/2025 |
| 985 | 35 | 63 | 1226/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thanh Tùng | H1/4, Tổ 11, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 253 | 17.7 | Bản vẽ 974/2025 |

| | | | | | | | | | |
|-----|----|----|-----------------------------|--------------------------------------|---|--------------------------------------|-----|-------|-----------------|
| 986 | 35 | 64 | 1227/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Văn Bảy và Trần Thị Bông | 225/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 253 | 76.0 | Bản vẽ 974/2025 |
| 987 | 35 | 65 | 1228/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Minh Cường và Đỗ Thị Huệ | 225/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 253 | 56.0 | Bản vẽ 974/2025 |
| 988 | 35 | 74 | 1229/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Thị Ngời | 238/A3, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 253 | 336.5 | Bản vẽ 974/2025 |
| 989 | 35 | 75 | 1230/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Ngô Thị Ngọc Dung | 237/A3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 253 | 521.9 | Bản vẽ 974/2025 |
| 990 | 35 | 77 | 1231/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Ngọc Thuý Hoa | 98/10/12C, Khu phố 1, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 253 | 248.1 | Bản vẽ 974/2025 |
| 991 | 35 | 78 | 1232/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Tạ Văn Kinh và Nguyễn Thị Kim Phượng | 260A/2, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 253 | 262.9 | Bản vẽ 974/2025 |
| 992 | 35 | 79 | 1233/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Quang Trung | 228/A3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 253 | 183.1 | Bản vẽ 974/2025 |
| 993 | 35 | 80 | 1234/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đặng Thị Thuý Hồng | Khu phố Bảo Vinh B, phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai | phường Bảo Vinh, thành phố Đồng Nai | 253 | 376.4 | Bản vẽ 974/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|----|-----------------------------|--------------------------------------|---|--------------------------------------|-----|---------|-----------------|
| 994 | 35 | 81 | 1235/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Ngọc Năng | 220/A3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 253 | 1,058.7 | Bản vẽ 974/2025 |
| 995 | 35 | 82 | 1236/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đặng Thị Thúy Hồng | Khu phố Bảo Vinh B, phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai | phường Bảo Vinh, thành phố Đồng Nai | 253 | 254.1 | Bản vẽ 974/2025 |
| 996 | 35 | 83 | 1237/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hồ Văn Liêm và Nguyễn Thị Lang | 245/3, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 253 | 227.7 | Bản vẽ 974/2025 |
| 997 | 35 | 84 | 1238/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 253 | 428.9 | Bản vẽ 974/2025 |
| 998 | 35 | 85 | 1239/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Tấn Phước và Trần Thị Nga | 239A/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 253 | 433.3 | Bản vẽ 974/2025 |
| 999 | 35 | 86 | 1240/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Tấn Phước và Trần Thị Nga | 239A/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 253 | 444.3 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1000 | 35 | 87 | 1241/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Minh An | 239A/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 253 | 281.5 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1001 | 35 | 88 | 1242/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 253 | 204.4 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1002 | 35 | 89 | 1243/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Ngọc Danh và Đoàn Thị Lệ Thủy | 231/3, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 253 | 197.4 | Bản vẽ 974/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|----|-----------------------------|------------------------------|---|--------------------------------------|-----|---------|-----------------|
| 1003 | 35 | 90 | 1244/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Tấn Lộc và Lê Thị Nhị | 115/1 Phan Chu Trinh, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 253 | 76.9 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1004 | 35 | 91 | 1245/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Tấn Lộc và Lê Thị Nhị | 115/1 Phan Chu Trinh, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 253 | 41.6 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1005 | 35 | 92 | 1246/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đặng Thị Thúy Hồng | Khu phố Bảo Vinh B, phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai | phường Bảo Vinh, thành phố Đồng Nai | 253 | 227.2 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1006 | 35 | 93 | 1247/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đặng Thị Thúy Hồng | Khu phố Bảo Vinh B, phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai | phường Bảo Vinh, thành phố Đồng Nai | 253 | 911.7 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1007 | 35 | 94 | 1248/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đặng Thị Thúy Hồng | Khu phố Bảo Vinh B, phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai | phường Bảo Vinh, thành phố Đồng Nai | 253 | 845.2 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1008 | 35 | 95 | 1249/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Ngọc Năng | 220/A3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 253 | 1,460.6 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1009 | 35 | 96 | 1250/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đặng Thị Thúy Hồng | Khu phố Bảo Vinh B, phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai | phường Bảo Vinh, thành phố Đồng Nai | 253 | 655.3 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1010 | 35 | 97 | 1251/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đặng Thị Thúy Hồng | Khu phố Bảo Vinh B, phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai | phường Bảo Vinh, thành phố Đồng Nai | 253 | 709.9 | Bản vẽ 974/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|-----------------------------|---------------------------------|---|--------------------------------------|-----|---------|-----------------|
| 1011 | 35 | 98 | 1252/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đặng Thị Thúy Hồng | Khu phố Bảo Vinh B, phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai | phường Bảo Vinh, thành phố Đồng Nai | 253 | 424.5 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1012 | 35 | 99 | 1253/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Tấn Phước và Trần Thị Nga | 239A/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 253 | 121.1 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1013 | 35 | 100 | 1254/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đặng Thị Thúy Hồng | Khu phố Bảo Vinh B, phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai | phường Bảo Vinh, thành phố Đồng Nai | 253 | 405.7 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1014 | 35 | 101 | 1255/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đặng Thị Thúy Hồng | Khu phố Bảo Vinh B, phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai | phường Bảo Vinh, thành phố Đồng Nai | 253 | 347.6 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1015 | 35 | 102 | 1256/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đặng Thị Thúy Hồng | Khu phố Bảo Vinh B, phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai | phường Bảo Vinh, thành phố Đồng Nai | 253 | 488.3 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1016 | 35 | 103 | 1257/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đặng Thị Thúy Hồng | Khu phố Bảo Vinh B, phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai | phường Bảo Vinh, thành phố Đồng Nai | 253 | 152.1 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1017 | 35 | 104 | 1258/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đặng Thị Thúy Hồng | Khu phố Bảo Vinh B, phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai | phường Bảo Vinh, thành phố Đồng Nai | 253 | 1,384.9 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1018 | 35 | 106 | 1259/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thị Lựu | 6G, Khu phố 1, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 253 | 1,924.5 | Bản vẽ 974/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|-----------------------------|--------------------------------------|---|--------------------------------------|-----|---------|-----------------|
| 1019 | 35 | 107 | 1260/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đặng Thị Thúy Hồng | Khu phố Bảo Vinh B, phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai | phường Bảo Vinh, thành phố Đồng Nai | 253 | 1,545.3 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1020 | 35 | 110 | 1261/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Tạ Văn Kinh và Nguyễn Thị Kim Phượng | 260A/2, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 253 | 103.5 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1021 | 35 | 145 | 1262/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Vưu Ngọc Dung | Khu phố 6, phường An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai | xã An Phước, thành phố Đồng Nai | 253 | 121.2 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1022 | 35 | 146 | 1263/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hữu Đức | Khu phố 6, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 253 | 118.0 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1023 | 35 | 153 | 1264/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Bé | 239/A3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 253 | 589.4 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1024 | 35 | 154 | 1265/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Tấn Phước và Trần Thị Nga | 239A/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 253 | 99.5 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1025 | 35 | 173 | 1266/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 253 | 179.4 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1026 | 36 | 48 | 1267/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Thị Thu Vân | 223/3, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 254 | 30.8 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1027 | 36 | 49 | 1268/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Võ Văn Hào và Huỳnh Thị Thu Hà | 224/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 254 | 5.4 | Bản vẽ 974/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|----|-----------------------------|----------------------------------|--|---|-----|-------|-----------------|
| 1028 | 36 | 50 | 1269/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Thị Mộng Thu | 327/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 254 | 20.1 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1029 | 36 | 51 | 1270/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Sang | 221/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 254 | 3.8 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1030 | 36 | 52 | 1271/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hồ Đức Thi và Hồ Thi Phương Thuý | 163A/5, khu phố 9, phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. | phường Long Bình, thành phố Đồng Nai | 254 | 24.6 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1031 | 36 | 58 | 1272/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trương Vĩnh Lộc | 15/9 Phạm Văn Hai, phường 01, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh | phường Tân Sơn Hòa, thành phố Hồ Chí Minh | 254 | 154.1 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1032 | 36 | 59 | 1273/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Tấn Lộc và Nguyễn Thu Tâm | 214/3, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 254 | 102.7 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1033 | 36 | 60 | 1274/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Sự | 214/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 254 | 839.0 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1034 | 36 | 61 | 1275/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Tường Hải | 192/16/16/24 Đỗ Văn Thi, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 254 | 93.9 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1035 | 36 | 62 | 1276/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Tường Giang | 192/16/16/24 Đỗ Văn Thi, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 254 | 29.3 | Bản vẽ 974/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|----|-----------------------------|-----------------------------------|---|--------------------------------------|-----|-------|-----------------|
| 1036 | 36 | 63 | 1277/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hữu Phương | 211/3, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 254 | 62.4 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1037 | 36 | 64 | 1278/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hồ Đức Thi và Hồ Thi Phương Thuý | 123/111, khu phố 10, phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. | phường Long Bình, thành phố Đồng Nai | 254 | 136.5 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1038 | 36 | 66 | 1279/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Ngọc Năng | 220/A3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 254 | 75.5 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1039 | 36 | 67 | 1280/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Ngọc Năng | 220/A3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 254 | 236.8 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1040 | 36 | 68 | 1281/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Ngọc Năng | 220/A3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 254 | 493.8 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1041 | 36 | 69 | 1282/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Ngọc Năng | 220/A3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 254 | 602.4 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1042 | 36 | 70 | 1283/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Ngọc Năng | 220/A3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 254 | 211.9 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1043 | 36 | 71 | 1284/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Lào và Nguyễn Thị Giới | 212/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 254 | 215.1 | Bản vẽ 974/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|----|-----------------------------|-----------------------------------|--|--------------------------------------|-----|-------|-----------------|
| 1044 | 36 | 73 | 1285/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Lào và Nguyễn Thị Giới | 212/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 254 | 46.2 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1045 | 36 | 74 | 1286/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Lào và Nguyễn Thị Giới | 212/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 254 | 771.0 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1046 | 36 | 75 | 1287/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lưu Kim Nhiều và Lưu Thị Kim Lang | 216/3 Bình Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 254 | 895.5 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1047 | 36 | 76 | 1288/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Tấn Lộc và Nguyễn Thu Tâm | 214/3, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 254 | 612.8 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1048 | 36 | 77 | 1289/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Mỹ Dung | 297/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 254 | 86.4 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1049 | 36 | 78 | 1290/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Lan Khanh | 77/26/15 Đặng Văn Tron, khhu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 254 | 230.3 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1050 | 36 | 79 | 1291/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Võ Toàn Trọng và Nguyễn Thị Kim | 212/3, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 254 | 197.6 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1051 | 36 | 80 | 1292/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Lào và Nguyễn Thị Giới | 212/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 254 | 180.1 | Bản vẽ 974/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|----|-----------------------------|-----------------------------------|---|--------------------------------------|-----|---------|-----------------|
| 1052 | 36 | 81 | 1293/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Lào và Nguyễn Thị Giới | 212/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 254 | 232.1 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1053 | 36 | 82 | 1294/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Lào và Nguyễn Thị Giới | 212/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 254 | 113.3 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1054 | 36 | 83 | 1295/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Ngọc Năng | 220/A3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 254 | 792.6 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1055 | 36 | 84 | 1296/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Văn Bánh và Trịnh Thị Này | 222/3 khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 254 | 251.4 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1056 | 36 | 85 | 1297/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Lào và Nguyễn Thị Giới | 212/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 254 | 1,527.9 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1057 | 36 | 86 | 1298/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Mỹ Dung | 297/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 254 | 46.9 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1058 | 36 | 87 | 1299/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thị Lựu | 6G, Khu phố 1, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 254 | 423.3 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1059 | 36 | 88 | 1300/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thị Lựu | 6G, Khu phố 1, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 254 | 1,733.4 | Bản vẽ 974/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|-----------------------------|-----------------------------------|---|--------------------------------------|-----|-------|-----------------|
| 1060 | 36 | 89 | 1301/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Lào và Nguyễn Thị Giới | 212/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 254 | 466.9 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1061 | 36 | 90 | 1302/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Văn Bánh và Trịnh Thị Này | 222/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 254 | 197.5 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1062 | 36 | 92 | 1303/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Văn Bánh và Trịnh Thị Này | 222/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 254 | 308.4 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1063 | 36 | 93 | 1304/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thanh Tùng | Căn số H1/4, Tổ 11, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 254 | 160.3 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1064 | 36 | 94 | 1305/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thanh Tùng | Căn số H1/4, Tổ 11, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 254 | 92.9 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1065 | 36 | 95 | 1306/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thị Lựu | 6G, Khu phố 1, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 254 | 474.5 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1066 | 36 | 114 | 1307/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Lợi | 491/31A, Khu phố 1, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 254 | 134.7 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1067 | 36 | 117 | 1308/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Tình và Nguyễn Thị Sen | 221B/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 254 | 343.5 | Bản vẽ 974/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|-----------------------------|---|---|---|-----|---------|-----------------|
| 1068 | 36 | 118 | 1309/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Tới và Lê Thị Thúy | 221/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 254 | 52.6 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1069 | 36 | 119 | 1310/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Giàu | 221/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 254 | 42.2 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1070 | 36 | 123 | 1311/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 254 | 0.6 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1071 | 36 | 124 | 1312/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 254 | 7.3 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1072 | 36 | 126 | 1313/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Minh Phước và Huỳnh Ngọc Châu | 218/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 254 | 70.5 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1073 | 36 | 132 | 1314/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Võ Huỳnh Trung Hưng và Đỗ Thị Hạnh Dung | 26C/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 254 | 560.0 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1074 | 36 | 133 | 1315/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Võ Huỳnh Trung Hưng và Đỗ Thị Hạnh Dung | 26C/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 254 | 1,280.0 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1075 | 37 | 151 | 1316/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Tấn Hòa và Nguyễn Thị Thanh Hải | 418, Bà Hạt, phường 08, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh | phường Diên Hồng, thành phố Hồ Chí Minh | 255 | 2,739.8 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1076 | 37 | 207 | 1317/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 255 | 212.1 | Bản vẽ 974/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|-----------------------------|--------------------------------------|---|--------------------------------------|-----|-------|-----------------|
| 1077 | 37 | 208 | 1318/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 255 | 3.1 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1078 | 47 | 14 | 1319/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thanh Minh | 171/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 265 | 233.9 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1079 | 47 | 27 | 1320/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Lê Độ và Huỳnh Thị Hoa | 156/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 265 | 3.6 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1080 | 47 | 28 | 1321/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thanh Minh | 171/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 265 | 146.5 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1081 | 47 | 169 | 1322/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Võ Thành Khiết | 99/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 265 | 939.6 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1082 | 47 | 170 | 1323/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Lê Khang | 317, Chung cư A1 Nguyễn Ái Quốc, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 265 | 182.2 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1083 | 47 | 171 | 1324/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Võ Thành Khiết | 99/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 265 | 1.0 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1084 | 47 | 177 | 1325/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Đức Vinh và Ngô Thị Trâm | KDC số 8, Tú Sơn II, phường Đức Tân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi | xã Tân Phong, tỉnh Quảng Ngãi | 265 | 11.3 | Bản vẽ 974/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|-----------------------------|-----------------------------------|--|--------------------------------------|-----|---------|-----------------|
| 1085 | 47 | 178 | 1326/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Võ Ngọc Kim Khánh | 99/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 265 | 1,697.2 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1086 | 48 | 1 | 1327/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trương Vinh Hiệp | 314/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 266 | 2,491.4 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1087 | 48 | 2 | 1328/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thị Lựu | 6G, Khu phố 1, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 266 | 338.2 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1088 | 48 | 3 | 1329/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thị Lựu | 6G, Khu phố 1, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 266 | 161.2 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1089 | 48 | 4 | 1330/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thị Lựu | 6G, Khu phố 1, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 266 | 135.3 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1090 | 48 | 5 | 1331/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thanh Tùng | C3/1, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 266 | 127.2 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1091 | 48 | 6 | 1332/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thanh Tùng | C3/1, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 266 | 223.3 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1092 | 48 | 7 | 1333/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thanh Tùng | C3/1, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 266 | 61.8 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1093 | 48 | 8 | 1334/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Lào và Nguyễn Thị Giới | 212/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 266 | 1,814.2 | Bản vẽ 974/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|----|-----------------------------|-------------------|--|--------------------------------------|-----|---------|-----------------|
| 1094 | 48 | 9 | 1335/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Quốc Trung | 133/22/22, Long Thạnh A, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang | phường Tân Châu, tỉnh An Giang | 266 | 756.8 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1095 | 48 | 10 | 1336/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thị Lựu | 6G, Khu phố 1, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 266 | 522.0 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1096 | 48 | 11 | 1337/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thị Lựu | 6G, Khu phố 1, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 266 | 1,773.4 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1097 | 48 | 12 | 1338/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thanh Minh | 171/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 266 | 331.7 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1098 | 48 | 13 | 1339/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thanh Minh | 171/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 266 | 201.1 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1099 | 48 | 14 | 1340/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thanh Minh | 171/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 266 | 219.6 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1100 | 48 | 15 | 1341/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thanh Tùng | C3/1, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 266 | 487.7 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1101 | 48 | 16 | 1342/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thị Lựu | 6G, Khu phố 1, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 266 | 2,737.4 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1102 | 48 | 17 | 1343/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thanh Minh | 171/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 266 | 3,461.4 | Bản vẽ 974/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|----|-----------------------------|-------------------|--|--------------------------------------|-----|---------|-----------------|
| 1103 | 48 | 18 | 1344/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thị Lựu | 6G, Khu phố 1, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 266 | 697.2 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1104 | 48 | 19 | 1345/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thanh Tùng | C3/1, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 266 | 1,873.1 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1105 | 48 | 20 | 1346/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thanh Tùng | C3/1, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 266 | 538.6 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1106 | 48 | 21 | 1347/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thanh Minh | 171/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 266 | 1,819.8 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1107 | 48 | 22 | 1348/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thanh Minh | 171/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 266 | 523.3 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1108 | 48 | 23 | 1349/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thị Lựu | 6G, Khu phố 1, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 266 | 212.3 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1109 | 48 | 24 | 1350/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thanh Tùng | C3/1, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 266 | 772.2 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1110 | 48 | 25 | 1351/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thanh Tùng | C3/1, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 266 | 677.5 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1111 | 48 | 26 | 1352/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thị Lựu | 6G, Khu phố 1, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 266 | 1,045.7 | Bản vẽ 974/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|----|-----------------------------|-------------------|--|--------------------------------------|-----|---------|-----------------|
| 1112 | 48 | 27 | 1353/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thanh Minh | 171/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 266 | 2,951.7 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1113 | 48 | 28 | 1354/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thanh Minh | 171/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 266 | 430.5 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1114 | 48 | 29 | 1355/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thị Lựu | 6G, Khu phố 1, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 266 | 3,077.2 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1115 | 48 | 30 | 1356/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thị Lựu | 6G, Khu phố 1, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 266 | 747.8 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1116 | 48 | 31 | 1357/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thị Lựu | 6G, Khu phố 1, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 266 | 767.1 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1117 | 48 | 32 | 1358/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thanh Minh | 171/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 266 | 192.2 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1118 | 48 | 33 | 1359/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thanh Minh | 171/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 266 | 185.1 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1119 | 48 | 34 | 1360/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thị Lựu | 6G, Khu phố 1, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 266 | 933.1 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1120 | 48 | 35 | 1361/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thị Lựu | 6G, Khu phố 1, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 266 | 3,019.3 | Bản vẽ 974/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|----|-----------------------------|--------------------------------------|---|--------------------------------------|-----|---------|-----------------|
| 1121 | 48 | 36 | 1362/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thị Lựu | 6G, Khu phố 1, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 266 | 117.0 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1122 | 48 | 37 | 1363/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thị Lựu | 6G, Khu phố 1, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 266 | 2,850.9 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1123 | 48 | 38 | 1364/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 266 | 342.1 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1124 | 48 | 39 | 1365/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thị Lựu | 6G, Khu phố 1, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 266 | 323.8 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1125 | 48 | 40 | 1366/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thị Lựu | 6G, Khu phố 1, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 266 | 1,287.9 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1126 | 48 | 41 | 1367/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thanh Tùng | C3/1, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 266 | 78.9 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1127 | 49 | 60 | 1368/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Tấn Phước và Trần Thị Nga | 239A/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 4,637.6 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1128 | 49 | 61 | 1369/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đặng Thị Thúy Hồng | Khu phố Bảo Vinh B, phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai | phường Bảo Vinh, thành phố Đồng Nai | 267 | 2,097.4 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1129 | 49 | 62 | 1370/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đặng Thị Thúy Hồng | Khu phố Bảo Vinh B, phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai | phường Bảo Vinh, thành phố Đồng Nai | 267 | 251.2 | Bản vẽ 974/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|----|-----------------------------|---|---|--------------------------------------|-----|---------|-----------------|
| 1130 | 49 | 68 | 1371/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thanh Tùng | H1/4, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 188.1 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1131 | 49 | 69 | 1372/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thanh Tùng | H1/4, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 520.8 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1132 | 49 | 70 | 1373/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thanh Tùng | H1/4, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 165.0 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1133 | 49 | 71 | 1374/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đặng Thị Thúy Hồng | Khu phố Bảo Vinh B, phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai | phường Bảo Vinh, thành phố Đồng Nai | 267 | 404.1 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1134 | 49 | 72 | 1375/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Nhung | Khu phố Suối Tre, phường Suối Tre, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai | phường Bình Lộc, thành phố Đồng Nai | 267 | 181.2 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1135 | 49 | 73 | 1376/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thị Lựu | 6G, Khu phố 1, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 267 | 2,093.2 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1136 | 49 | 74 | 1377/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Võ Huỳnh Trung Hưng và Đỗ Thị Hạnh Dung | 26C/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 610.0 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1137 | 49 | 75 | 1378/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thanh Tùng | C3/1, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 489.9 | Bản vẽ 974/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|----|-----------------------------|---------------------------------------|--|--------------------------------------|-----|---------|-----------------|
| 1138 | 49 | 76 | 1379/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đặng Thị Thúy Hồng | Khu phố Bảo Vinh B, phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai | phường Bảo Vinh, thành phố Đồng Nai | 267 | 392.0 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1139 | 49 | 77 | 1380/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đặng Thị Thúy Hồng | Khu phố Bảo Vinh B, phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai | phường Bảo Vinh, thành phố Đồng Nai | 267 | 1,909.3 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1140 | 49 | 78 | 1381/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đặng Thị Thúy Hồng | Khu phố Bảo Vinh B, phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai | phường Bảo Vinh, thành phố Đồng Nai | 267 | 290.8 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1141 | 49 | 79 | 1382/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đặng Huy Thành | Khu phố Suối Tre, phường Suối Tre, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai | phường Bình Lộc, thành phố Đồng Nai | 267 | 1,074.1 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1142 | 49 | 80 | 1383/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đặng Thị Thúy Hồng | Khu phố Bảo Vinh B, phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai | phường Bảo Vinh, thành phố Đồng Nai | 267 | 437.1 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1143 | 49 | 81 | 1384/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thanh Tùng | H1/4, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 114.0 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1144 | 49 | 82 | 1385/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thanh Tùng | H1/4, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 808.4 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1145 | 49 | 86 | 1386/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Minh Đức và Nguyễn Thị Bích Anh | 239A/3, Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 386.7 | Bản vẽ 974/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|----|-----------------------------|---------------------------------------|---|--------------------------------------|-----|---------|-----------------|
| 1146 | 49 | 87 | 1387/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Minh Đức và Nguyễn Thị Bích Anh | 239A/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 98.9 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1147 | 49 | 88 | 1388/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thanh Tùng | H1/4, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 139.6 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1148 | 49 | 89 | 1389/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đặng Thị Thúy Hồng | Khu phố Bảo Vinh B, phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai | phường Bảo Vinh, thành phố Đồng Nai | 267 | 224.9 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1149 | 49 | 90 | 1390/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đặng Huy Thành | Khu phố Suối Tre, phường Suối Tre, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai | phường Bình Lộc, thành phố Đồng Nai | 267 | 998.4 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1150 | 49 | 91 | 1391/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thanh Tùng | C3/1, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 1,159.6 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1151 | 49 | 92 | 1392/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thanh Tùng | C3/1, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 171.5 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1152 | 49 | 93 | 1393/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thanh Tùng | C3/1, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 1,793.0 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1153 | 49 | 94 | 1394/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thanh Tùng | H1/4, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 1,305.2 | Bản vẽ 974/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|------------------------------------|------------------|---|--|-----|---------|-----------------|
| 1154 | 49 | 95 | 1395/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thị Lựu | 6G, Tổ 6, Khu phố 1, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 267 | 730.5 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1155 | 49 | 97 | 1396/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thanh Tùng | C3/1, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 179.7 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1156 | 49 | 98 | 1397/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Nhung | Khu phố Suối Tre, phường Suối Tre, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai | phường Bình Lộc, thành phố Đồng Nai | 267 | 543.2 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1157 | 49 | 99 | 1398/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thanh Tùng | H1/4, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 1,297.5 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1158 | 49 | 100 | 1399/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Ngọc Đầy | 183/3, Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 2,587.4 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1159 | 49 | 101 | 1400/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Đinh Thị Liên | 308, Khu phố 2, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 150.1 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1160 | 49 | 102 | 1401/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Tấn Phước | 239A/3, khu phố Hiệp Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 46.3 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1161 | 49 | 105 | 1402/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Minh An | Thôn 4, Phúc Đồng, xã Phong Nha, tỉnh Quảng Trị | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 296.6 | Bản vẽ 974/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|-----------------------------|------------------|--|--------------------------------------|-----|---------|-----------------|
| 1162 | 49 | 106 | 1403/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Tấn Phước | 239A/3, khu phố Hiệp Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 116.1 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1163 | 49 | 107 | 1404/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thanh Tùng | H1/4, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 282.4 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1164 | 49 | 108 | 1405/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thanh Tùng | H1/4, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 117.7 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1165 | 49 | 109 | 1406/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Nhung | Khu phố Suối Tre, phường Suối Tre, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai | phường Bình Lộc, thành phố Đồng Nai | 267 | 666.6 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1166 | 49 | 110 | 1407/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thanh Tùng | C3/1, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 1,088.6 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1167 | 49 | 111 | 1408/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thanh Tùng | C3/1, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 371.0 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1168 | 49 | 112 | 1409/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thanh Tùng | C3/1, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 1,188.9 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1169 | 49 | 113 | 1410/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đặng Ngọc Hoài | Khu phố Cây Thông Ngoài, phường Cửa Dương, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang | đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang | 267 | 1,917.0 | Bản vẽ 974/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|-----------------------------|--------------------------------------|--|--------------------------------------|-----|---------|-----------------|
| 1170 | 49 | 114 | 1411/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thị Lựu | 6G, Tổ 6, Khu phố 1, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 267 | 2,070.8 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1171 | 49 | 115 | 1412/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Thùy Trang | C3/1, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 715.6 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1172 | 49 | 116 | 1413/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thanh Tùng | C3/1, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 519.6 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1173 | 49 | 117 | 1414/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thanh Tùng | C3/1, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 1,708.4 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1174 | 49 | 118 | 1415/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Quách Trường Nguyên | 83/3, Khu phố 3, phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Hồ Nai, thành phố Đồng Nai | 267 | 548.1 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1175 | 49 | 119 | 1416/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Quách Trường Nguyên | 83/3, Khu phố 3, phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Hồ Nai, thành phố Đồng Nai | 267 | 522.9 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1176 | 49 | 120 | 1417/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Thùy Trang | C3/1, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 2,676.3 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1177 | 49 | 129 | 1418/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 257.6 | Bản vẽ 974/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|-----------------------------|--------------------------------------|--|--------------------------------------|-----|---------|-----------------|
| 1178 | 49 | 130 | 1419/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 223.9 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1179 | 49 | 131 | 1420/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Quách Trường Nguyên | 83/3, Khu phố 3, phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Hồ Nai, thành phố Đồng Nai | 267 | 3,841.3 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1180 | 49 | 132 | 1421/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Quách Trường Nguyên | 83/3, Khu phố 3, phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Hồ Nai, thành phố Đồng Nai | 267 | 2,740.3 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1181 | 49 | 133 | 1422/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thị Lựu | 6G, Tổ 6, Khu phố 1, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 267 | 1,651.2 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1182 | 49 | 134 | 1423/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thanh Tùng | H1/4, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 215.2 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1183 | 49 | 135 | 1424/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thị Lựu | 6G, Tổ 6, Khu phố 1, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 267 | 1,020.2 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1184 | 49 | 136 | 1425/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thị Lựu | 6G, Tổ 6, Khu phố 1, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 267 | 2,156.8 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1185 | 49 | 137 | 1426/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thanh Tùng | H1/4, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 2,612.9 | Bản vẽ 974/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|-----------------------------|---------------------|--|--------------------------------------|-----|---------|-----------------|
| 1186 | 49 | 138 | 1427/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Quách Trường Nguyên | 83/3, Khu phố 3, phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Hồ Nai, thành phố Đồng Nai | 267 | 1,077.1 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1187 | 49 | 139 | 1428/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Quách Trường Nguyên | 83/3, Khu phố 3, phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Hồ Nai, thành phố Đồng Nai | 267 | 709.3 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1188 | 49 | 148 | 1429/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đình Thị Liên | 308, Khu phố 2, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 528.5 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1189 | 49 | 149 | 1430/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thị Lựu | 6G, Tổ 6, Khu phố 1, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 267 | 1,498.5 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1190 | 49 | 150 | 1431/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thanh Tùng | H1/4, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 1,354.9 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1191 | 49 | 151 | 1432/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thanh Tùng | H1/4, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 236.9 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1192 | 49 | 152 | 1433/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Thị Nhân | 62B/B1, Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 346.6 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1193 | 49 | 153 | 1434/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thanh Tùng | H1/4, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 1,357.2 | Bản vẽ 974/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|------------------------------------|-----------------|---|--|-----|---------|-----------------|
| 1194 | 49 | 154 | 1435/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thị Lựu | 6G, Tổ 6, Khu phố 1, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 267 | 396.8 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1195 | 49 | 155 | 1436/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thị Lựu | 6G, Tổ 6, Khu phố 1, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 267 | 441.5 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1196 | 49 | 156 | 1437/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thanh Tùng | H1/4, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 2,866.8 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1197 | 49 | 157 | 1438/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Võ Thị Mỹ Duyên | 277/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 1,019.0 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1198 | 49 | 158 | 1439/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Võ Thị Mỹ Duyên | 277/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 2,211.2 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1199 | 49 | 159 | 1440/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Đinh Thị Liên | 308, Khu phố 2, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 484.1 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1200 | 49 | 160 | 1441/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Đinh Thị Liên | 308, Khu phố 2, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 719.7 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1201 | 49 | 165 | 1442/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Đinh Thị Liên | 308, Khu phố 2, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 154.6 | Bản vẽ 974/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|-----------------------------|--------------------------------------|--|--------------------------------------|-----|---------|-----------------|
| 1202 | 49 | 166 | 1443/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đinh Thị Liên | 308, Khu phố 2, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 821.5 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1203 | 49 | 167 | 1444/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 969.4 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1204 | 49 | 168 | 1445/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Quách Trường Nguyên | 83/3, Khu phố 3, phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Hồ Nai, thành phố Đồng Nai | 267 | 487.9 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1205 | 49 | 169 | 1446/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thị Lựu | 6G, Tổ 6, Khu phố 1, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 267 | 102.6 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1206 | 49 | 170 | 1447/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thị Lựu | 6G, Tổ 6, Khu phố 1, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 267 | 171.4 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1207 | 49 | 171 | 1448/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thanh Tùng | H1/4, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 140.8 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1208 | 49 | 172 | 1449/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Thị Nhân | 62B/B1, Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 2,109.3 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1209 | 49 | 173 | 1450/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thanh Tùng | C3/1, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 1,781.1 | Bản vẽ 974/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|-----------------------------|---------------------|--|--------------------------------------|-----|---------|-----------------|
| 1210 | 49 | 174 | 1451/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thanh Tùng | C3/1, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 160.7 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1211 | 49 | 175 | 1452/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thanh Tùng | H1/4, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 223.0 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1212 | 49 | 176 | 1453/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thanh Tùng | C3/1, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 123.2 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1213 | 49 | 177 | 1454/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thanh Tùng | C3/1, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 1,468.2 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1214 | 49 | 178 | 1455/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Quách Trường Nguyên | 83/3, Khu phố 3, phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Hồ Nai, thành phố Đồng Nai | 267 | 970.5 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1215 | 49 | 179 | 1456/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Võ Thị Mỹ Duyên | 277/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 861.9 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1216 | 49 | 180 | 1457/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Võ Thị Mỹ Duyên | 277/3 khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 743.7 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1217 | 49 | 181 | 1458/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Võ Thị Mỹ Duyên | 277/3 khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 534.1 | Bản vẽ 974/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|-----------------------------|-------------------------------|--|--------------------------------------|-----|---------|-----------------|
| 1218 | 49 | 182 | 1459/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đinh Thị Liên | 308, Khu phố 2, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 1,797.0 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1219 | 49 | 185 | 1460/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Võ Thị Mỹ Duyên | 277/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 737.7 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1220 | 49 | 186 | 1461/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Võ Thị Mỹ Duyên | 277/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 440.9 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1221 | 49 | 187 | 1462/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Võ Thị Mỹ Duyên | 277/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 478.3 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1222 | 49 | 188 | 1463/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Kim Ngân và Phạm Thị Đây | 194/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 670.6 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1223 | 49 | 189 | 1464/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Võ Thị Mỹ Duyên | 277/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 3,045.0 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1224 | 54 | 1 | 1465/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thanh Tùng | C3/1, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 272 | 166.1 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1225 | 54 | 2 | 1466/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thị Yến Ngân | H1/4, Tổ 11, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 272 | 474.0 | Bản vẽ 974/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|----|-----------------------------|--------------------------------|---|--------------------------------------|-----|---------|-----------------|
| 1226 | 54 | 3 | 1467/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Quách Trường Nguyên | 83/3, Khu phố 3, phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Hồ Nai, thành phố Đồng Nai | 272 | 117.9 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1227 | 54 | 4 | 1468/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Quách Trường Nguyên | 83/3, Khu phố 3, phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Hồ Nai, thành phố Đồng Nai | 272 | 876.5 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1228 | 54 | 5 | 1469/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Quách Trường Nguyên | 83/3, Khu phố 3, phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Hồ Nai, thành phố Đồng Nai | 272 | 2,667.1 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1229 | 54 | 6 | 1470/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Quách Trường Nguyên | 83/3, Khu phố 3, phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Hồ Nai, thành phố Đồng Nai | 272 | 1,974.4 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1230 | 54 | 7 | 1471/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Quách Trường Nguyên | 83/3, Khu phố 3, phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Hồ Nai, thành phố Đồng Nai | 272 | 3,674.9 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1231 | 54 | 8 | 1472/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Văn Tron và Võ Thị Mỹ Duyên | 277/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 272 | 2,712.3 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1232 | 54 | 9 | 1473/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Vũ Văn Chử và Tô Thị Cẩm Bình | 328/7, Khu phố 1, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 272 | 608.4 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1233 | 54 | 10 | 1474/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thúy Điệp | 35/47 Hà Huy Giáp, Khu phố 2, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 272 | 231.3 | Bản vẽ 974/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|----|-----------------------------|---------------------------------|---|--------------------------------------|-----|---------|-----------------|
| 1234 | 54 | 11 | 1475/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Vũ Văn Chử | 328/7, Khu phố 1, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trăn Biên, thành phố Đồng Nai | 272 | 813.5 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1235 | 54 | 12 | 1476/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Gấu | 192/16/20/6 Đỗ Văn Thi, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trăn Biên, thành phố Đồng Nai | 272 | 382.7 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1236 | 54 | 13 | 1477/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Gấu | 192/16/20/6 Đỗ Văn Thi, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trăn Biên, thành phố Đồng Nai | 272 | 91.3 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1237 | 54 | 15 | 1478/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Vũ Văn Chử và Tô Thị Cẩm Bình | 328/7, Khu phố 1, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trăn Biên, thành phố Đồng Nai | 272 | 320.3 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1238 | 54 | 16 | 1479/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Châu và Võ Thị Chiếu | 221/3, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trăn Biên, thành phố Đồng Nai | 272 | 738.6 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1239 | 54 | 17 | 1480/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Văn Tron và Võ Thị Mỹ Duyên | 277/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. | phường Trăn Biên, thành phố Đồng Nai | 272 | 2,076.1 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1240 | 54 | 18 | 1481/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Quách Trường Nguyên | 83/3, Khu phố 3, phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Hồ Nai, thành phố Đồng Nai | 272 | 245.0 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1241 | 54 | 19 | 1482/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Quách Trường Nguyên | 83/3, Khu phố 3, phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Hồ Nai, thành phố Đồng Nai | 272 | 338.3 | Bản vẽ 974/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|----|-----------------------------|---------------------------------|--|--------------------------------------|-----|---------|-----------------|
| 1242 | 54 | 20 | 1483/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Quách Trường Nguyên | 83/3, Khu phố 3, phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Hồ Nai, thành phố Đồng Nai | 272 | 365.8 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1243 | 54 | 21 | 1484/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Quách Trường Nguyên | 83/3, Khu phố 3, phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Hồ Nai, thành phố Đồng Nai | 272 | 204.8 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1244 | 54 | 22 | 1485/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Quách Trường Nguyên | 83/3, Khu phố 3, phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Hồ Nai, thành phố Đồng Nai | 272 | 105.0 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1245 | 54 | 23 | 1486/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Quách Trường Nguyên | 83/3, Khu phố 3, phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Hồ Nai, thành phố Đồng Nai | 272 | 187.9 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1246 | 54 | 24 | 1487/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Quách Trường Nguyên | 83/3, Khu phố 3, phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Hồ Nai, thành phố Đồng Nai | 272 | 1,137.9 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1247 | 54 | 25 | 1488/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Châu và Võ Thị Chiếu | 221/3, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 272 | 396.7 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1248 | 54 | 26 | 1489/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Vũ Văn Chử và Tô Thị Cẩm Bình | 328/7, Khu phố 1, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 272 | 401.7 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1249 | 54 | 27 | 1490/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Vũ Văn Chử và Tô Thị Cẩm Bình | 328/7, Khu phố 1, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 272 | 141.3 | Bản vẽ 974/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|----|-----------------------------|------------------------------------|---|--------------------------------------|-----|---------|-----------------|
| 1250 | 54 | 28 | 1491/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thúy Diệp | 35/47 Hà Huy Giáp, Khu phố 2, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 272 | 304.5 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1251 | 54 | 29 | 1492/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Vũ Văn Chử và Tô Thị Cẩm Bình | 328/7, Khu phố 1, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 272 | 699.4 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1252 | 54 | 30 | 1493/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Châu và Võ Thị Chiệu | 221/3, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 272 | 467.0 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1253 | 54 | 31 | 1494/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Châu và Võ Thị Chiệu | 221/3, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 272 | 1,036.8 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1254 | 54 | 32 | 1495/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Văn Sang và Nguyễn Thị Nhung | 179/3, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 272 | 462.8 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1255 | 54 | 33 | 1496/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Văn Sang và Nguyễn Thị Nhung | 179/3, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 272 | 445.6 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1256 | 54 | 34 | 1497/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hữu Nguyên | 500/A2, Tổ 13, khu phố Nhị Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 272 | 623.2 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1257 | 54 | 35 | 1498/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Quách Trường Nguyên | 83/3, Khu phố 3, phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Hồ Nai, thành phố Đồng Nai | 272 | 2,393.8 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1258 | 54 | 36 | 1499/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Quách Trường Nguyên | 83/3, Khu phố 3, phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Hồ Nai, thành phố Đồng Nai | 272 | 166.0 | Bản vẽ 974/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|----|------------------------------------|------------------------------------|---|--------------------------------------|-----|-------|-----------------|
| 1259 | 54 | 37 | 1500/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Quách Trường Nguyên | 83/3, Khu phố 3, phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Hồ Nai, thành phố Đồng Nai | 272 | 261.9 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1260 | 54 | 38 | 1501/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Quách Trường Nguyên | 83/3, Khu phố 3, phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Hồ Nai, thành phố Đồng Nai | 272 | 344.3 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1261 | 54 | 39 | 1502/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hữu Nguyên | 500/A2, Tổ 13, khu phố Nhị Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 272 | 911.0 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1262 | 54 | 40 | 1503/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Văn Sang và Nguyễn Thị Nhung | 179/3, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 272 | 926.3 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1263 | 54 | 41 | 1504/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Văn Sang và Nguyễn Thị Nhung | 179/3, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 272 | 986.5 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1264 | 54 | 42 | 1505/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thúy Diệp | 35/47 Hà Huy Giáp, Khu phố 2, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 272 | 426.6 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1265 | 54 | 43 | 1506/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Văn Sang và Nguyễn Thị Nhung | 179/3, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 272 | 703.2 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1266 | 54 | 44 | 1507/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Văn Sang và Nguyễn Thị Nhung | 179/3, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 272 | 479.8 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1267 | 54 | 45 | 1508/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Văn Sang và Nguyễn Thị Nhung | 179/3, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 272 | 346.7 | Bản vẽ 974/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|----|-----------------------------|------------------------------------|--|--------------------------------------|-----|-------|-----------------|
| 1268 | 54 | 46 | 1509/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Quách Trường Nguyên | 83/3, Khu phố 3, phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Hồ Nai, thành phố Đồng Nai | 272 | 489.8 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1269 | 54 | 47 | 1510/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Quách Trường Nguyên | 83/3, Khu phố 3, phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Hồ Nai, thành phố Đồng Nai | 272 | 114.0 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1270 | 54 | 48 | 1511/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Quách Trường Nguyên | 83/3, Khu phố 3, phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Hồ Nai, thành phố Đồng Nai | 272 | 232.1 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1271 | 54 | 49 | 1512/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Vũ Văn Chử và Tô Thị Cẩm Bình | 328/7, Khu phố 1, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 272 | 367.0 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1272 | 54 | 50 | 1513/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Văn Sang và Nguyễn Thị Nhung | 179/3, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 272 | 518.4 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1273 | 55 | 3 | 1514/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Thùy Trang | C3/1, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 273 | 528.0 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1274 | 55 | 4 | 1515/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Thùy Trang | C3/1, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 273 | 519.6 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1275 | 55 | 6 | 1516/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thị Lựu | 6G khu phố 1, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 273 | 203.6 | Bản vẽ 974/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|----|-----------------------------|-----------------------|--|--------------------------------------|-----|---------|-----------------|
| 1276 | 55 | 8 | 1517/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Thùy Trang | C3/1, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trán Biên, thành phố Đồng Nai | 273 | 2,394.8 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1277 | 55 | 9 | 1518/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Thùy Trang | C3/1, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trán Biên, thành phố Đồng Nai | 273 | 732.7 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1278 | 55 | 10 | 1519/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Văn Triệu | 620/23 Đồng Khởi, Khu phố 1, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 273 | 1,512.1 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1279 | 55 | 11 | 1520/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Thùy Trang | C3/1, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trán Biên, thành phố Đồng Nai | 273 | 1,039.0 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1280 | 55 | 12 | 1521/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Thùy Trang | C3/1, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trán Biên, thành phố Đồng Nai | 273 | 2,205.3 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1281 | 55 | 17 | 1522/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Thùy Trang | C3/1, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trán Biên, thành phố Đồng Nai | 273 | 138.0 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1282 | 55 | 18 | 1523/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Thùy Trang | C3/1, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trán Biên, thành phố Đồng Nai | 273 | 156.1 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1283 | 55 | 19 | 1524/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Thùy Trang | C3/1, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trán Biên, thành phố Đồng Nai | 273 | 216.6 | Bản vẽ 974/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|-----------------------------|--------------------------------------|--|--------------------------------------|-----|---------|-----------------|
| 1284 | 55 | 20 | 1525/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Thùy Trang | C3/1, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trán Biên, thành phố Đồng Nai | 273 | 2,021.6 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1285 | 55 | 21 | 1526/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thị Lựu | 6G, Khu phố 1, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 273 | 232.8 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1286 | 55 | 29 | 1527/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Thùy Trang | C3/1, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trán Biên, thành phố Đồng Nai | 273 | 19.8 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1287 | 55 | 195 | 1528/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thị Lựu | 6G khu phố 1, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 273 | 4,496.9 | Bản vẽ 974/2025 |
| 1288 | 50 | 1 | 1529/TB-UBND ngày 15/4/2026 | chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trán Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 7.7 | 975-2025 |
| 1289 | 34 | 1 | 1530/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Năm và Nguyễn Thị Năng | 44/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trán Biên, thành phố Đồng Nai | 252 | 68.2 | 975-2025 |
| 1290 | 33 | 1 | 1531/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đặng Văn Hạnh và Trần Thị Thu Lệ | A9, khu phố 1, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trán Biên, thành phố Đồng Nai | 251 | 324.4 | 975-2025 |
| 1291 | 34 | 2 | 1532/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hải Đăng | 295/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trán Biên, thành phố Đồng Nai | 252 | 200.3 | 975-2025 |
| 1292 | 33 | 2 | 1533/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hải Đăng | 295/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trán Biên, thành phố Đồng Nai | 251 | 739.0 | 975-2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|---|-----------------------------|--------------------------------------|--|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 1293 | 35 | 4 | 1534/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hoàng Chương | 220A/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 253 | 1,217.9 | 975-2025 |
| 1294 | 34 | 4 | 1535/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phan Huy Cường | 192/1/28, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 252 | 548.5 | 975-2025 |
| 1295 | 49 | 4 | 1536/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Bích Chương | 220A/3, Tổ 13, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 494.8 | 975-2025 |
| 1296 | 49 | 5 | 1537/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Bích Chương | 220A/3, Tổ 13, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 166.8 | 975-2025 |
| 1297 | 34 | 5 | 1538/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phan Thị Ngọc Dung | 7 đường N11, Khu phố 7, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 252 | 657.1 | 975-2025 |
| 1298 | 35 | 6 | 1539/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Hòa và Nguyễn Thị Đức | 251/3, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 253 | 16.5 | 975-2025 |
| 1299 | 34 | 6 | 1540/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Duy Giáp và Nguyễn Thị Dục | Thôn 11, xã Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai | xã Long Thành, thành phố Đồng Nai | 252 | 32.8 | 975-2025 |
| 1300 | 49 | 6 | 1541/TB-UBND ngày 15/4/2026 | chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 311.5 | 975-2025 |
| 1301 | 33 | 6 | 1542/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hải Đăng | 295/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 251 | 166.0 | 975-2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|----|-----------------------------|-------------------------------------|---|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 1302 | 33 | 7 | 1543/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hải Đăng | 295/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 251 | 38.5 | 975-2025 |
| 1303 | 49 | 7 | 1544/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phùng Văn Chặt và Hồng Huệ | 53/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 1,882.5 | 975-2025 |
| 1304 | 34 | 7 | 1545/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Duy Giáp và Nguyễn Thị Dục | Thôn 11, xã Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai | xã Long Thành, thành phố Đồng Nai | 252 | 424.4 | 975-2025 |
| 1305 | 49 | 8 | 1546/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phùng Văn Chặt và Hồng Huệ | 53/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 283.9 | 975-2025 |
| 1306 | 49 | 9 | 1547/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đoàn Chí Dũng | 322/117, Khu phố 1, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 301.1 | 975-2025 |
| 1307 | 50 | 9 | 1548/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hùynh Sơn và Trương Thị Minh Nguyệt | 134A/1 khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 158.7 | 975-2025 |
| 1308 | 34 | 9 | 1549/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hải Đăng | 295/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 252 | 291.1 | 975-2025 |
| 1309 | 49 | 10 | 1550/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đoàn Chí Dũng | 322/117 Khu phố 1, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 517.8 | 975-2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|----|-----------------------------|--------------------|--|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 1310 | 34 | 10 | 1551/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hải Đăng | 295/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 252 | 1,649.9 | 975-2025 |
| 1311 | 49 | 11 | 1552/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đoàn Chí Dũng | 322/117, Khu phố 1, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 536.1 | 975-2025 |
| 1312 | 34 | 11 | 1553/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hải Đăng | 295/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 252 | 2,225.2 | 975-2025 |
| 1313 | 50 | 11 | 1554/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Bùi Phước Cường | 6, Lô S4, KDC An Hòa 2, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 2,600.7 | 975-2025 |
| 1314 | 49 | 12 | 1555/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Bích Chương | 220A/3, Tổ 13, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 710.5 | 975-2025 |
| 1315 | 34 | 12 | 1556/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hải Đăng | 295/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 252 | 800.9 | 975-2025 |
| 1316 | 50 | 12 | 1557/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Bùi Phước Cường | 96/3B, Khu phố 2, phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 268 | 3,261.3 | 975-2025 |
| 1317 | 49 | 13 | 1558/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Bích Chương | 220A/3, Tổ 13, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 1,469.2 | 975-2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|----|------------------------------------|--|--|--|-----|---------|----------|
| 1318 | 34 | 13 | 1559/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hải Đăng | 295/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 252 | 875.3 | 975-2025 |
| 1319 | 50 | 13 | 1560/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Quý | Hung Long, xã Hưng Thịnh, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai | xã Hưng Thịnh, thành phố Đồng Nai | 268 | 2,485.7 | 975-2025 |
| 1320 | 50 | 14 | 1561/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Phan Hùng Thứ và Ngô Thị Gái | 329/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 2,278.4 | 975-2025 |
| 1321 | 34 | 14 | 1562/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Năm và Nguyễn Thị Năng | 44/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 252 | 115.8 | 975-2025 |
| 1322 | 49 | 14 | 1563/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hoàng Chương | 220A/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 1,282.0 | 975-2025 |
| 1323 | 34 | 15 | 1564/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hải Đăng | 295/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 252 | 415.7 | 975-2025 |
| 1324 | 49 | 15 | 1565/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Hoàng Phúc Thiện Mỹ và Mai Ngọc Hồng Thanh | Áp Cầu Ván, xã Phú Túc, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai | xã Thống Nhất, thành phố Đồng Nai | 267 | 769.4 | 975-2025 |
| 1325 | 50 | 15 | 1566/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Quý | Hung Long, xã Hưng Thịnh, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai | xã Hưng Thịnh, thành phố Đồng Nai | 268 | 466.4 | 975-2025 |
| 1326 | 50 | 16 | 1567/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Quý | Hung Long, xã Hưng Thịnh, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai | xã Hưng Thịnh, thành phố Đồng Nai | 268 | 2,895.3 | 975-2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|----|-----------------------------|--------------------|---|---|-----|---------|----------|
| 1327 | 49 | 16 | 1568/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đỗ Thị Minh Nguyệt | 461/A2, khu phố Nhị Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 177.7 | 975-2025 |
| 1328 | 50 | 17 | 1569/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Quý | Hung Long, xã Hưng Thịnh, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai | xã Hưng Thịnh, thành phố Đồng Nai | 268 | 1,860.2 | 975-2025 |
| 1329 | 49 | 17 | 1570/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đoàn Chí Dũng | 322/117, Khu phố 1, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 365.3 | 975-2025 |
| 1330 | 34 | 18 | 1571/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hữu Đức | 99/17/1, Tổ 61, Đường số 10, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh | phường Hiệp Bình, thành phố Hồ Chí Minh | 252 | 186.0 | 975-2025 |
| 1331 | 49 | 18 | 1572/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đoàn Chí Dũng | 322/117, Khu phố 1, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 442.2 | 975-2025 |
| 1332 | 50 | 18 | 1573/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Bùi Phước Cường | 96/3B, Khu phố 2, phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 268 | 1,733.2 | 975-2025 |
| 1333 | 34 | 19 | 1574/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hữu Đức | 99/17/1, Tổ 61, Đường số 10, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh | phường Hiệp Bình, thành phố Hồ Chí Minh | 252 | 106.9 | 975-2025 |
| 1334 | 50 | 19 | 1575/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Lợi | 189/88, Khu phố 2, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 1,400.9 | 975-2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|----|-----------------------------|---------------------------------|--|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 1335 | 49 | 19 | 1576/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đoàn Chí Dũng | 322/117, Khu phố 1, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 1,508.6 | 975-2025 |
| 1336 | 34 | 20 | 1577/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Duy Giáp và Nguyễn Thị Dục | Thôn 11, xã Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai | xã Long Thành, thành phố Đồng Nai | 252 | 481.8 | 975-2025 |
| 1337 | 49 | 20 | 1578/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Quý | Hung Long, xã Hưng Thịnh, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai | xã Hưng Thịnh, thành phố Đồng Nai | 267 | 931.1 | 975-2025 |
| 1338 | 49 | 21 | 1579/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Quý | Hung Long, xã Hưng Thịnh, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai | xã Hưng Thịnh, thành phố Đồng Nai | 267 | 305.8 | 975-2025 |
| 1339 | 34 | 21 | 1580/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Duy Giáp và Nguyễn Thị Dục | Thôn 11, xã Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai | xã Long Thành, thành phố Đồng Nai | 252 | 846.6 | 975-2025 |
| 1340 | 49 | 22 | 1581/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đoàn Chí Dũng | 322/117, Khu phố 1, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 521.8 | 975-2025 |
| 1341 | 34 | 22 | 1582/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hoàng Thanh Sang | 18A - A42, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 252 | 135.1 | 975-2025 |
| 1342 | 34 | 23 | 1583/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đào Mộng Thu | 144/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 252 | 2,032.2 | 975-2025 |
| 1343 | 49 | 23 | 1584/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đoàn Chí Dũng | 322/117 Khu phố 1, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 1,240.1 | 975-2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|----|-----------------------------|--|---|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 1344 | 35 | 23 | 1585/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Ngọc Hiệp và Nguyễn Thị Xuân Oanh | 42/A2, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 253 | 59.8 | 975-2025 |
| 1345 | 34 | 24 | 1586/TB-UBND ngày 15/4/2026 | chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 252 | 2,478.2 | 975-2025 |
| 1346 | 49 | 24 | 1587/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đoàn Chí Dũng | 322/117 Khu phố 1, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 240.9 | 975-2025 |
| 1347 | 35 | 24 | 1588/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thành Vân và Huỳnh Thị Ngọc Thu | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 253 | 242.8 | 975-2025 |
| 1348 | 50 | 25 | 1589/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Minh Tuyết | 28B Hoàng Minh Châu, phường Hòa Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 1,295.7 | 975-2025 |
| 1349 | 49 | 25 | 1590/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đoàn Chí Dũng | 322/117 Khu phố 1, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 411.7 | 975-2025 |
| 1350 | 34 | 25 | 1591/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Bùi Thị Mai | K2/163C Ấp Tân Bình, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai | 252 | 180.9 | 975-2025 |
| 1351 | 49 | 26 | 1592/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thành Thái và Trần Thị Hồng Thi | ấp Thái Hòa, xã Phú Túc, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai | xã Thống Nhất, thành phố Đồng Nai | 267 | 462.8 | 975-2025 |
| 1352 | 50 | 26 | 1593/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Sơn và Trương Thị Minh Nguyệt | 134A/1 khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 1,771.4 | 975-2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|----|-----------------------------|--|--|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 1353 | 34 | 26 | 1594/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trịnh Thị Rịch | 283/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 252 | 95.8 | 975-2025 |
| 1354 | 35 | 26 | 1595/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Văn Hạp | 267/3 khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 253 | 154.3 | 975-2025 |
| 1355 | 35 | 27 | 1596/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Thị Nhỏ | 250/3, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 253 | 63.0 | 975-2025 |
| 1356 | 50 | 27 | 1597/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đặng Thị Thu Trang | 894/39, Tổ 29, Khu phố 2A, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 268 | 2,974.9 | 975-2025 |
| 1357 | 49 | 27 | 1598/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hoàng Phúc Thiện Mỹ và Mai Ngọc Hồng Thanh | ấp Cầu Ván, xã Phú Túc, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai | xã Thống Nhất, thành phố Đồng Nai | 267 | 413.6 | 975-2025 |
| 1358 | 34 | 27 | 1599/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hải Đăng | 295/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 252 | 274.9 | 975-2025 |
| 1359 | 34 | 28 | 1600/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hải Đăng | 295/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 252 | 363.0 | 975-2025 |
| 1360 | 49 | 28 | 1601/TB-UBND ngày 15/4/2026 | chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 357.4 | 975-2025 |
| 1361 | 35 | 28 | 1602/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Sơn Phụng | 250/3, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 253 | 122.6 | 975-2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|----|-----------------------------|--------------------------------------|--|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 1362 | 50 | 28 | 1603/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Quý | Hưng Long, xã Hưng Thịnh, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai | xã Hưng Thịnh, thành phố Đồng Nai | 268 | 1,382.9 | 975-2025 |
| 1363 | 50 | 29 | 1604/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Bùi Phước Cường | 96/3B, Khu phố 2, phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 268 | 950.0 | 975-2025 |
| 1364 | 34 | 29 | 1605/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hải Đăng | 295/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 252 | 652.3 | 975-2025 |
| 1365 | 49 | 29 | 1606/TB-UBND ngày 15/4/2026 | chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 431.5 | 975-2025 |
| 1366 | 50 | 30 | 1607/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Sơn và Trương Thị Minh Nguyệt | 134A/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 864.8 | 975-2025 |
| 1367 | 49 | 30 | 1608/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đoàn Chí Dũng | 322/117, Khu phố 1, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 119.6 | 975-2025 |
| 1368 | 34 | 30 | 1609/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hải Đăng | 295/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 252 | 1,298.3 | 975-2025 |
| 1369 | 49 | 31 | 1610/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đoàn Chí Dũng | 322/117, Khu phố 1, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 332.6 | 975-2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|----|-----------------------------|--------------------------------------|---|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 1370 | 50 | 31 | 1611/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Sơn và Trương Thị Minh Nguyệt | 134A/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 1,442.9 | 975-2025 |
| 1371 | 50 | 32 | 1612/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Sơn | 134A/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 1,581.4 | 975-2025 |
| 1372 | 49 | 32 | 1613/TB-UBND ngày 15/4/2026 | chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 1,322.1 | 975-2025 |
| 1373 | 50 | 33 | 1614/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Minh Thúy | 28B Hoàng Minh Châu, phường Hòa Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 75.4 | 975-2025 |
| 1374 | 49 | 33 | 1615/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đoàn Chí Dũng | 322/117, Khu phố 1, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 421.7 | 975-2025 |
| 1375 | 34 | 33 | 1616/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đào Thị Thanh Xuân | 144c/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 252 | 322.5 | 975-2025 |
| 1376 | 34 | 34 | 1617/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Hữu Hùng | 46, Tổ 19, Khu phố 3, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Long Hưng, thành phố Đồng Nai | 252 | 898.6 | 975-2025 |
| 1377 | 49 | 34 | 1618/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đoàn Chí Dũng | 322/117, Khu phố 1, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 85.0 | 975-2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|----|-----------------------------|-------------------------------------|--|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 1378 | 49 | 35 | 1619/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Kim Dung | 249/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 2,884.4 | 975-2025 |
| 1379 | 34 | 35 | 1620/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Bình và Nguyễn Thị Vội | 264/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 252 | 828.5 | 975-2025 |
| 1380 | 49 | 36 | 1621/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lư Huỳnh Thanh Trúc | 248/3, khu phố Nhị Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 394.8 | 975-2025 |
| 1381 | 50 | 36 | 1622/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Sơn và Trương Thị Minh Nguyệt | 134A/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 110.7 | 975-2025 |
| 1382 | 35 | 36 | 1623/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Đức và Võ Thị Hạnh | 240/A3, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 253 | 154.9 | 975-2025 |
| 1383 | 35 | 37 | 1624/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thoả Thuận và Lê Thị Cẩm Vân | 75/1, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 253 | 309.4 | 975-2025 |
| 1384 | 50 | 37 | 1625/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Văn Minh | 36/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 3,211.7 | 975-2025 |
| 1385 | 49 | 38 | 1626/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đình Bình Hòa | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 605.5 | 975-2025 |
| 1386 | 50 | 38 | 1627/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Trí Thông và Nguyễn Quỳnh Như | 192/1/36A, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 1,149.8 | 975-2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|----|-----------------------------|------------------------------------|--|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 1387 | 49 | 39 | 1628/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đình Bình Hòa | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 54.8 | 975-2025 |
| 1388 | 50 | 39 | 1629/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đình Thị Liên | 308, Khu phố 2, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 1,990.6 | 975-2025 |
| 1389 | 49 | 40 | 1630/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đình Bình Hòa | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 113.4 | 975-2025 |
| 1390 | 49 | 41 | 1631/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Hoa | 2C/12, Tổ 17, Khu phố 7, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 396.1 | 975-2025 |
| 1391 | 49 | 42 | 1632/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Quý | Hung Long, xã Hưng Thịnh, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai | xã Hưng Thịnh, thành phố Đồng Nai | 267 | 73.2 | 975-2025 |
| 1392 | 49 | 43 | 1633/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Quý | Hung Long, xã Hưng Thịnh, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai | xã Hưng Thịnh, thành phố Đồng Nai | 267 | 167.8 | 975-2025 |
| 1393 | 50 | 44 | 1634/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đình Thị Liên | 308, Khu phố 2, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 917.7 | 975-2025 |
| 1394 | 50 | 45 | 1635/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Trí Thông và Nguyễn Quỳnh Như | 192/1/36A, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 635.2 | 975-2025 |
| 1395 | 49 | 45 | 1636/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đình Bình Hòa | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 128.8 | 975-2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|----|-----------------------------|-------------------------------------|--|--------------------------------------|-----|-------|----------|
| 1396 | 49 | 46 | 1637/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đình Bình Hòa | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 149.6 | 975-2025 |
| 1397 | 49 | 47 | 1638/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đình Bình Hòa | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 122.2 | 975-2025 |
| 1398 | 49 | 48 | 1639/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đình Bình Hòa | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 178.8 | 975-2025 |
| 1399 | 49 | 49 | 1640/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Văn Tốt | 243/3 tổ 8, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 338.2 | 975-2025 |
| 1400 | 49 | 50 | 1641/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đình Bình Hòa | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 252.8 | 975-2025 |
| 1401 | 35 | 50 | 1642/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thỏa Thuận và Lê Thị Cẩm Vân | 75/1, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 253 | 24.9 | 975-2025 |
| 1402 | 35 | 52 | 1643/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Văn Tốt | 243/3, Tổ 8, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 253 | 21.0 | 975-2025 |
| 1403 | 35 | 53 | 1644/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Ngọc Ớn | 241/A3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 253 | 269.8 | 975-2025 |
| 1404 | 35 | 54 | 1645/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hữu Hiền Nhân | 165/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 253 | 0.4 | 975-2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|----|-----------------------------|--------------------------------------|---|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 1405 | 25 | 56 | 1646/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Bùi Quốc Trung | 14/6, Khu phố 3, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trán Biên, thành phố Đồng Nai | 243 | 202.6 | 975-2025 |
| 1406 | 25 | 57 | 1647/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Minh Hùng | K78 Võ Thị Sáu, Khu phố 7, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trán Biên, thành phố Đồng Nai | 243 | 359.1 | 975-2025 |
| 1407 | 25 | 58 | 1648/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Văn Ru và Lê Thị Lua | 11P, cư xá Phúc Hải, phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tân Triều, thành phố Đồng Nai | 243 | 514.5 | 975-2025 |
| 1408 | 26 | 58 | 1649/TB-UBND ngày 15/4/2026 | chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trán Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 374.2 | 975-2025 |
| 1409 | 34 | 58 | 1650/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hữu Hạnh | 264/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trán Biên, thành phố Đồng Nai | 252 | 33.6 | 975-2025 |
| 1410 | 26 | 59 | 1651/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Ngọc Lợi | K2/44, khu phố Tân Mỹ, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai | 244 | 1,240.0 | 975-2025 |
| 1411 | 34 | 59 | 1652/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Ngọc Ân và Đào Thị Nga | 80/A2, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trán Biên, thành phố Đồng Nai | 252 | 1,194.5 | 975-2025 |
| 1412 | 26 | 60 | 1653/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Hương | 545/4, khu phố 3, phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 244 | 90.7 | 975-2025 |
| 1413 | 34 | 60 | 1654/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Lê Thủy | 264/3, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trán Biên, thành phố Đồng Nai | 252 | 172.5 | 975-2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|----|-----------------------------|----------------------------------|--|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 1414 | 26 | 61 | 1655/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đoàn Thanh Mỹ | A1/141, phường Tân Vạn, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai | 244 | 252.2 | 975-2025 |
| 1415 | 34 | 61 | 1656/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Văn Côi và Huỳnh Ngọc Yến | 264/3A, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 252 | 185.1 | 975-2025 |
| 1416 | 35 | 68 | 1657/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Võ Kim Toàn và Giồng Nhi Múi | 242/A3, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 253 | 212.6 | 975-2025 |
| 1417 | 26 | 68 | 1658/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Bất Thủy | 394/29, Khu phố 1, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 258.8 | 975-2025 |
| 1418 | 35 | 69 | 1659/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Thành Nhơn và Lê Thị Cẩm Hồng | 243/A3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 253 | 117.6 | 975-2025 |
| 1419 | 26 | 69 | 1660/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Bất Thủy | 394/29, Khu phố 1, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 1,004.3 | 975-2025 |
| 1420 | 35 | 70 | 1661/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Văn Tốt và Huỳnh Thị Ca | 243/3, Tổ 8, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 253 | 80.4 | 975-2025 |
| 1421 | 26 | 70 | 1662/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hoàng Duy | 99/5, Khu phố 7, phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 244 | 1,095.9 | 975-2025 |
| 1422 | 26 | 71 | 1663/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Triệu Trinh và Đặng Thị Pha | A3/17, Tổ 1, Khu phố 4, phường Tân Vạn, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai | 244 | 335.4 | 975-2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|----|-----------------------------|--------------------------------------|--|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 1423 | 35 | 71 | 1664/TB-UBND ngày 15/4/2026 | chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 253 | 85.0 | 975-2025 |
| 1424 | 26 | 72 | 1665/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Thanh Nguyên | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 159.3 | 975-2025 |
| 1425 | 35 | 72 | 1666/TB-UBND ngày 15/4/2026 | chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 253 | 290.8 | 975-2025 |
| 1426 | 26 | 73 | 1667/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lâm Tông Thế và Nguyễn Thị Hương | 545/4, Khu phố 3, phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 244 | 111.8 | 975-2025 |
| 1427 | 34 | 74 | 1668/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Ngọc Ân và Đào Thị Nga | 80/A2, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 252 | 306.3 | 975-2025 |
| 1428 | 26 | 74 | 1669/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Vũ Văn Chử | 328/7 QL1, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 476.0 | 975-2025 |
| 1429 | 26 | 75 | 1670/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Vũ Văn Chử | 328/7 QL1, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 1,489.2 | 975-2025 |
| 1430 | 26 | 76 | 1671/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hoàng Duy | 99/5, khu phố 7, phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 244 | 34.0 | 975-2025 |
| 1431 | 26 | 77 | 1672/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hoàng Duy | 99/5, khu phố 7, phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 244 | 35.6 | 975-2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|----|-----------------------------|-----------------------------------|--|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 1432 | 26 | 78 | 1673/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hoàng Duy | 99/5, khu phố 7, phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 244 | 509.2 | 975-2025 |
| 1433 | 26 | 79 | 1674/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Bất Thủy | 394/29, Khu phố 1, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 48.5 | 975-2025 |
| 1434 | 26 | 80 | 1675/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Bất Thủy | 394/29, Khu phố 1, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 490.0 | 975-2025 |
| 1435 | 26 | 81 | 1676/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Minh Thái và Phạm Minh Thủy | 180/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 460.1 | 975-2025 |
| 1436 | 26 | 83 | 1677/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Minh Thái và Phạm Minh Thủy | 180/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 240.8 | 975-2025 |
| 1437 | 26 | 85 | 1678/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hải Đăng | 295/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 352.1 | 975-2025 |
| 1438 | 26 | 86 | 1679/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hải Đăng | 295/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 1,073.3 | 975-2025 |
| 1439 | 26 | 87 | 1680/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hải Đăng | 295/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 785.6 | 975-2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|----|-----------------------------|--------------------------------------|--|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 1440 | 34 | 88 | 1681/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Minh Hoàng và Phan Thị Lan | 265A/3, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 252 | 380.6 | 975-2025 |
| 1441 | 26 | 88 | 1682/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hải Đăng | 295/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 80.5 | 975-2025 |
| 1442 | 34 | 89 | 1683/TB-UBND ngày 15/4/2026 | chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 252 | 603.3 | 975-2025 |
| 1443 | 26 | 89 | 1684/TB-UBND ngày 15/4/2026 | chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 302.5 | 975-2025 |
| 1444 | 26 | 90 | 1685/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Minh Thái và Phạm Minh Thủy | 180/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 259.9 | 975-2025 |
| 1445 | 26 | 91 | 1686/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Minh Thái và Phạm Minh Thủy | 180/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 188.4 | 975-2025 |
| 1446 | 26 | 92 | 1687/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hoàng Duy | 99/5, khu phố 7, phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 244 | 214.1 | 975-2025 |
| 1447 | 26 | 93 | 1688/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trương Minh Tiến | F14, Khu phố 7, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 1,810.3 | 975-2025 |
| 1448 | 26 | 94 | 1689/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trương Minh Tiến | F14, Khu phố 7, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 290.7 | 975-2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|-----------------------------|-----------------------|---|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 1449 | 26 | 96 | 1690/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Minh Hùng | K78 Võ Thị Sáu, Khu phố 7, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 14.1 | 975-2025 |
| 1450 | 26 | 97 | 1691/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Minh Hùng | K78 Võ Thị Sáu, Khu phố 7, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 641.0 | 975-2025 |
| 1451 | 26 | 98 | 1692/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trương Minh Tiến | F14, Khu phố 7, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 1,791.8 | 975-2025 |
| 1452 | 26 | 99 | 1693/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trương Minh Tiến | F14, Khu phố 7, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 333.9 | 975-2025 |
| 1453 | 26 | 100 | 1694/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trương Minh Tiến | F14, Khu phố 7, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 107.1 | 975-2025 |
| 1454 | 26 | 101 | 1695/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Minh | D628H, Tổ 16, Khu phố 4, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Long Bình, thành phố Đồng Nai | 244 | 588.9 | 975-2025 |
| 1455 | 26 | 102 | 1696/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Minh | D628H, Tổ 16, Khu phố 4, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Long Bình, thành phố Đồng Nai | 244 | 325.8 | 975-2025 |
| 1456 | 26 | 103 | 1697/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Công Trường An | 144C/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 150.0 | 975-2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|-----------------------------|------------------|--|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 1457 | 34 | 103 | 1698/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Văn Hạp | 267/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 252 | 13.0 | 975-2025 |
| 1458 | 26 | 104 | 1699/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Minh | D628H, Tổ 16, Khu phố 4, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Long Bình, thành phố Đồng Nai | 244 | 289.6 | 975-2025 |
| 1459 | 26 | 105 | 1700/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Minh | D628H, Tổ 16, Khu phố 4, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Long Bình, thành phố Đồng Nai | 244 | 169.2 | 975-2025 |
| 1460 | 26 | 106 | 1701/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Minh | D628H, Tổ 16, Khu phố 4, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Long Bình, thành phố Đồng Nai | 244 | 352.7 | 975-2025 |
| 1461 | 26 | 107 | 1702/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trương Minh Tiến | F14, Khu phố 7, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 230.5 | 975-2025 |
| 1462 | 26 | 108 | 1703/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trương Minh Tiến | F14, Khu phố 7, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 1,437.5 | 975-2025 |
| 1463 | 26 | 109 | 1704/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trương Minh Tiến | F14, Khu phố 7, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 815.5 | 975-2025 |
| 1464 | 26 | 110 | 1705/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trương Minh Tiến | F14, Khu phố 7, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 180.3 | 975-2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|-----------------------------|--|---|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 1465 | 26 | 111 | 1706/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trương Minh Tiến | F14, Khu phố 7, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trán Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 391.1 | 975-2025 |
| 1466 | 26 | 112 | 1707/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Minh Hùng | K78 Võ Thị Sáu, Khu phố 7, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trán Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 386.5 | 975-2025 |
| 1467 | 26 | 113 | 1708/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Thị Long | 45B Cư xá Đô Thành, phường 04, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh | phường Bàn Cờ, thành phố Hồ Chí Minh | 244 | 1,036.9 | 975-2025 |
| 1468 | 35 | 114 | 1709/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Đức và Võ Thị Hạnh | 240/A3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trán Biên, thành phố Đồng Nai | 253 | 157.1 | 975-2025 |
| 1469 | 26 | 114 | 1710/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trương Minh Tiến | F14, Khu phố 7, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trán Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 322.4 | 975-2025 |
| 1470 | 26 | 115 | 1711/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Thị Long | 45B Cư xá Đô Thành, phường 04, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh | phường Bàn Cờ, thành phố Hồ Chí Minh | 244 | 276.5 | 975-2025 |
| 1471 | 35 | 116 | 1712/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Quang Oanh và Nguyễn Ngọc Tuyết | K4/159B, Tân Bình, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai | 253 | 48.0 | 975-2025 |
| 1472 | 25 | 116 | 1713/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Đọt | 317/2, khu phố Nhị Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trán Biên, thành phố Đồng Nai | 243 | 73.9 | 975-2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|-----------------------------|--------------------------------------|--|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 1473 | 26 | 116 | 1714/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trương Minh Tiến | F14, Khu phố 7, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trấn Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 853.0 | 975-2025 |
| 1474 | 35 | 117 | 1715/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Nguyễn Ngọc Anh | 241/A3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trấn Biên, thành phố Đồng Nai | 253 | 42.9 | 975-2025 |
| 1475 | 34 | 117 | 1716/TB-UBND ngày 15/4/2026 | chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trấn Biên, thành phố Đồng Nai | 252 | 208.3 | 975-2025 |
| 1476 | 26 | 117 | 1717/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trương Minh Tiến | F14, Khu phố 7, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trấn Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 148.0 | 975-2025 |
| 1477 | 26 | 118 | 1718/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trương Minh Tiến | F14, Khu phố 7, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trấn Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 194.9 | 975-2025 |
| 1478 | 34 | 118 | 1719/TB-UBND ngày 15/4/2026 | chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trấn Biên, thành phố Đồng Nai | 252 | 121.0 | 975-2025 |
| 1479 | 26 | 119 | 1720/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Minh | D628H, Tổ 16, Khu phố 4, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Long Bình, thành phố Đồng Nai | 244 | 110.2 | 975-2025 |
| 1480 | 26 | 120 | 1721/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Tấn Hoàng | 43/1, Khu phố 5, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 244 | 1,178.2 | 975-2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|-----------------------------|---------------------------------|--|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 1481 | 26 | 121 | 1722/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Vũ Văn Kiệt và Vương Thị Hương | tổ 2, Khu phố 1, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 897.9 | 975-2025 |
| 1482 | 26 | 122 | 1723/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đỗ Văn Mạnh và Lương Thị Thu Hà | E18 cư xá Tinh Ủy, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 365.4 | 975-2025 |
| 1483 | 26 | 123 | 1724/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trương Minh Tiến | F14, Khu phố 7, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 71.7 | 975-2025 |
| 1484 | 34 | 124 | 1725/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Dương Tuyết Hạnh | 12A đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 252 | 235.0 | 975-2025 |
| 1485 | 26 | 124 | 1726/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Vũ Văn Chử và Tô Thị Cẩm Bình | Khu phố 1, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 499.5 | 975-2025 |
| 1486 | 26 | 125 | 1727/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Thị Long | 45B Cư xá Đô Thành, phường 04, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh | phường Bàn Cờ, thành phố Hồ Chí Minh | 244 | 605.0 | 975-2025 |
| 1487 | 26 | 126 | 1728/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Thị Long | 45B Cư xá Đô Thành, phường 04, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh | phường Bàn Cờ, thành phố Hồ Chí Minh | 244 | 1,288.2 | 975-2025 |
| 1488 | 26 | 127 | 1729/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Thị Long | 45B Cư xá Đô Thành, phường 04, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh | phường Bàn Cờ, thành phố Hồ Chí Minh | 244 | 603.3 | 975-2025 |
| 1489 | 26 | 128 | 1730/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Vũ Văn Chử và Tô Thị Cẩm Bình | Khu phố 1, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 518.3 | 975-2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|-----------------------------|----------------------------------|---|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 1490 | 26 | 129 | 1731/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Vũ Văn Chử và Tô Thị Cẩm Bình | Khu phố 1, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 1,018.1 | 975-2025 |
| 1491 | 26 | 130 | 1732/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đỗ Văn Mạnh và Lương Thị Thu Hà | E18 cư xá Tỉnh ủy, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 220.9 | 975-2025 |
| 1492 | 26 | 131 | 1733/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đỗ Văn Mạnh và Lương Thị Thu Hà | E18 cư xá Tỉnh ủy, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 47.0 | 975-2025 |
| 1493 | 26 | 132 | 1734/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Hoan | Tổ 20, Khu phố 5, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 244 | 106.1 | 975-2025 |
| 1494 | 26 | 133 | 1735/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Thông và Trần Thị Vân | 1043, Khu 5, ấp 2, xã An Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Long Hưng, thành phố Đồng Nai | 244 | 219.8 | 975-2025 |
| 1495 | 26 | 134 | 1736/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đào Thị Thanh Xuân | 144c/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 906.5 | 975-2025 |
| 1496 | 26 | 135 | 1737/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đào Thị Thanh Xuân | 144c/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 152.8 | 975-2025 |
| 1497 | 34 | 135 | 1738/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lương Thị Ánh Thu | 29/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 252 | 108.2 | 975-2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|-----------------------------|--------------------------------------|---|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 1498 | 25 | 135 | 1739/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lý Minh Anh | K99, Khu phố 7, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trấn Biên, thành phố Đồng Nai | 243 | 153.6 | 975-2025 |
| 1499 | 26 | 136 | 1740/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đào Thị Thanh Vân | 144D/3 Tổ 11, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trấn Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 232.1 | 975-2025 |
| 1500 | 25 | 136 | 1741/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Duyên Duyên | F229, Khu phố 7, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trấn Biên, thành phố Đồng Nai | 243 | 282.0 | 975-2025 |
| 1501 | 25 | 137 | 1742/TB-UBND ngày 15/4/2026 | chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trấn Biên, thành phố Đồng Nai | 243 | 3,146.8 | 975-2025 |
| 1502 | 26 | 137 | 1743/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Thanh Tú | 14/24B, Khu phố 6, phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 244 | 521.8 | 975-2025 |
| 1503 | 26 | 138 | 1744/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Vũ Văn Chử và Tô Thị Cẩm Bình | Khu phố 1, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trấn Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 1,543.2 | 975-2025 |
| 1504 | 25 | 138 | 1745/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lý Minh Anh | K99, Khu phố 7, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trấn Biên, thành phố Đồng Nai | 243 | 684.5 | 975-2025 |
| 1505 | 25 | 139 | 1746/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lý Minh Anh | K99, Khu phố 7, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trấn Biên, thành phố Đồng Nai | 243 | 992.6 | 975-2025 |
| 1506 | 26 | 139 | 1747/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Thị Long | 45B Cư xá Đô Thành, phường 04, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh | phường Bàn Cờ, thành phố Hồ Chí Minh | 244 | 1,275.7 | 975-2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|-----------------------------|--------------------------------------|---|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 1507 | 26 | 140 | 1748/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Thị Long | 45B Cư xá Đô Thành, phường 04, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh | phường Bàn Cờ, thành phố Hồ Chí Minh | 244 | 353.1 | 975-2025 |
| 1508 | 26 | 141 | 1749/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Thị Long | 45B Cư xá Đô Thành, phường 04, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh | phường Bàn Cờ, thành phố Hồ Chí Minh | 244 | 159.8 | 975-2025 |
| 1509 | 26 | 142 | 1750/TB-UBND ngày 15/4/2026 | chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 7,439.7 | 975-2025 |
| 1510 | 26 | 143 | 1751/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Vũ Văn Chử và Tô Thị Cẩm Bình | Khu phố 1, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 893.5 | 975-2025 |
| 1511 | 26 | 144 | 1752/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Vũ Văn Chử và Tô Thị Cẩm Bình | Khu phố 1, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 1,205.8 | 975-2025 |
| 1512 | 25 | 144 | 1753/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Bạch Hường | F28 Phan Chu Trinh, Khu phố 1, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 243 | 2,152.6 | 975-2025 |
| 1513 | 26 | 145 | 1754/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Vũ Văn Chử và Tô Thị Cẩm Bình | Khu phố 1, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 182.3 | 975-2025 |
| 1514 | 25 | 145 | 1755/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Bạch Hường | F28 Phan Chu Trinh, Khu phố 1, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 243 | 2,197.2 | 975-2025 |
| 1515 | 26 | 146 | 1756/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Dương Văn Tâm | 75, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 1,155.1 | 975-2025 |
| 1516 | 25 | 146 | 1757/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lý Minh Anh | K99, Khu phố 7, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 243 | 615.4 | 975-2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|-----------------------------|-------------------------------|--|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 1517 | 25 | 147 | 1758/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phùng Văn Chặt | 53/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 243 | 338.3 | 975-2025 |
| 1518 | 26 | 147 | 1759/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Ngọc Ân và Đào Thị Nga | 80/A2, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 775.1 | 975-2025 |
| 1519 | 26 | 148 | 1760/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Ngọc Ân và Đào Thị Nga | 80/A2, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 254.1 | 975-2025 |
| 1520 | 25 | 148 | 1761/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Quý | Hung Long, xã Hưng Thịnh, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai | xã Hưng Thịnh, thành phố Đồng Nai | 243 | 248.5 | 975-2025 |
| 1521 | 26 | 149 | 1762/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Dương Văn Tâm | 75, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 678.2 | 975-2025 |
| 1522 | 25 | 149 | 1763/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Quý | Hung Long, xã Hưng Thịnh, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai | xã Hưng Thịnh, thành phố Đồng Nai | 243 | 181.4 | 975-2025 |
| 1523 | 26 | 150 | 1764/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Vũ Văn Chử và Tô Thị Cẩm Bình | Khu phố 1, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 369.1 | 975-2025 |
| 1524 | 26 | 151 | 1765/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Vũ Văn Chử và Tô Thị Cẩm Bình | Khu phố 1, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 240.9 | 975-2025 |
| 1525 | 26 | 152 | 1766/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Vũ Văn Chử và Tô Thị Cẩm Bình | Khu phố 1, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 393.5 | 975-2025 |
| 1526 | 26 | 153 | 1767/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Thanh Trúc | 38/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 1,546.6 | 975-2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|-----------------------------|---------------|--|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 1527 | 26 | 154 | 1768/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Dương Văn Tâm | 75, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 98.1 | 975-2025 |
| 1528 | 26 | 155 | 1769/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Dương Văn Tâm | 75, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 307.3 | 975-2025 |
| 1529 | 26 | 156 | 1770/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Dương Văn Tâm | 75, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 165.4 | 975-2025 |
| 1530 | 26 | 157 | 1771/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Dương Văn Tâm | 75, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 792.9 | 975-2025 |
| 1531 | 26 | 158 | 1772/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Thanh Trúc | 38/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 1,476.9 | 975-2025 |
| 1532 | 26 | 159 | 1773/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Thanh Trúc | 38/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 154.3 | 975-2025 |
| 1533 | 26 | 160 | 1774/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Thanh Trúc | 38/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 146.8 | 975-2025 |
| 1534 | 26 | 161 | 1775/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Thanh Trúc | 38/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 106.6 | 975-2025 |
| 1535 | 26 | 162 | 1776/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Thanh Trúc | 38/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 156.2 | 975-2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|-----------------------------|--------------------------------------|--|--------------------------------------|-----|-------|----------|
| 1536 | 26 | 163 | 1777/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Thanh Trúc | 38/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 412.8 | 975-2025 |
| 1537 | 26 | 164 | 1778/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Thanh Trúc | 38/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 266.1 | 975-2025 |
| 1538 | 34 | 164 | 1779/TB-UBND ngày 15/4/2026 | chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 252 | 375.9 | 975-2025 |
| 1539 | 34 | 165 | 1780/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Bùi Thị Bén | 261/A3, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 252 | 84.4 | 975-2025 |
| 1540 | 26 | 165 | 1781/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Thanh Trúc | 38/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 302.7 | 975-2025 |
| 1541 | 26 | 166 | 1782/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Thanh Trúc | 38/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 232.4 | 975-2025 |
| 1542 | 34 | 166 | 1783/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Ngô Kim Thanh | 158, khu phố 4, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 252 | 19.7 | 975-2025 |
| 1543 | 26 | 167 | 1784/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Thanh Trúc | 38/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 927.6 | 975-2025 |
| 1544 | 35 | 168 | 1785/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Văn Mai và Hồ Thị Hai | 233/3, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 253 | 468.1 | 975-2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|-----------------------------|------------------------------------|--|--------------------------------------|-----|-------|----------|
| 1545 | 26 | 168 | 1786/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Thanh Trúc | 38/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 884.1 | 975-2025 |
| 1546 | 26 | 169 | 1787/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Ánh | 192/25/2 Đỗ Văn Thi, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 625.4 | 975-2025 |
| 1547 | 34 | 169 | 1788/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Trí Thông và Nguyễn Quỳnh Như | Khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 252 | 10.0 | 975-2025 |
| 1548 | 26 | 170 | 1789/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Ánh | 192/25/2 Đỗ Văn Thi, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 168.7 | 975-2025 |
| 1549 | 34 | 170 | 1790/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Hoa và Nguyễn Thị Lang | 262/A3, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 252 | 265.3 | 975-2025 |
| 1550 | 26 | 171 | 1791/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Bích Chương | 220A/3, Tổ 13, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 431.0 | 975-2025 |
| 1551 | 26 | 172 | 1792/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hoàng Chương | 220A/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 845.1 | 975-2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|-----------------------------|-----------------------------------|--|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 1552 | 26 | 173 | 1793/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Ánh | 192/25/2 Đỗ Văn Thi, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 142.5 | 975-2025 |
| 1553 | 26 | 174 | 1794/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Ánh | 192/25/2 Đỗ Văn Thi, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 470.7 | 975-2025 |
| 1554 | 26 | 175 | 1795/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Ánh | 192/25/2 Đỗ Văn Thi, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 130.8 | 975-2025 |
| 1555 | 26 | 176 | 1796/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Thanh Trúc | 38/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 329.7 | 975-2025 |
| 1556 | 26 | 177 | 1797/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Thanh Trúc | 38/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 1,244.2 | 975-2025 |
| 1557 | 26 | 178 | 1798/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Minh Thái và Phạm Minh Thủy | 180/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 25.2 | 975-2025 |
| 1558 | 26 | 179 | 1799/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Thanh Tú | 14/24B, khu phố 6, phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 244 | 67.0 | 975-2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|-----------------------------|---------------------------|--|--------------------------------------|-----|-------|----------|
| 1559 | 26 | 180 | 1800/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Văn Ru và Lê Thị Lua | 11P, cư xá Phúc Hải, phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tân Triều, thành phố Đồng Nai | 244 | 366.5 | 975-2025 |
| 1560 | 26 | 192 | 1801/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Thị Minh Huệ | 219A, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 850.0 | 975-2025 |
| 1561 | 49 | 192 | 1802/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Quốc Tiến | 247/A3, Tổ 15, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 119.6 | 975-2025 |
| 1562 | 49 | 193 | 1803/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Phi Vân | 247/3, Tổ 15, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 182.1 | 975-2025 |
| 1563 | 34 | 201 | 1804/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Nga | 85/A2, khu phố Nhị Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 252 | 55.0 | 975-2025 |
| 1564 | 34 | 202 | 1805/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Nguyên Phúc | K2/25, Khu phố 4, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai | 252 | 527.5 | 975-2025 |
| 1565 | 50 | 224 | 1806/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lưu Hoa | 16A Cách Mạng Tháng 8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 10.6 | 975-2025 |
| 1566 | 26 | 228 | 1807/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Huỳnh Anh Thư | 2/7, Tổ 2, Khu phố 6, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 540.5 | 975-2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|-----------------------------|--|---|---------------------------------------|-----|---------|----------|
| 1567 | 26 | 229 | 1808/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Ngọc Xuân | 106C/A2, khu phố Nhị Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 773.8 | 975-2025 |
| 1568 | 26 | 246 | 1809/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phan Quốc Huy | 192/1/28, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 244 | 569.5 | 975-2025 |
| 1569 | 49 | 51 | 1810/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Chí Phong và Lê Thị Thùy Dung | 4/6, Khu phố 4, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 2,059.5 | 976/2025 |
| 1570 | 49 | 52 | 1811/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Chí Phong và Lê Thị Thùy Dung | 4/6, Khu phố 4, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 3,208.0 | 976/2025 |
| 1571 | 49 | 53 | 1812/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Huỳnh Anh Thoại | 347/3, Tổ 15, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 773.6 | 976/2025 |
| 1572 | 49 | 54 | 1813/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Huỳnh Anh Thoại | 347/3, Tổ 15, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 2,427.7 | 976/2025 |
| 1573 | 49 | 55 | 1814/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Huỳnh Anh Thoại | 347/3, Tổ 15, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 402.0 | 976/2025 |
| 1574 | 49 | 56 | 1815/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Đào Anh Thy và Nguyễn Thị Kim Chi | 40 Hoàng Diệu 2, Tổ 2, Khu phố 1, phường Linh Chiểu, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh | Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh | 267 | 3,010.5 | 976/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|----|-----------------------------|------------------------------------|---|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 1575 | 49 | 57 | 1816/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Chí Phong và Lê Thị Thùy Dung | 4/6, Khu phố 4, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 413.6 | 976/2025 |
| 1576 | 49 | 58 | 1817/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Huỳnh Anh Thoại | 347/3, Tổ 15, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 1,559.9 | 976/2025 |
| 1577 | 49 | 59 | 1818/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Huỳnh Anh Thi | 347/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 564.3 | 976/2025 |
| 1578 | 49 | 63 | 1819/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Huỳnh Anh Thi | 347/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 1,493.1 | 976/2025 |
| 1579 | 49 | 64 | 1820/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Thiên và Huỳnh Thị Lang | 256/A3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 1,224.9 | 976/2025 |
| 1580 | 49 | 65 | 1821/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Huỳnh Anh Thi | 347/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 142.5 | 976/2025 |
| 1581 | 49 | 66 | 1822/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Huỳnh Anh Thi | 347/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 1,302.8 | 976/2025 |
| 1582 | 49 | 67 | 1823/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Lào | Thị trấn Mộ Đức, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi | Xã Mộ Đức, Tỉnh Quảng Ngãi | 267 | 315.4 | 976/2025 |
| 1583 | 49 | 83 | 1824/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Lào | Thị trấn Mộ Đức, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi | Xã Mộ Đức, Tỉnh Quảng Ngãi | 267 | 566.6 | 976/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|------------------------------------|------------------|--|--|-----|---------|----------|
| 1584 | 49 | 84 | 1825/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Trần Duyên Duyên | F299, Khu phố 7, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 4,362.7 | 976/2025 |
| 1585 | 49 | 85 | 1826/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Lào | xã Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi | Xã Mộ Đức, Tỉnh Quảng Ngãi | 267 | 156.5 | 976/2025 |
| 1586 | 49 | 103 | 1827/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Trần Duyên Duyên | F299, Khu phố 7, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 2,640.0 | 976/2025 |
| 1587 | 49 | 104 | 1828/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Trần Duyên Duyên | F299, Khu phố 7, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 68.7 | 976/2025 |
| 1588 | 49 | 121 | 1829/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Trần Duyên Duyên | F299, Khu phố 7, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 1,051.9 | 976/2025 |
| 1589 | 49 | 122 | 1830/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Trần Duyên Duyên | F299, Khu phố 7, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 1,424.5 | 976/2025 |
| 1590 | 49 | 123 | 1831/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Trần Duyên Duyên | F299, Khu phố 7, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 580.1 | 976/2025 |
| 1591 | 49 | 124 | 1832/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Trần Duyên Duyên | F299, Khu phố 7, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 431.1 | 976/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|-----------------------------|----------------------------------|--|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 1592 | 49 | 125 | 1833/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Duyên Duyên | F299, Khu phố 7, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 605.1 | 976/2025 |
| 1593 | 49 | 126 | 1834/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Duyên Duyên | F299, Khu phố 7, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 1,089.1 | 976/2025 |
| 1594 | 49 | 127 | 1835/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Bùi Phước Cường | 96/3B, Khu phố 2, phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 267 | 196.3 | 976/2025 |
| 1595 | 49 | 128 | 1836/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Bùi Phước Cường | 96/3B, Khu phố 2, phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 267 | 52.8 | 976/2025 |
| 1596 | 49 | 140 | 1837/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Bùi Phước Cường | 96/3B, Khu phố 2, phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 267 | 1,185.6 | 976/2025 |
| 1597 | 49 | 141 | 1838/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Bùi Phước Cường | 96/3B, Khu phố 2, phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 267 | 1,145.6 | 976/2025 |
| 1598 | 49 | 142 | 1839/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Giác và Phan Thị Chót | 230/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 713.1 | 976/2025 |
| 1599 | 49 | 143 | 1840/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Giác và Phan Thị Chót | 230/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 719.2 | 976/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|-----------------------------|----------------------------------|--|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 1600 | 49 | 144 | 1841/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Giác và Phan Thị Chót | 230/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 999.5 | 976/2025 |
| 1601 | 49 | 145 | 1842/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Bùi Phước Cường | 96/3B, Khu phố 2, phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 267 | 761.6 | 976/2025 |
| 1602 | 49 | 146 | 1843/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Bùi Phước Cường | 96/3B, Khu phố 2, phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 267 | 81.9 | 976/2025 |
| 1603 | 49 | 147 | 1844/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Bùi Phước Cường | 96/3B, Khu phố 2, phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 267 | 108.5 | 976/2025 |
| 1604 | 49 | 161 | 1845/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Giác và Phan Thị Chót | 230/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 215.2 | 976/2025 |
| 1605 | 49 | 162 | 1846/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Giác và Phan Thị Chót | 230/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 1,758.7 | 976/2025 |
| 1606 | 49 | 163 | 1847/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Bùi Phước Cường | 96/3B, Khu phố 2, phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 267 | 971.2 | 976/2025 |
| 1607 | 49 | 164 | 1848/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Bùi Phước Cường | 96/3B, Khu phố 2, phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 267 | 1,490.0 | 976/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|------------------------------------|---------------------------------------|--|--|-----|---------|----------|
| 1608 | 49 | 183 | 1849/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Bùi Phước Cường | 96/3B, Khu phố 2, phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 267 | 357.8 | 976/2025 |
| 1609 | 49 | 184 | 1850/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Giác và Phan Thị Chót | 230/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 267 | 201.7 | 976/2025 |
| 1610 | 50 | 40 | 1851/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Tấn Long | F17, Khu phố 2, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 290.1 | 976/2025 |
| 1611 | 50 | 41 | 1852/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Trần Chí Phong và Lê Thị Thùy Dung | 4/6, Khu phố 4, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 599.4 | 976/2025 |
| 1612 | 50 | 42 | 1853/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Trần Chí Phong và Lê Thị Thùy Dung | 4/6, Khu phố 4, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 605.3 | 976/2025 |
| 1613 | 50 | 43 | 1854/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Tấn Phước | 239A/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 2,569.3 | 976/2025 |
| 1614 | 50 | 49 | 1855/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Đình Thành và Lê Thị Nhị | 38A/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 2,465.0 | 976/2025 |
| 1615 | 50 | 50 | 1856/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Đoàn Thị Vân | F17, Khu phố 2, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 2,398.9 | 976/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|----|-----------------------------|------------------------------------|--|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 1616 | 50 | 51 | 1857/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đoàn Thị Vân | F17, Khu phố 2, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 1,645.6 | 976/2025 |
| 1617 | 50 | 52 | 1858/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Chí Phong và Lê Thị Thùy Dung | 4/6, Khu phố 4, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 1,104.0 | 976/2025 |
| 1618 | 50 | 53 | 1859/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Chí Phong và Lê Thị Thùy Dung | 4/6, Khu phố 4, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 2,196.7 | 976/2025 |
| 1619 | 50 | 54 | 1860/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đặng Thị Thu Trang | 894/39, Tổ 29, Khu phố 2A, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 268 | 409.2 | 976/2025 |
| 1620 | 50 | 55 | 1861/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đặng Thị Thu Trang | 894/39, Tổ 29, Khu phố 2A, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 268 | 405.7 | 976/2025 |
| 1621 | 50 | 56 | 1862/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Đình Thành và Lê Thị Nhị | 38A/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 1,273.3 | 976/2025 |
| 1622 | 50 | 59 | 1863/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Mã Lực | Hoài Nhân, phường Phước Thuận, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận | Xã Ninh Phước, Khánh Hòa | 268 | 75.9 | 976/2025 |
| 1623 | 50 | 60 | 1864/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Thu Hồng | 190/2, Khu phố 7, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 171.2 | 976/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|----|-----------------------------|------------------------------------|---|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 1624 | 50 | 64 | 1865/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phan Văn Phận và Phạm Thị Kim Loan | 34/1, Tổ 22, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 3,237.2 | 976/2025 |
| 1625 | 50 | 65 | 1866/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Thanh Nhó và Phan Cẩm Nhung | 273/3C, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 1,086.1 | 976/2025 |
| 1626 | 50 | 66 | 1867/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Chí Phong và Lê Thị Thùy Dung | 4/6, Khu phố 4, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 1,492.8 | 976/2025 |
| 1627 | 50 | 67 | 1868/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Bùi Phước Cường | 96/3B, Khu phố 2, phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 268 | 1,903.9 | 976/2025 |
| 1628 | 50 | 68 | 1869/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phan Kim Nga | 547A/2, khu phố Nhị Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 2,384.7 | 976/2025 |
| 1629 | 50 | 69 | 1870/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phan Kim Nga | 547A/2, khu phố Nhị Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 1,440.1 | 976/2025 |
| 1630 | 50 | 70 | 1871/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phan Kim Nga | 547A/2, khu phố Nhị Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 1,765.2 | 976/2025 |
| 1631 | 50 | 71 | 1872/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phan Kim Nga | 547A/2, khu phố Nhị Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 1,465.8 | 976/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|----|-----------------------------|-----------------------------------|--|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 1632 | 50 | 75 | 1873/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Văn Thiên và Trương Ngọc Ánh | 48/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 519.6 | 976/2025 |
| 1633 | 50 | 76 | 1874/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Văn Anh | 236 Đỗ Văn Thi, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 2,643.4 | 976/2025 |
| 1634 | 50 | 77 | 1875/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Quý | Hung Long, xã Hưng Thịnh, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai | xã Hưng Thịnh, thành phố Đồng Nai | 268 | 1,080.6 | 976/2025 |
| 1635 | 50 | 78 | 1876/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Ánh | 192/25/2 Đỗ Văn Thi, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 1,463.9 | 976/2025 |
| 1636 | 50 | 79 | 1877/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Duyên Duyên | F299, Khu phố 7, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 2,951.9 | 976/2025 |
| 1637 | 50 | 80 | 1878/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Duyên Duyên | F299, Khu phố 7, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 178.9 | 976/2025 |
| 1638 | 50 | 81 | 1879/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Ánh | 192/25/2 Đỗ Văn Thi, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 234.5 | 976/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|----|-----------------------------|------------------------------------|--|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 1639 | 50 | 82 | 1880/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Ánh | 192/25/2 Đỗ Văn Thi, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 689.1 | 976/2025 |
| 1640 | 50 | 83 | 1881/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Quý | Hung Long xã Hưng Thịnh, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai | xã Hưng Thịnh, thành phố Đồng Nai | 268 | 239.6 | 976/2025 |
| 1641 | 50 | 84 | 1882/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phan Văn Phận và Phạm Thị Kim Loan | 34/1, Tổ 22, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 758.8 | 976/2025 |
| 1642 | 50 | 85 | 1883/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phan Văn Phận và Phạm Thị Kim Loan | 34/1, Tổ 22, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 1,466.3 | 976/2025 |
| 1643 | 50 | 86 | 1884/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phan Văn Phận và Phạm Thị Kim Loan | 34/1, Tổ 22, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 1,584.5 | 976/2025 |
| 1644 | 50 | 87 | 1885/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Minh Thy | Tổ 1, ấp 2, phường Tân Triều, tỉnh Đồng Nai | phường Tân Triều, thành phố Đồng Nai | 268 | 4,203.2 | 976/2025 |
| 1645 | 50 | 88 | 1886/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Thị Bích Thủy | 40/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 639.5 | 976/2025 |
| 1646 | 50 | 94 | 1887/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Ánh | 192/25/2 Đỗ Văn Thi, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 236.2 | 976/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|-----------------------------|--------------------------------------|--|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 1647 | 50 | 95 | 1888/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Duyên Duyên | F299, Khu phố 7, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 824.4 | 976/2025 |
| 1648 | 50 | 96 | 1889/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Duyên Duyên | F299, Khu phố 7, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 337.4 | 976/2025 |
| 1649 | 50 | 97 | 1890/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Duyên Duyên | F299, Khu phố 7, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 365.6 | 976/2025 |
| 1650 | 50 | 98 | 1891/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Ánh | 192/25/2 Đỗ Văn Thi, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 308.1 | 976/2025 |
| 1651 | 50 | 99 | 1892/TB-UBND ngày 15/4/2026 | chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 77.4 | 976/2025 |
| 1652 | 50 | 103 | 1893/TB-UBND ngày 15/4/2026 | chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 2,458.5 | 976/2025 |
| 1653 | 50 | 104 | 1894/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đặng Thị Hai | 2258/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 1,839.3 | 976/2025 |
| 1654 | 50 | 105 | 1895/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Duyên Duyên | F299, khu phố 7, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 3,909.2 | 976/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|-----------------------------|--------------------------------------|---|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 1655 | 50 | 106 | 1896/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Duyên Duyên | F299, khu phố 7, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 4,760.2 | 976/2025 |
| 1656 | 50 | 107 | 1897/TB-UBND ngày 15/4/2026 | chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 5,743.4 | 976/2025 |
| 1657 | 50 | 110 | 1898/TB-UBND ngày 15/4/2026 | chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 5,146.6 | 976/2025 |
| 1658 | 50 | 111 | 1899/TB-UBND ngày 15/4/2026 | chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 1,070.5 | 976/2025 |
| 1659 | 50 | 114 | 1900/TB-UBND ngày 15/4/2026 | chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 1,459.8 | 976/2025 |
| 1660 | 50 | 115 | 1901/TB-UBND ngày 15/4/2026 | chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 2,472.8 | 976/2025 |
| 1661 | 50 | 121 | 1902/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Ngọc Sơn và Ngô Bích Thủy | 10E, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 1,854.7 | 976/2025 |
| 1662 | 50 | 122 | 1903/TB-UBND ngày 15/4/2026 | chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 1,666.8 | 976/2025 |
| 1663 | 50 | 123 | 1904/TB-UBND ngày 15/4/2026 | chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 2,023.7 | 976/2025 |
| 1664 | 50 | 124 | 1905/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Ngọc Sơn và Ngô Bích Thủy | 10E, Phan Đình Phùng, phường Quang Vinh thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | n Biên, thành ph | 268 | 1,768.9 | 976/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|-----------------------------|--------------------------------------|---|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 1665 | 50 | 125 | 1906/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Vũ Tiến Báu và Lê Thị Thu Huỳnh | P127, tổ 1, khu phố 7, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và 156, QL1, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 3,175.7 | 976/2025 |
| 1666 | 50 | 126 | 1907/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Cao Xuân Quỳnh | khu phố 1, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 268 | 650.2 | 976/2025 |
| 1667 | 50 | 131 | 1908/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Cao Xuân Quỳnh | khu phố 1, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 268 | 3,241.1 | 976/2025 |
| 1668 | 50 | 133 | 1909/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Quốc Mỹ | ấp 2, xã Phước Bình, tỉnh Đồng Nai | xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai | 268 | 96.5 | 976/2025 |
| 1669 | 50 | 134 | 1910/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Quốc Mỹ | ấp 2, xã Phước Bình, tỉnh Đồng Nai | xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai | 268 | 352.0 | 976/2025 |
| 1670 | 50 | 135 | 1911/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Quốc Mỹ | ấp 2, xã Phước Bình, tỉnh Đồng Nai | xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai | 268 | 273.4 | 976/2025 |
| 1671 | 50 | 136 | 1912/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Võ Ngọc Kim Khánh | 99/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 129.4 | 976/2025 |
| 1672 | 50 | 137 | 1913/TB-UBND ngày 15/4/2026 | chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 465.0 | 976/2025 |
| 1673 | 50 | 147 | 1914/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Mạnh | 217/1, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 234.1 | 976/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|-----------------------------|----------------------------------|---|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 1674 | 50 | 148 | 1915/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Ngọc Sơn và Ngô Bích Thủy | 10E đường Phan Đình Phùng, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trấn Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 1,874.5 | 976/2025 |
| 1675 | 50 | 149 | 1916/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Quốc Mỹ | ấp 2, xã Phước Bình, tỉnh Đồng Nai | xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai | 268 | 108.5 | 976/2025 |
| 1676 | 50 | 150 | 1917/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Quốc Mỹ | ấp 2, xã Phước Bình, tỉnh Đồng Nai | xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai | 268 | 308.0 | 976/2025 |
| 1677 | 50 | 151 | 1918/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Quốc Mỹ | ấp 2, xã Phước Bình, tỉnh Đồng Nai | xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai | 268 | 259.6 | 976/2025 |
| 1678 | 50 | 152 | 1919/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Quốc Mỹ | ấp 2, xã Phước Bình, tỉnh Đồng Nai | xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai | 268 | 77.1 | 976/2025 |
| 1679 | 50 | 153 | 1920/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Giác và Phan Thị Chót | 230/3 Khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trấn Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 737.7 | 976/2025 |
| 1680 | 50 | 154 | 1921/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Giác và Phan Thị Chót | 230/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trấn Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 888.4 | 976/2025 |
| 1681 | 50 | 155 | 1922/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Giác và Phan Thị Chót | 230/3 Khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trấn Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 59.7 | 976/2025 |
| 1682 | 50 | 156 | 1923/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Quách Trường Nguyên | 83/3, khu phố 3, phường Hồ Nai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Long Bình, thành phố Đồng Nai | 268 | 1,024.8 | 976/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|-----------------------------|--|---|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 1683 | 50 | 157 | 1924/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phan Văn Phận và Phạm Thị Kim Loan | 34/1, Tổ 22, ấp Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trán Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 362.8 | 976/2025 |
| 1684 | 50 | 158 | 1925/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Quốc Mỹ | Ấp 2, xã Phước Bình, tỉnh Đồng Nai | xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai | 268 | 302.0 | 976/2025 |
| 1685 | 50 | 169 | 1926/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Thanh Nhở | 273/3C, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trán Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 1,000.0 | 976/2025 |
| 1686 | 50 | 170 | 1927/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đỗ Thị Kim Tuyết và Cao Thị Thu Hương (Đồng sử dụng) | 5/6, KP2, phường Trán Biên, tỉnh Đồng Nai và số 232/35 KP 2, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | n Biên, thành ph | 268 | 2,261.6 | 976/2025 |
| 1687 | 50 | 171 | 1928/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Mạnh và Phan Thị Út | 217/1, ấp Nhất Hoà, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trán Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 890.8 | 976/2025 |
| 1688 | 50 | 172 | 1929/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Quốc Mỹ | Ấp 2, xã Phước Bình, tỉnh Đồng Nai | xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai | 268 | 3,245.1 | 976/2025 |
| 1689 | 50 | 173 | 1930/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Tấn Dũng | 76/1 ấp Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trán Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 543.7 | 976/2025 |
| 1690 | 50 | 174 | 1931/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Tấn Hồng | 141E/3, tổ 10, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trán Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 543.2 | 976/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|------------------------------------|--------------------|---|--|-----|---------|----------|
| 1691 | 50 | 175 | 1932/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Tấn Dũng | 76/1 ấp Nhất Hoà, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 543.2 | 976/2025 |
| 1692 | 50 | 176 | 1933/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Bùi Công Anh | Căn hộ số 506, Chung cư A2 Nguyễn Ái Quốc, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 543.2 | 976/2025 |
| 1693 | 50 | 177 | 1934/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Tấn Dũng | 76/1 ấp Nhất Hoà, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 543.2 | 976/2025 |
| 1694 | 50 | 178 | 1935/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Tấn Dũng | 76/1 ấp Nhất Hoà, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 543.2 | 976/2025 |
| 1695 | 50 | 183 | 1936/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Trần Thị Bích Thủy | 40/1, ấp Nhất Hoà, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 161.2 | 976/2025 |
| 1696 | 50 | 206 | 1937/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Bùi Quang Huy | 79 Tổ 1, KP Hiệp Tâm 1, xã Định Quán, tỉnh Đồng Nai | xã Định Quán, thành phố Đồng Nai | 268 | 1,011.0 | 976/2025 |
| 1697 | 50 | 207 | 1938/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Bùi Quang Huy | 80 Tổ 1, KP Hiệp Tâm 1, xã Định Quán, tỉnh Đồng Nai | xã Định Quán, thành phố Đồng Nai | 268 | 1,018.0 | 976/2025 |
| 1698 | 50 | 208 | 1939/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Bùi Quang Huy | 81 Tổ 1, KP Hiệp Tâm 1, xã Định Quán, tỉnh Đồng Nai | xã Định Quán, thành phố Đồng Nai | 268 | 1,020.0 | 976/2025 |
| 1699 | 50 | 209 | 1940/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Bùi Quang Huy | 82 Tổ 1, KP Hiệp Tâm 1, xã Định Quán, tỉnh Đồng Nai | xã Định Quán, thành phố Đồng Nai | 268 | 1,018.0 | 976/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|-----------------------------|--|---|---|-----|---------|----------|
| 1700 | 50 | 210 | 1941/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Mộng Thi và Nguyễn An Bình (đồng sử dụng) | 76/3F tổ 15, KP 4, phường Tân Thuận Tây, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh và 76/3F tổ 15, KP 4, phường Tân Thuận Tây, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh. | Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh | 268 | 2,020.1 | 976/2025 |
| 1701 | 50 | 211 | 1942/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lữ Thị Hà Yên | 76/3F tổ 15, KP 4, phường Tân Thuận Tây, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh | Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh | 268 | 1,000.0 | 976/2025 |
| 1702 | 50 | 212 | 1943/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Xuân Hoàng | 10E, KP4, phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tân Triều, thành phố Đồng Nai | 268 | 1,000.0 | 976/2025 |
| 1703 | 50 | 213 | 1944/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Xuân Hoàng | A13, tổ 14, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 2,141.0 | 976/2025 |
| 1704 | 50 | 215 | 1945/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thanh Minh | 171/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 1,284.3 | 976/2025 |
| 1705 | 50 | 218 | 1946/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thanh Minh | 171/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 3,810.5 | 976/2025 |
| 1706 | 50 | 666 | 1947/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thị Lựu | 6G, Khu phố 1, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 268 | 984.8 | 976/2025 |
| 1707 | 52 | 1 | 1948/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Quách Trường Nguyên | 83/3, khu phố 3, phường Hồ Nai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Long Bình, thành phố Đồng Nai | 270 | 541.0 | 976/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|----|-----------------------------|--------------------------------------|---|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 1708 | 52 | 2 | 1949/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Quách Trường Nguyên | 83/3, khu phố 3, phường Hồ Nai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Long Bình, thành phố Đồng Nai | 270 | 940.0 | 976/2025 |
| 1709 | 52 | 3 | 1950/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Quách Trường Nguyên | 83/3, khu phố 3, phường Hồ Nai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Long Bình, thành phố Đồng Nai | 270 | 1,342.8 | 976/2025 |
| 1710 | 52 | 4 | 1951/TB-UBND ngày 15/4/2026 | chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 868.0 | 976/2025 |
| 1711 | 52 | 5 | 1952/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Quách Trường Nguyên | 83/3, khu phố 3, phường Hồ Nai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Long Bình, thành phố Đồng Nai | 270 | 1,161.0 | 976/2025 |
| 1712 | 52 | 6 | 1953/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Quách Trường Nguyên | 83/3, khu phố 3, phường Hồ Nai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Long Bình, thành phố Đồng Nai | 270 | 283.0 | 976/2025 |
| 1713 | 52 | 7 | 1954/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Quách Trường Nguyên | 83/3, khu phố 3, phường Hồ Nai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Long Bình, thành phố Đồng Nai | 270 | 4,094.5 | 976/2025 |
| 1714 | 52 | 16 | 1955/TB-UBND ngày 15/4/2026 | chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 1,756.0 | 976/2025 |
| 1715 | 52 | 17 | 1956/TB-UBND ngày 15/4/2026 | chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 3,520.0 | 976/2025 |
| 1716 | 52 | 18 | 1957/TB-UBND ngày 15/4/2026 | chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 5,682.0 | 976/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|-----------------------------|---|---|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 1717 | 52 | 19 | 1958/TB-UBND ngày 15/4/2026 | chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 1,051.0 | 976/2025 |
| 1718 | 52 | 20 | 1959/TB-UBND ngày 15/4/2026 | chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 409.8 | 976/2025 |
| 1719 | 52 | 21 | 1960/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Quách Trường Nguyên | 83/3, khu phố 3, phường Hồ Nai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Long Bình, thành phố Đồng Nai | 270 | 762.0 | 976/2025 |
| 1720 | 52 | 22 | 1961/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Quách Trường Nguyên | 83/3, khu phố 3, phường Hồ Nai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Long Bình, thành phố Đồng Nai | 270 | 82.3 | 976/2025 |
| 1721 | 52 | 26 | 1962/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đình Anh Tuấn và Nguyễn Thị Phương Thảo | 164/3 ấp Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 1,000.0 | 976/2025 |
| 1722 | 52 | 27 | 1963/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Hoài và Nguyễn Thị Minh | D628H, tổ 16, KP4, phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai và số M27, KDC khu phố 7, phường Tân Phong | phường Long Bình, thành phố Đồng Nai | 270 | 2,809.0 | 976/2025 |
| 1723 | 52 | 154 | 1964/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Giác | 230/3 Khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 6,788.2 | 976/2025 |
| 1724 | 52 | 165 | 1965/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Quách Trường Nguyên | 83/3, khu phố 3, phường Hồ Nai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Long Bình, thành phố Đồng Nai | 270 | 2,854.2 | 976/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|-----------------------------|---|---|--------------------------------------|-----|----------|----------|
| 1725 | 52 | 196 | 1966/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Quách Trường Nguyên | 83/3, khu phố 3, phường Hồ Nai , thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Long Bình, thành phố Đồng Nai | 270 | 2,564.5 | 976/2025 |
| 1726 | 52 | 267 | 1967/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Nhung | Khu phố Suối Tre, phường Suối Tre, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai | phường Bình Lộc, thành phố Đồng Nai | 270 | 13,011.3 | 976/2025 |
| 1727 | 52 | 278 | 1968/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thị Lựu | 6G, Khu phố 1, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 270 | 2,315.7 | 976/2025 |
| 1728 | 52 | 279 | 1969/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Võ Huỳnh Trung Hưng và Đỗ Thị Hạnh Dung | 26C/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trán Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 1,163.2 | 976/2025 |
| 1729 | 52 | 280 | 1970/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thanh Tùng | C3/1, Khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trán Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 1,136.5 | 976/2025 |
| 1730 | 52 | 281 | 1971/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đặng Thị Thúy Hồng | Khu phố Bảo Vinh B, phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai | phường Bảo Vinh, thành phố Đồng Nai | 270 | 1,113.6 | 976/2025 |
| 1731 | 52 | 282 | 1972/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đặng Thị Thúy Hồng | Khu phố Bảo Vinh B, phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai | phường Bảo Vinh, thành phố Đồng Nai | 270 | 1,093.0 | 976/2025 |
| 1732 | 52 | 283 | 1973/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đặng Thị Thúy Hồng | Khu phố Bảo Vinh B, phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai | phường Bảo Vinh, thành phố Đồng Nai | 270 | 1,075.1 | 976/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|------------------------------------|--------------------|---|--|-----|---------|----------|
| 1733 | 52 | 284 | 1974/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Đặng Huy Thành | Khu phố Suối Tre, phường Suối Tre, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai | phường Bình Lộc, thành phố Đồng Nai | 270 | 1,058.6 | 976/2025 |
| 1734 | 52 | 285 | 1975/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Đặng Thị Thúy Hồng | Khu phố Bảo Vinh B, phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai | phường Bảo Vinh, thành phố Đồng Nai | 270 | 1,989.6 | 976/2025 |
| 1735 | 53 | 8 | 1976/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Ngọc Mẫn | 130 Khu phố 11, phường An Bình , thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,141.0 | 976/2025 |
| 1736 | 53 | 30 | 1977/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Xuân Nam | 1161 Bis đường Tự Lập, phường Tân Sơn Nhất, tp Hồ Chí Minh. | phường Tân Sơn Nhất, tp Hồ Chí Minh. | 271 | 994.0 | 976/2025 |
| 1737 | 53 | 31 | 1978/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Mỹ Hạnh | 05A1, Trần Quốc Toản, Khu phố 1, KDC, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 352.0 | 976/2025 |
| 1738 | 53 | 32 | 1979/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Mỹ Hạnh | 05A1, Trần Quốc Toản, Khu phố 1, KDC, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 2,690.0 | 976/2025 |
| 1739 | 53 | 33 | 1980/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Mỹ Hạnh | 05A1, Trần Quốc Toản, Khu phố 1, KDC, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 331.0 | 976/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|-----------------------------|--------------------|---|--------------------------------------|-----|---------|----------|
| 1740 | 53 | 57 | 1981/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Mỹ Hạnh | 05A1, Trần Quốc Toản, Khu phố 1, KDC, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 509.0 | 976/2025 |
| 1741 | 53 | 58 | 1982/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Mỹ Hạnh | 05A1, Trần Quốc Toản, Khu phố 1, KDC, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 222.0 | 976/2025 |
| 1742 | 53 | 59 | 1983/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Tuyên | D628H, tổ 16, KP.4, phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai | phường Long Bình, thành phố Đồng Nai | 271 | 2,169.0 | 976/2025 |
| 1743 | 53 | 60 | 1984/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đình Anh Tuấn | 164/3, khu phố Tam Hoà, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 1,984.0 | 976/2025 |
| 1744 | 53 | 61 | 1985/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đình Anh Tuấn | 164/3, khu phố Tam Hoà, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 2,261.0 | 976/2025 |
| 1745 | 53 | 62 | 1986/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Mỹ Hạnh | 05A1, Trần Quốc Toản, Khu phố 1, KDC, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 271 | 335.0 | 976/2025 |
| 1746 | 53 | 639 | 1987/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thị Lựu | 6G, tổ 6, khu phố 1 phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 271 | 9,475.2 | 976/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|----|-----------------------------|----------------------|---|--------------------------------------|-----|---------|-----------------|
| 1747 | 23 | 19 | 1988/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Ngọc Mai Trang | 153/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 2,368.3 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1748 | 23 | 22 | 1989/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đặng Thị Tơ | 4/13, Khu phố 7, phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 241 | 89.3 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1749 | 23 | 23 | 1990/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đặng Thị Tơ | 4/13, Khu phố 7, phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 241 | 1,358.6 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1750 | 23 | 24 | 1991/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Ngọc Mai Trang | 153/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 276.0 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1751 | 23 | 25 | 1992/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Ngọc Mai Trang | 153/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 74.0 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1752 | 23 | 27 | 1993/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Cảnh | 163/242 CMT8, phường Hòa Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 373.0 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1753 | 23 | 28 | 1994/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Cảnh | 163/242 CMT8, phường Hòa Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 341.7 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1754 | 23 | 29 | 1995/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Cảnh | 163/242 CMT8, phường Hòa Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 1,148.9 | Bản vẽ 977/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|----|------------------------------------|----------------------|--|--|-----|---------|-----------------|
| 1755 | 23 | 30 | 1996/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Cảnh | 163/242 CMT8, phường Hòa Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 152.7 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1756 | 23 | 31 | 1997/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Cảnh | 163/242 CMT8, phường Hòa Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 19.2 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1757 | 23 | 35 | 1998/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Cảnh | 163/242 CMT8, phường Hòa Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 2.8 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1758 | 23 | 36 | 1999/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Cảnh | 163/242 CMT8, phường Hòa Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 133.1 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1759 | 23 | 37 | 2000/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Cảnh | 163/242 CMT8, phường Hòa Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 727.1 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1760 | 23 | 38 | 2001/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Vũ Thu Ngọc Thành | 8/9, Khu phố 3, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 1,444.9 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1761 | 23 | 41 | 2002/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Ngọc Thảo | Tổ 4, Khu phố 3, xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai | xã Phú Lý, thành phố Đồng Nai | 241 | 90.5 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1762 | 23 | 45 | 2003/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Vũ Thu Ngọc Thành | 8/9, Khu phố 3, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 47.5 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1763 | 23 | 46 | 2004/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Vũ Thu Ngọc Thành | 8/9, Khu phố 3, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 1,408.4 | Bản vẽ 977/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|----|-----------------------------|------------------------------|--|--------------------------------------|-----|---------|-----------------|
| 1764 | 23 | 50 | 2005/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Vũ Thu Ngọc Thành | 8/9, Khu phố 3, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 47.4 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1765 | 23 | 51 | 2006/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Tất Tiên | Lô K15, khu phố 6, phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 241 | 2,119.7 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1766 | 23 | 56 | 2007/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thành Sâm | 19/4, Khu phố 6, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 111.7 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1767 | 23 | 59 | 2008/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Hùng | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 162.2 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1768 | 23 | 60 | 2009/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Trọng Nhân | A2/232, Khu phố 2, phường Tân Vạn, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai | 241 | 144.1 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1769 | 23 | 61 | 2010/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Cao Văn Lên | 106 Đường 30/4, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 702.0 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1770 | 23 | 62 | 2011/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Tất Lục và Lê Thị Bắc | Lô K15, Khu phố 6, phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 241 | 996.1 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1771 | 23 | 63 | 2012/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Trọng Nhân | A2/232, Khu phố 2, phường Tân Vạn, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai | 241 | 2,139.7 | Bản vẽ 977/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|----|-----------------------------|-------------------------------|--|--------------------------------------|-----|---------|-----------------|
| 1772 | 23 | 64 | 2013/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Trọng Nhân | A2/232, Khu phố 2, phường Tân Vạn, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai | 241 | 1,658.7 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1773 | 23 | 69 | 2014/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Văn Điệp | 22/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 69.9 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1774 | 23 | 73 | 2015/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Văn Mai và Lê Thị Bé | 17/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 323.8 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1775 | 23 | 74 | 2016/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Cao Văn Lên | 106 Đường 30/4, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 1,372.1 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1776 | 23 | 75 | 2017/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Văn Mai và Lê Thị Bé | 17/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 6.7 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1777 | 23 | 76 | 2018/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Trọng Nhân | A2/232, Khu phố 2, phường Tân Vạn, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai | 241 | 1,286.2 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1778 | 23 | 77 | 2019/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Trọng Nhân | A2/232, Khu phố 2, phường Tân Vạn, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai | 241 | 523.3 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1779 | 23 | 78 | 2020/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trịnh Đức Thảo và Phạm Thị Vy | 77/15, khu phố Tam Hoà, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 256.9 | Bản vẽ 977/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|----|-----------------------------|---|---|--------------------------------------|-----|-------|-----------------|
| 1780 | 23 | 82 | 2021/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Văn Tân và Trần Thị Mười | 26/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 160.7 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1781 | 23 | 84 | 2022/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thành Hiền và Nguyễn Thị Hồng Loan | 27B/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 79.1 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1782 | 23 | 86 | 2023/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thị Châu | 25/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 117.4 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1783 | 23 | 89 | 2024/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trịnh Phú Hải | 12/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 131.8 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1784 | 23 | 90 | 2025/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Ngọc và Từ Ánh Nguyệt | 27A/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 103.1 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1785 | 23 | 91 | 2026/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trương Ngọc Phú và Lê Nguyễn Thúy Anh | Lô B24, KDC Tân Phong, Tổ 34E, Khu phố 7, phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tân Triều, thành phố Đồng Nai | 241 | 190.7 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1786 | 23 | 92 | 2027/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Kim Liêng | 312/48B, Khu phố 2, Quốc Lộ 1, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 144.8 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1787 | 23 | 93 | 2028/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trịnh Phú Hải | 12/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 347.2 | Bản vẽ 977/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|-----------------------------|------------------------------------|--|--------------------------------------|-----|-------|-----------------|
| 1788 | 23 | 94 | 2029/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Quốc Điệp | 19, Khu phố 7, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 183.1 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1789 | 23 | 95 | 2030/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Quốc Điệp và Hoàng Thị Thủy | 19, Khu phố 7, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 240.5 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1790 | 23 | 96 | 2031/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Quốc Điệp và Hoàng Thị Thủy | 19, Khu phố 7, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 686.5 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1791 | 23 | 97 | 2032/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trịnh Quốc Cang và Đỗ Thị Thu Thủy | 12/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 371.6 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1792 | 23 | 99 | 2033/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lưu Hoa | 16A Cách Mạng Tháng 8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 665.0 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1793 | 23 | 101 | 2034/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trịnh Phú Hải | 12/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 689.9 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1794 | 23 | 102 | 2035/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Đạt | 59, Khu phố 2, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 628.1 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1795 | 23 | 104 | 2036/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Tĩnh | 31/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 120.1 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1796 | 23 | 107 | 2037/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Thị Kim Phượng | Tổ 22, Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 177.3 | Bản vẽ 977/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|-----------------------------|---------------------------------------|---|--------------------------------------|-----|---------|-----------------|
| 1797 | 23 | 108 | 2038/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Cao Văn Lên | 106 Đường 30/4, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 321.0 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1798 | 23 | 109 | 2039/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Cao Văn Lên | 106 Đường 30/4, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 229.1 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1799 | 23 | 110 | 2040/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Trọng Nhân | A2/232, Khu phố 2, phường Tân Vạn, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai | 241 | 1,069.0 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1800 | 23 | 111 | 2041/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Tất Lục và Lê Thị Bắc | Lô K15, Khu phố 6, phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 241 | 60.3 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1801 | 23 | 112 | 2042/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trịnh Quốc Cang và Đỗ Thị Thu Thủy | 12/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 192.6 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1802 | 23 | 114 | 2043/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trương Ngọc Phú và Lê Nguyễn Thúy Anh | Lô B24, KDC Tân Phong, Tổ 34E, Khu phố 7, phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tân Triều, thành phố Đồng Nai | 241 | 505.6 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1803 | 23 | 115 | 2044/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Văn Trước và Nguyễn Thị Phụng | 22/1, khu phố Nhất Hoà, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 114.0 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1804 | 23 | 116 | 2045/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phan Trọng Tuấn | 357/3/8, khu phố 4, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 44.4 | Bản vẽ 977/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|------------------------------------|--|--|--|-----|-------|-----------------|
| 1805 | 23 | 118 | 2046/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Cao Văn Lên | 53/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 500.0 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1806 | 23 | 119 | 2047/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Cao Văn Lên | 106 Đường 30/4, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 204.3 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1807 | 23 | 124 | 2048/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Lê Công Thắng và Ngô Thị Dung | RSH, 03-26 khu phố Phước Hội, xã Long Hưng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Long Hưng, thành phố Đồng Nai | 241 | 93.7 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1808 | 23 | 125 | 2049/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Hoàng Quyết Thắng | G15A, Tổ 5, Khu phố 5, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 241 | 253.1 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1809 | 23 | 126 | 2050/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Phước Đồng và Nguyễn Thị Kim Chi | 65D, Tổ 13, khu phố Nhị Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 37.9 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1810 | 23 | 127 | 2051/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Ngọc Mai | 160/51 CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 9.3 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1811 | 23 | 128 | 2052/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Đình Ngọc Diễm Quỳnh | 96/1, khu phố Nhị Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 572.0 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1812 | 23 | 131 | 2053/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Đào Văn Thọ và Nguyễn Thị Thanh Thảo | 50/8, Khu phố 2A, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 241 | 62.2 | Bản vẽ 977/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|-----------------------------|---------------------------------------|--|--------------------------------------|-----|-------|-----------------|
| 1813 | 23 | 133 | 2054/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Út và Phan Thị Hạnh | 126/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 43.5 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1814 | 23 | 134 | 2055/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Thu Thủy | 104/A2, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 46.7 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1815 | 23 | 135 | 2056/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đào Thị Kim Hoa | 23C/1, Tổ 21, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 68.7 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1816 | 23 | 136 | 2057/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Quang Tấn và Đặng Thị Thoa | Khu phố 3, phường Tân Hạnh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai | 241 | 37.0 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1817 | 23 | 139 | 2058/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Quốc Điệp và Hoàng Thị Thủy | 19, Khu phố 7, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 681.6 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1818 | 23 | 143 | 2059/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Văn Mai và Lê Thị Bé | 17/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 229.8 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1819 | 23 | 144 | 2060/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Xuân Vinh và Dương Thị Ngọc Bích | 17/01, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 52.1 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1820 | 23 | 145 | 2061/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thị Tùng | 17B/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 60.4 | Bản vẽ 977/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|-----------------------------|--|--|--------------------------------------|-----|-------|-----------------|
| 1821 | 23 | 158 | 2062/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hà Anh (Chung quyền sử dụng đất với Đỗ Văn Vinh) | 217 Khu phố 2, phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai G59, khu phố 7A, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. | phường Long Bình, thành phố Đồng Nai | 241 | 62.4 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1822 | 23 | 159 | 2063/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thị Tuyết Hoa | 2A/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 39.7 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1823 | 23 | 160 | 2064/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hồ Kim Nguyệt | 50/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 41.0 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1824 | 23 | 189 | 2065/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Thắng | 31/1 khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 661.9 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1825 | 23 | 190 | 2066/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Huyền (Chung quyền sử dụng đất với Nguyễn Thị Oanh và Nguyễn Thị Xuân) | E936C, tổ 32, khu phố 5, phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai. 881A, tổ 37, khu phố 8, phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai. 715B, tổ 40, khu phố 8, phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai | phường Long Bình, thành phố Đồng Nai | 241 | 602.8 | Bản vẽ 977/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|-----------------------------|--|--|--|-----|-------|-----------------|
| 1826 | 23 | 191 | 2067/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thành Nhân và Nguyễn Thị Thuỳên | 30A/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 590.6 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1827 | 23 | 192 | 2068/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thanh Thảo | 30/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 705.0 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1828 | 23 | 193 | 2069/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thanh Thảo | 30/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 622.0 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1829 | 23 | 220 | 2070/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Ngà | 27/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 143.4 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1830 | 23 | 221 | 2071/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Thị Thu Hà | 22/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 51.1 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1831 | 23 | 222 | 2072/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Hoàng Nhi | 48B/3, Tổ 3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 41.6 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1832 | 23 | 223 | 2073/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phan Đức Anh | E21, Cư Xá Tinh Uy, Tổ 15, khu phố 1, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 144.6 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1833 | 23 | 224 | 2074/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hoàng Huy Hiền | 94, Hùng Vương, phường 11, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng | phường Xuân Trường - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng | 241 | 133.0 | Bản vẽ 977/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|-----------------------------|--|---|--------------------------------------|-----|---------|-----------------|
| 1834 | 23 | 225 | 2075/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Tĩnh | 31/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 292.2 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1835 | 23 | 245 | 2076/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đặng Thị Tơ | 4/13, Khu phố 7, phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 241 | 933.5 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1836 | 23 | 261 | 2077/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hải Đăng | 295/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 1,408.2 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1837 | 23 | 262 | 2078/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Hiếu và Nguyễn Ngọc Hương Lan | 248, Đỗ Văn Thi, khu phố Nhất Hoà, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 552.1 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1838 | 24 | 20 | 2079/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Trung Phước và Nguyễn Kim Lài | 88A/A2, khu phố Nhị Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 242 | 103.8 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1839 | 24 | 21 | 2080/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Chiêm Chí Cường và Trần Mỹ Hạnh | 163/236A Cách mạng tháng 8, phường Hòa Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 242 | 86.5 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1840 | 24 | 22 | 2081/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Cúc | 1/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 242 | 70.1 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1841 | 24 | 27 | 2082/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Ngô Thị Khỏe | 47/1, khu phố Nhất Hoà, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 242 | 1,258.9 | Bản vẽ 977/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|----|-----------------------------|-------------------------------------|--|--------------------------------------|-----|-------|-----------------|
| 1842 | 24 | 33 | 2083/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Lân và Trịnh Thị Bích | 12/1, khu phố Nhất Hoà, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 242 | 111.0 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1843 | 24 | 34 | 2084/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trịnh Phú Hải | 12/1, khu phố Nhất Hoà, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 242 | 72.7 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1844 | 24 | 35 | 2085/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trịnh Phú Hải | 12/1, khu phố Nhất Hoà, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 242 | 100.0 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1845 | 24 | 37 | 2086/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trịnh Phú Hải | 12/1, khu phố Nhất Hoà, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 242 | 474.5 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1846 | 24 | 38 | 2087/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Tấn Long | 13/1, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 242 | 226.0 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1847 | 24 | 40 | 2088/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Sơn và Trương Thị Minh Nguyệt | 134A/1, khu phố Nhất Hoà, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 242 | 2.9 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1848 | 24 | 48 | 2089/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Văn Đô và Huỳnh Thanh Duyên | 71 QL 1, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 242 | 3.7 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1849 | 24 | 51 | 2090/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Cảnh | 163/242 CMT8, phường Hòa Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 242 | 436.5 | Bản vẽ 977/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|----|------------------------------------|--|--|--|-----|---------|-----------------|
| 1850 | 24 | 52 | 2091/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Cảnh | 163/242 CMT8, phường Hòa Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 242 | 1,234.2 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1851 | 24 | 53 | 2092/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Cảnh | 163/242 CMT8, phường Hòa Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 242 | 229.6 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1852 | 24 | 55 | 2093/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Cảnh | 163/242 CMT8, phường Hòa Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 242 | 133.7 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1853 | 24 | 58 | 2094/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Sin Cẩm Bú | 91/90, Khu phố 3, phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tân Triều, thành phố Đồng Nai | 242 | 966.5 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1854 | 24 | 59 | 2095/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Hộ Huỳnh Sơn và Trương Thị Minh Nguyễn | 134A/1, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 242 | 7.1 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1855 | 24 | 63 | 2096/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Trần Thế Duy Thanh và Phạm Quế Trinh | E8, Tổ 9, Khu phố 7, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 242 | 97.3 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1856 | 24 | 66 | 2097/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Bích Vân | 352/59 Gò Dầu, phường Tân Quý, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh | phường Phú Thọ Hòa, thành phố Hồ Chí Minh | 242 | 31.4 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1857 | 24 | 67 | 2098/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Quang Khải | 6/1B, Khu phố 1, phường Tam Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 242 | 71.7 | Bản vẽ 977/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|-----------------------------|--|--|--------------------------------------|-----|-------|-----------------|
| 1858 | 24 | 68 | 2099/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Bùi Kim Sơn | 250/32D, Khu phố 3, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | xã Bàu Hàm, thành phố Đồng Nai | 242 | 41.0 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1859 | 24 | 69 | 2100/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Võ Văn Minh và Trần Thị Vân | 16/1, khu phố Nhất Hoà, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 242 | 44.1 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1860 | 24 | 70 | 2101/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Thu Thảo | 90/6 đường CMT8 phường quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | n Biên, thành ph | 70 | 219.9 | |
| 1861 | 24 | 75 | 2102/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hoàng Phúc | 213D/3, Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 242 | 52.0 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1862 | 24 | 76 | 2103/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hộ Nguyễn Văn Báu và Lý Thị Huệ | 1/1, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 242 | 71.5 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1863 | 24 | 80 | 2104/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Quốc Tuấn và Đinh Thụy Tuyết Hồng | 40/5A, Khu phố 6, phường Tân Mai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 242 | 159.0 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1864 | 24 | 94 | 2105/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Ngọc Thảo | Tổ 4, Khu phố 3, xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai | xã Phú Lý, thành phố Đồng Nai | 242 | 30.2 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1865 | 24 | 104 | 2106/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Anh Vũ | 238, khu phố Nhất Hoà, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 242 | 186.3 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1866 | 24 | 112 | 2107/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Ngọc Thắng | thôn 2, phường Phong Quang, Thành phố Huế | phường Phong Quang, thành phố Huế | 242 | 0.7 | Bản vẽ 977/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|-----------------------------|------------------------------------|--|--------------------------------------|-----|-------|-----------------|
| 1867 | 24 | 117 | 2108/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Văn Hoàng Thái | 7/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 242 | 45.6 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1868 | 24 | 120 | 2109/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Văn Tuấn và Trịnh Thúy Nguyệt | 57/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 242 | 177.8 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1869 | 24 | 121 | 2110/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Thị Minh Huệ | 205C/3, khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 242 | 46.7 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1870 | 24 | 123 | 2111/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Thị Thu Hà | 609F, Khu phố 3, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Long Hưng, thành phố Đồng Nai | 242 | 57.7 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1871 | 24 | 134 | 2112/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Văn Anh | 236 Đỗ Văn Thi, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 242 | 15.0 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1872 | 24 | 135 | 2113/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Văn Sơn | 6/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 242 | 254.1 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1873 | 24 | 136 | 2114/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Tâm | J43, Khu phố 7, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 242 | 879.2 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1874 | 24 | 137 | 2115/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Tâm | 238 Đỗ Văn Thi, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 242 | 486.7 | Bản vẽ 977/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|-----------------------------|--|---|--------------------------------------|-----|-------|-----------------|
| 1875 | 24 | 152 | 2116/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thy Kim Loan | 2/11A, Khu phố 1, phường Tân Mai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 242 | 69.2 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1876 | 24 | 154 | 2117/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phan Thị Kim Cúc | Khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 242 | 203.6 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1877 | 24 | 155 | 2118/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Dương Nguyễn Nhân Hoà | 84, Khu phố 4, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 242 | 205.5 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1878 | 24 | 156 | 2119/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Dương Nguyễn Thanh Bình | 4/1, khu phố Nhất Hoà, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 242 | 211.1 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1879 | 25 | 31 | 2120/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thành Đức và Nguyễn Thị Thuý Liễu | 263/5 Phan Đình Phùng, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | xã Bàu Hàm, thành phố Đồng Nai | 243 | 188.4 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1880 | 25 | 32 | 2121/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Thanh Tùng | D28, Khu phố 2, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 243 | 119.8 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1881 | 25 | 38 | 2122/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Minh Tùng và Đoàn Thanh Mỹ | A1/41, Tổ 7, Khu phố 1, phường Tân Vạn, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai | 243 | 871.0 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1882 | 25 | 39 | 2123/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thành Hổ và Phạm Thị Hai | 23/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 243 | 639.2 | Bản vẽ 977/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|----|-----------------------------|------------------------------|--|--------------------------------------|-----|---------|-----------------|
| 1883 | 25 | 40 | 2124/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Anh Kiệt | 64A, Tổ 7, Khu phố 4, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 243 | 285.2 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1884 | 25 | 41 | 2125/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Anh Kiệt | 64A, Tổ 7, Khu phố 4, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 243 | 635.4 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1885 | 25 | 45 | 2126/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Thanh Thủy | 52/1, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 243 | 877.6 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1886 | 25 | 49 | 2127/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Anh Kiệt | 64A, Tổ 7, Khu phố 4, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 243 | 2,493.8 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1887 | 25 | 50 | 2128/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Anh Kiệt | 64A, Tổ 7, Khu phố 4, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 243 | 2,401.2 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1888 | 25 | 51 | 2129/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đình Văn Trừ và Huỳnh Thị Cử | 234/1, Tổ 11, khu phố Nhất Hoà, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 243 | 778.2 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1889 | 25 | 52 | 2130/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đình Văn Trừ và Huỳnh Thị Cử | 234/1, Tổ 11, khu phố Nhất Hoà, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 243 | 1,334.6 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1890 | 25 | 53 | 2131/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Phú Gia Hân | 585/1, Hồ Học Lãm, phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh | phường An Lạc, thành phố Hồ Chí Minh | 243 | 2,957.8 | Bản vẽ 977/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|----|-----------------------------|------------------------------------|--|--------------------------------------|-----|---------|-----------------|
| 1891 | 25 | 54 | 2132/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Đức Hoài và Phạm Thị Hải | 234/1, Tổ 11, khu phố Nhất Hoà, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 243 | 2,296.2 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1892 | 25 | 60 | 2133/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Võ Duy Phương và Trần Thị Hồng Nga | Khóm 3, Ngô Quyền, xã Bàu Hàm 2, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai | xã Dầu Giây, thành phố Đồng Nai | 243 | 921.1 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1893 | 25 | 61 | 2134/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Võ Duy Phương và Trần Thị Hồng Nga | Khóm 3, Ngô Quyền, xã Bàu Hàm 2, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai | xã Dầu Giây, thành phố Đồng Nai | 243 | 1,103.8 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1894 | 25 | 62 | 2135/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Võ Duy Phương và Trần Thị Hồng Nga | Khóm 3, Ngô Quyền, xã Bàu Hàm 2, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai | xã Dầu Giây, thành phố Đồng Nai | 243 | 1,520.1 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1895 | 25 | 64 | 2136/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đình Thị Yên Nhi | 231/1, khu phố Nhất Hoà, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 243 | 1,684.6 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1896 | 25 | 65 | 2137/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đình Thị Yên Nhi | 231/1, khu phố Nhất Hoà, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 243 | 499.3 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1897 | 25 | 66 | 2138/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Văn Hạp | 267/3 khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 243 | 376.3 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1898 | 25 | 73 | 2139/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Văn Hạp | 267/3 khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 243 | 152.4 | Bản vẽ 977/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|----|-----------------------------|-------------------------------------|--|--------------------------------------|-----|---------|-----------------|
| 1899 | 25 | 74 | 2140/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phạm Thái Hợp | 218 Chung cư 5 tầng, lô B, phường Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai | 243 | 1,530.6 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1900 | 25 | 75 | 2141/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Sơn và Trương Thị Minh Nguyệt | 134A/1, khu phố Nhất Hoà, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 243 | 699.8 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1901 | 25 | 76 | 2142/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đình Thị Yên Nhi | 231/1, khu phố Nhất Hoà, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 243 | 636.4 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1902 | 25 | 77 | 2143/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Văn Trước và Nguyễn Thị Phụng | 22/1 KP Nhất Hoà, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 243 | 107.1 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1903 | 25 | 78 | 2144/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Sơn và Trương Thị Minh Nguyệt | 134A/1, khu phố Nhất Hoà, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 243 | 215.8 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1904 | 25 | 79 | 2145/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Sơn và Trương Thị Minh Nguyệt | 134A/1, khu phố Nhất Hoà, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 243 | 1,354.2 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1905 | 25 | 80 | 2146/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Sơn và Trương Thị Minh Nguyệt | 134A/1, khu phố Nhất Hoà, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 243 | 450.7 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1906 | 25 | 81 | 2147/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Văn Hạp | 267/3 khu phố Tam Hoà, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 243 | 98.6 | Bản vẽ 977/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|-----------------------------|-------------------------------------|--|--------------------------------------|-----|---------|-----------------|
| 1907 | 25 | 89 | 2148/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Sơn và Trương Thị Minh Nguyệt | 134A/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 243 | 73.4 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1908 | 25 | 95 | 2149/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Sơn và Trương Thị Minh Nguyệt | 134A/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 243 | 65.8 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1909 | 25 | 96 | 2150/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Sơn và Trương Thị Minh Nguyệt | 134A/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 243 | 1,055.0 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1910 | 25 | 97 | 2151/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hoàng Thị Bích | 7/1, khu phố 2, phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 243 | 5,736.2 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1911 | 25 | 106 | 2152/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hoàng Quyết Thắng | G15A Tổ 5, Khu phố 5, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 243 | 96.8 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1912 | 25 | 108 | 2153/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hoàng Quyết Thắng | G15A, Tổ 5, Khu phố 5, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 243 | 1,231.5 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1913 | 25 | 109 | 2154/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hoàng Quyết Thắng | G15A Tổ 5, Khu phố 5, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 243 | 2,304.6 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1914 | 25 | 121 | 2155/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đặng Thị Thu Trang | 894/39, Tổ 29, Khu phố 2A, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 243 | 1,047.7 | Bản vẽ 977/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|-----------------------------|-------------------------------------|---|--------------------------------------|-----|---------|-----------------|
| 1915 | 25 | 129 | 2156/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Duyên Duyên | F229, Khu phố 7, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trán Biên, thành phố Đồng Nai | 243 | 44.7 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1916 | 25 | 131 | 2157/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đặng Thị Thu Trang | 894/39, Tổ 29, Khu phố 2A, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 243 | 4,583.2 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1917 | 25 | 132 | 2158/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đặng Thị Thu Trang | 221, khu phố 2, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 243 | 194.5 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1918 | 25 | 141 | 2159/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đặng Thị Thu Trang | 894/39, Tổ 29, Khu phố 2A, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai | 243 | 961.4 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1919 | 25 | 142 | 2160/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Hoàng Trung | 15/3C, Khu phố 2, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trán Biên, thành phố Đồng Nai | 243 | 768.0 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1920 | 25 | 152 | 2161/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Sơn và Trương Thị Minh Nguyệt | 134A/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trán Biên, thành phố Đồng Nai | 243 | 230.4 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1921 | 25 | 158 | 2162/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Bé Hai | J41 Võ Thị Sáu, Khu phố 7, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trán Biên, thành phố Đồng Nai | 243 | 181.2 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1922 | 25 | 159 | 2163/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Bé Hai | J41 Võ Thị Sáu, Khu phố 7, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trán Biên, thành phố Đồng Nai | 243 | 406.6 | Bản vẽ 977/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|-----------------------------|---------------------------------------|---|--------------------------------------|-----|---------|-----------------|
| 1923 | 25 | 160 | 2164/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Minh Tùng và Đoàn Thanh Mỹ | A1/141, phường Tân Vạn, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai | 243 | 1,046.0 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1924 | 25 | 165 | 2165/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Văn Hột và Trịnh Kim Phượng | 136/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 243 | 102.2 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1925 | 25 | 166 | 2166/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Thái Sơn và Hoàng Thị Thủy Dương | 125/13A, khu phố 2, phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 243 | 149.1 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1926 | 25 | 179 | 2167/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Bùi Thị Bảy | 22/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 243 | 1,005.5 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1927 | 25 | 180 | 2168/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Văn Đô | 22B/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 243 | 966.1 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1928 | 25 | 182 | 2169/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Thị Lệ Hằng; Trần Thị Lệ Thu | 22A/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. 67/3H, khu phố 2, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 243 | 518.4 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1929 | 25 | 183 | 2170/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Văn Điệp | 22/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 243 | 535.4 | Bản vẽ 977/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|-----------------------------|--|--|--------------------------------------|-----|---------|-----------------|
| 1930 | 25 | 186 | 2171/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Bùi Thị Bảy | 22/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 243 | 1,439.0 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1931 | 25 | 187 | 2172/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Đức Duy Khoa và Trịnh Thị Mỹ Hạnh | Khu phố 8, phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 243 | 577.1 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1932 | 25 | 188 | 2173/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hùynh Sơn và Trương Thị Minh Nguyệt | 134A/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 243 | 2,632.7 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1933 | 25 | 191 | 2174/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Thanh Tùng | D28, Khu phố 2, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 243 | 843.0 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1934 | 25 | 192 | 2175/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thành Đức và Nguyễn Thị Thuý Liễu | 263/5 Phan Đình Phùng, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | xã Bàu Hàm, thành phố Đồng Nai | 243 | 844.1 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1935 | 25 | 208 | 2176/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Hoàng Quyết Thắng | G15A, Tổ 5, Khu phố 5, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 243 | 522.9 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1936 | 25 | 209 | 2177/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đông Nguyễn CDanh | Tổ 8, Khu phố 4, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai | phường Tân Triều, thành phố Đồng Nai | 243 | 537.1 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1937 | 25 | 210 | 2178/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đông Thị Quế Anh | Tổ 8, Khu phố 4, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai | phường Tân Triều, thành phố Đồng Nai | 243 | 573.0 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1938 | 25 | 211 | 2179/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Thanh Hiền | 200 Đỗ Văn Thi, khu phố Nhất Hoà, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 243 | 540.5 | Bản vẽ 977/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|------------------------------------|---------------------------------|---|--|-----|---------|-----------------|
| 1939 | 25 | 212 | 2180/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thành Đức | 263/5, Phan Đình Phùng, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | xã Bàu Hàm, thành phố Đồng Nai | 243 | 1,484.4 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1940 | 50 | 7 | 2181/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Lưu Hoa | 16A Cách Mạng Tháng 8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 1,130.9 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1941 | 50 | 8 | 2182/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Minh Tuấn | 28B Hoàng Minh Châu, phường Hòa Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 142.6 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1942 | 50 | 22 | 2183/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thành Phúc | 35/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 364.8 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1943 | 50 | 23 | 2184/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Phan Thị Hồng Yên | A2/ 110C, Khu phố 2, phường Tân Vạn, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai | 268 | 270.0 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1944 | 50 | 35 | 2185/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Đậu Hoàng Nguyên | 3 Đường N11 KDC Võ Thị Sáu, khu phố 7, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 141.3 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1945 | 50 | 62 | 2186/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Văn Kích và Cao Thị Tú | 51/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 724.2 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1946 | 50 | 72 | 2187/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Lê Thị Út | 38/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 605.0 | Bản vẽ 977/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|-----------------------------|-----------------------------------|--|--------------------------------------|-----|---------|-----------------|
| 1947 | 50 | 73 | 2188/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Văn Thiện và Trương Ngọc Ánh | 48/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 1,217.1 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1948 | 50 | 74 | 2189/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Văn Thiện và Trương Ngọc Ánh | 48/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 52.4 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1949 | 50 | 89 | 2190/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Văn Thiện và Trương Ngọc Ánh | 48/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 259.9 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1950 | 50 | 90 | 2191/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Văn Thiện và Trương Ngọc Ánh | 48/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 90.9 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1951 | 50 | 91 | 2192/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Văn Thiện và Trương Ngọc Ánh | 48/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 415.1 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1952 | 50 | 92 | 2193/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Văn Thiện và Trương Ngọc Ánh | 48/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 220.0 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1953 | 50 | 100 | 2194/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Nam và Đỗ Thị Hương | 350/A2, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 371.5 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1954 | 50 | 101 | 2195/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Nam và Đỗ Thị Hương | 350/A2, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 913.2 | Bản vẽ 977/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|-----------------------------|---------------------------------|---|--------------------------------------|-----|---------|-----------------|
| 1955 | 50 | 112 | 2196/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Văn Hương và Đỗ Thị Hương | 40/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 245.2 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1956 | 50 | 113 | 2197/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Cứng | 41/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 12.4 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1957 | 50 | 117 | 2198/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Cứng | 41/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 19.3 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1958 | 50 | 118 | 2199/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Cứng | 41/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 124.7 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1959 | 50 | 119 | 2200/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Cứng | 41/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 1,346.0 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1960 | 50 | 120 | 2201/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Quan Ngọc Liên | 568 Khu phố 1, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai | phường Tân Triều, thành phố Đồng Nai | 268 | 87.0 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1961 | 50 | 128 | 2202/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Quan Ngọc Liên | 568 KP 1, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai | phường Tân Triều, thành phố Đồng Nai | 268 | 603.1 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1962 | 50 | 129 | 2203/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đỗ Nguyên Thiện và Bùi Hồng Anh | 276 Đường 30/4, Khu phố 3, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | xã Bàu Hàm, thành phố Đồng Nai | 268 | 91.2 | Bản vẽ 977/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|-----------------------------|--|--|--------------------------------------|-----|---------|-----------------|
| 1963 | 50 | 130 | 2204/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Nghĩa và Nguyễn Văn Nhân | 39B/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai 39C/A1 khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 91.8 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1964 | 50 | 140 | 2205/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Nghĩa | 39/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 75.4 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1965 | 50 | 141 | 2206/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Thị Thủy | 8, Đường D5, Tổ 18, Khu phố 5, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 268 | 499.2 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1966 | 50 | 142 | 2207/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Thị Thủy | 8, Đường D5, Tổ 18, Khu phố 5, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 268 | 119.8 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1967 | 50 | 143 | 2208/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Lê Ngọc Hiếu và Nguyễn Thị Kim Danh | 38B/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 65.8 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1968 | 50 | 165 | 2209/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Thị Bích Thủy | 40/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 1,205.6 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1969 | 50 | 166 | 2210/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Niên và Lê Thị Chử | 39/A1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 43.9 | Bản vẽ 977/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|-----------------------------|-------------------------------------|--|--------------------------------------|-----|---------|-----------------|
| 1970 | 50 | 194 | 2211/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Duy Thái và Võ Thị Thanh Trúc | 236/70A Đỗ Văn Thi, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 1,347.0 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1971 | 50 | 195 | 2212/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Phan Quốc Thanh | 184/A2, khu phố Nhị Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 435.3 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1972 | 50 | 197 | 2213/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Gám và Trần Thị Tú Trinh | 394/11, Khu phố 1, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 915.2 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1973 | 50 | 198 | 2214/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Võ Bình Thanh và Trần Thị Thu Thủy | K4/178, khu phố Tân Mỹ, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai | 268 | 729.8 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1974 | 50 | 199 | 2215/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Thân và Phạm Thị Tý | 31/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 637.3 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1975 | 50 | 200 | 2216/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Thắng | 31/1, khu phố Nhất Hoà, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 470.8 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1976 | 50 | 203 | 2217/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Vi Thị Kim Hà | 41/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 11.1 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1977 | 50 | 221 | 2218/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Vũ Văn Bình và Nguyễn Thị Kim Dung | 102/4, Khu phố 2, phường Tân Mai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 268 | 147.4 | Bản vẽ 977/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|------------------------------------|-------------------------------------|---|--|-----|---------|-----------------|
| 1978 | 50 | 222 | 2219/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Lê Thị Kim Huệ | 57/A1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 66.1 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1979 | 50 | 234 | 2220/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Trần Văn Trạo và Nguyễn Thị Đăng | 248, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hoà, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. 18, khu phố 5, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 782.9 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1980 | 51 | 2 | 2221/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Thân và Phạm Thị Tý | 31/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 269 | 306.7 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1981 | 51 | 6 | 2222/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Lê Quan An và Cao Thị Hợi | 32/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 269 | 515.0 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1982 | 51 | 7 | 2223/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Lưu Hoa | 16A Cách Mạng Tháng 8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 269 | 2,573.2 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1983 | 51 | 8 | 2224/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Hùng và Phan Thị Ngọc | 35/1, khu phố Nhất Hòa phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 269 | 317.0 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1984 | 51 | 9 | 2225/TB- UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Hùng và Phan Thị Ngọc | 35/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 269 | 96.5 | Bản vẽ 977/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|----|-----------------------------|--------------------------------|--|--------------------------------------|-----|-------|-----------------|
| 1985 | 51 | 10 | 2226/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Thị Vàng | 55/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 269 | 194.1 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1986 | 51 | 11 | 2227/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Văn Minh | 36/1, khu phố Nhất Hoà, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 269 | 159.7 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1987 | 51 | 12 | 2228/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Vũ Ngọc Thạch | E346 Khu phố 5, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Long Bình, thành phố Đồng Nai | 269 | 107.1 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1988 | 51 | 13 | 2229/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Vũ Ngọc Thạch | E346 Khu phố 5, phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai | phường Long Bình, thành phố Đồng Nai | 269 | 947.3 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1989 | 51 | 14 | 2230/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Văn Hảo và Phạm Thị Lượng | 36/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 269 | 103.0 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1990 | 51 | 15 | 2231/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Văn Hảo và Phạm Thị Lượng | 36/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 269 | 172.2 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1991 | 51 | 16 | 2232/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thành Phúc | E346 Khu phố 5, phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 269 | 329.3 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1992 | 51 | 17 | 2233/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Lệ Hằng | Phạm Văn Thuận, khu phố 2, phường Tân Mai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 269 | 293.0 | Bản vẽ 977/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|----|-----------------------------|---------------------------------|--|--------------------------------------|-----|-------|-----------------|
| 1993 | 51 | 18 | 2234/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thị Lệ Hằng | Phạm Văn Thuận, khu phố 2, phường Tân Mai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 269 | 396.1 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1994 | 51 | 19 | 2235/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Vũ Ngọc Thạch | E346 Khu phố 5, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Long Bình, thành phố Đồng Nai | 269 | 246.3 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1995 | 51 | 20 | 2236/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Cao Nhật Tâm | Khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 269 | 765.6 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1996 | 51 | 23 | 2237/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Văn Thành và Huỳnh Thị Châu | 29/1 Tổ 21, Khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 269 | 304.6 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1997 | 51 | 24 | 2238/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Thị Thu Hà | 29/1B, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 269 | 74.8 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1998 | 51 | 25 | 2239/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Huỳnh Thị Hồng Hạnh | 236/56A, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 269 | 428.0 | Bản vẽ 977/2025 |
| 1999 | 51 | 26 | 2240/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Thắng và Lê Thị Liên | 31/1 khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 269 | 428.7 | Bản vẽ 977/2025 |
| 2000 | 51 | 32 | 2241/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Minh Đức | 28/1, khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 269 | 166.9 | Bản vẽ 977/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|-----------------------------|--------------------------------------|---|--------------------------------------|-----|-------|-----------------|
| 2001 | 51 | 33 | 2242/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Quang Lộc và Đặng Thị Đẹp | 28/1 khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 269 | 58.0 | Bản vẽ 977/2025 |
| 2002 | 52 | 235 | 2243/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Trần Minh Tân | 145/22/12, Khu phố 1, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai | 270 | 815.0 | Bản vẽ 977/2025 |
| 2003 | 52 | 236 | 2244/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Trần Hải | 50/3, Khu phố 2, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 837.5 | Bản vẽ 977/2025 |
| 2004 | 52 | 237 | 2245/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Võ Văn Bài và Nguyễn Thị Huyền Hân | 50/3, Khu phố 2, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 787.6 | Bản vẽ 977/2025 |
| 2005 | 52 | 238 | 2246/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Trần Hậu và Trần Thị Điềm Thi | 50/3, Khu phố 2, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 270 | 678.0 | Bản vẽ 977/2025 |
| 2006 | 52 | 239 | 2247/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Quốc Mỹ | Khu phố 2, xã Phước Bình, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai | xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai | 270 | 584.2 | Bản vẽ 977/2025 |
| 2007 | 52 | 240 | 2248/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Quốc Mỹ | Khu phố 2, xã Phước Bình, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai | xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai | 270 | 458.5 | Bản vẽ 977/2025 |
| 2008 | 52 | 241 | 2249/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Quốc Mỹ | Khu phố 2, xã Phước Bình, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai | xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai | 270 | 330.5 | Bản vẽ 977/2025 |
| 2009 | 52 | 242 | 2250/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Quốc Mỹ | Khu phố 2, xã Phước Bình, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai | xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai | 270 | 522.2 | Bản vẽ 977/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|-----------------------------|--------------------------------------|--|--------------------------------------|-----|---------|-----------------|
| 2010 | 23 | 123 | 2251/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Công Thắng và Ngô Thị Dung | RSH, 03-26 Ấp Phước Hội, phường Long Hưng, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 1.8 | Bản vẽ 977/2025 |
| 2011 | 24 | 46 | 2252/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Bồng và Lý Thị Ba | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 242 | 1,049.8 | Bản vẽ 977/2025 |
| 2012 | 24 | 74 | 2253/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Đinh Văn Ba và Nguyễn Thị Danh | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 242 | 34.0 | Bản vẽ 977/2025 |
| 2013 | 24 | 153 | 2254/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Thy Kim Loan | 2/11A khu phố 1, phường Tân Mai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 242 | 68.9 | Bản vẽ 977/2025 |
| 2014 | 50 | 34 | 2255/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Hùng | 35/1, khu phố Nhất Hòa, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 268 | 938.4 | Bản vẽ 977/2025 |
| 2015 | 51 | 5 | 2256/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Lê Quan Lộc và Đặng Thị Đẹp | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 269 | 142.0 | Bản vẽ 977/2025 |
| 2016 | 51 | 27 | 2257/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Nguyễn Văn Thân | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 269 | 206.3 | Bản vẽ 977/2025 |
| 2017 | 23 | 98 | 2258/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 492.5 | Bản vẽ 977/2025 |
| 2018 | 23 | 202 | 2259/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 9.3 | Bản vẽ 977/2025 |
| 2019 | 23 | 258 | 2260/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 746.3 | Bản vẽ 977/2025 |

| | | | | | | | | | |
|------|----|-----|-----------------------------|--------------------------------------|--|--------------------------------------|-----|---------|-----------------|
| 2020 | 23 | 263 | 2261/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 1,117.8 | Bản vẽ 977/2025 |
| 2021 | 23 | 264 | 2262/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 241 | 2,645.7 | Bản vẽ 977/2025 |
| 2022 | 24 | 107 | 2263/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 242 | 32.8 | Bản vẽ 977/2025 |
| 2023 | 24 | 144 | 2264/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 242 | 52.4 | Bản vẽ 977/2025 |
| 2024 | 24 | 145 | 2265/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 242 | 61.2 | Bản vẽ 977/2025 |
| 2025 | 25 | 90 | 2266/TB-UBND ngày 15/4/2026 | Chưa xác định được người sử dụng đất | phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai | 243 | 396.0 | Bản vẽ 977/2025 |